



FIGURES & EVENTS REVIEW
OF THE GSO (MPI)

Con số SỰ KIỆN

ISSN 2734-9136

TẠP CHÍ CỦA TỔNG CỤC THỐNG KÊ | BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ | NĂM THỨ 60 - KỶ II - 3/2021



VIỆT NAM
SIẾT CHẶT QUẢN LÝ TIỀN ẢO



XUẤT KHẨU BỨT TỐC
NHỮNG THÁNG ĐẦU NĂM 2021



PHƯƠNG PHÁP BIÊN SOẠN
CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN
KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA VIỆT NAM



NỀN TẢNG THANH TOÁN
"MUA TRƯỚC, TRẢ SAU"
THẮNG LỚN TRONG MÙA DỊCH

CON SỐ & SỰ KIỆN

Tạp chí của Tổng cục Thống kê ISSN 2734-9136. Số kỳ II - 3/2021 (594) Ra hàng tháng. Năm thứ 60

Tổng biên tập: NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG - Phó Tổng biên tập: BÙI BÍCH THỦY - NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LAN

Tòa soạn: 54 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội **ĐT:** (84-24) 37344920 - 37344970 - 37344971

Fax: 84-24-37344969 **Email:** consosukien@gso.gov.vn

Giấy phép xuất bản số 905/GP-BTTTT ngày 14-6-2011. Số lượng in: 1.200 bản

In tại Công ty TNHH In Tân Thăng Long

Ấn phẩm được phát hành qua ngành Bưu điện. Độc giả đặt mua tại các Bưu điện trong cả nước.

TRONG SỐ NÀY

HOẠT ĐỘNG TRONG NGÀNH

1. Tổng cục Thống kê họp rà soát Chương trình hành động của Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045

2. Hội thảo triển khai xây dựng hệ thống chỉ tiêu thống kê kinh tế số

3. Tổng cục Thống kê và ILO tại Việt Nam làm việc và giám sát cuộc điều tra lao động việc làm năm 2021 tại tỉnh Phú Thọ

5. Kỳ họp lần thứ 52 của Ủy ban Thống kê Liên hợp quốc

KINH TẾ - XÃ HỘI

7. Việt Nam kiểm soát tốt dịch bệnh Covid-19 lần thứ 3

Bích Ngọc

10. Hệ thống Ngân hàng Việt Nam năm 2020: Hoạt động kinh doanh an toàn, hiệu quả

TS. Nguyễn Hoàn

13. Việt Nam siết chặt quản lý tiền ảo

ThS. Nguyễn Chung Thủy

16 Cam kết phòng vệ thương mại trong EVFTA

Minh Hà

19. UKVFTA đảm bảo nối tiếp thương mại song phương hai nước Việt - Anh

TS. Trần Thị Minh Trâm

22. Xuất khẩu bút tốc những tháng đầu năm 2021

ThS. Lương Thị Thu Hằng - ThS. Lê Thị Loan

25. Nâng tầm thương hiệu trái cây Việt

Hoài An

28. Ngành chăn nuôi - Thực trạng và giải pháp phát triển bền vững

Gia Linh

31. Phát triển đô thị thông minh tại Việt Nam

Tiến Long

34. Hai năm thực hiện Nghị định số 52/2018/NĐ-CP của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn

Hùng Ngân

36. Tin địa phương

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

38. Phương pháp biên soạn chỉ số đánh giá trình độ phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam

TS. Nguyễn Huy Lương

46. Đo lường sự phát triển bền vững của doanh nghiệp

Giang Minh Đức

QUỐC TẾ

49. Những xu hướng công nghệ đáng chú ý trong năm 2021

Trúc Linh

52. Nền tảng thanh toán "mua trước, trả sau" thắng lớn trong mùa dịch

Quang Vinh

Giá: 24.000 đ

TỔNG CỤC THỐNG KÊ HỢP RÀ SOÁT CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN THỐNG KÊ VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

Chiều ngày 12/3, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê (TCTK) đã tổ chức họp rà soát Chương trình hành động của Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 (CLPTTK21-30). Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương chủ trì cuộc họp.

Tham gia cuộc họp có các Phó Tổng cục trưởng TCTK: Phạm Quang Vinh, Nguyễn Trung Tiến; các thành viên Tổ công tác xây dựng CLPTTK21-30; đại diện lãnh đạo, chuyên viên các Vụ của TCTK và lãnh đạo Cục Thống kê TP.Hà Nội.

Phát biểu chỉ đạo cuộc họp, Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương cho biết, các Vụ đã thực hiện rà soát 8 chương trình hành động đưa vào trong CLPTTK21-30 và gắn các chương trình với nhiệm vụ cụ thể của từng đơn vị. Trong đó đã sửa đổi ý tưởng câu chữ, thay đổi cơ bản từ ngữ trong chiến lược chương trình hành động mà trong chiến lược dự thảo đã và đang xin ý kiến. Tại cuộc họp, Viện Khoa học Thống kê tổng hợp lại toàn bộ nội dung chương trình hành động đã được thảo luận trong thời gian qua để các đại biểu rà soát lại. Sau đó, cho ý kiến để hoàn thiện trong đó tập trung vào chương trình hành động.

Tại cuộc họp, các đại biểu đã nghe báo cáo hoàn thiện nội dung các Chương trình hành động của CLPTTK21-30 và tập trung thảo luận, thống nhất nội dung các chương trình hành động đưa vào Chương trình hành động của CLPTTK21-30.

Dự thảo Quyết định phê duyệt CLPTTK21-30 gồm 4 Điều với mục tiêu tổng quát Thống kê Việt Nam đổi mới, sáng tạo, phát triển



nhanh và bền vững theo hướng hiện đại với mô hình tổ chức hợp lý, nguồn nhân lực chất lượng cao và chuyên nghiệp, công nghệ hiện đại; sản xuất và phổ biến thông tin thống kê theo chuẩn mực và thông lệ quốc tế, hình thành hệ thống thông tin thống kê quốc gia tập trung, thống nhất, thông suốt, chất lượng và hiệu quả; đáp ứng tốt hơn nhu cầu sử dụng thông tin ngày càng tăng lên của xã hội; phấn đấu đến năm 2030 đạt trình độ tiên tiến trong khu vực và năm 2045 trở thành hệ thống thống kê hiện đại trên thế giới.

Dự thảo CLPTTK21-30 đặt ra mục tiêu cụ thể: Tăng cường sử dụng nguồn dữ liệu từ hồ sơ hành chính và các nguồn dữ liệu khác cho hoạt động thống kê; phấn đấu đến năm 2025 thay thế được 30% nguồn dữ liệu điều tra thống kê; đến năm 2030 thay thế được 60%; Mức độ thực hiện Hệ thống tài khoản quốc gia 2008 (SNA2008) đạt mức 4/6 vào năm 2025; đạt mức 5/6 vào năm 2030; 100% chỉ tiêu thống kê thuộc các hệ thống chỉ tiêu thống kê được biên soạn và công bố theo chuẩn mực thống kê Việt Nam vào năm 2025; Cập nhật đầy đủ, thường xuyên

Hệ thống phổ biến dữ liệu chung tăng cường (e-GDDS); trên 50% số chỉ tiêu thuộc Hệ thống phổ biến dữ liệu riêng (SDDS) đảm bảo tiêu chuẩn theo SDDS vào năm 2025; trên 75% vào năm 2030; 70% sản phẩm và dịch vụ thống kê được cung cấp cho người dùng đúng hạn vào năm 2025; 100% vào năm 2030; Tăng cường cung cấp dữ liệu vi mô theo yêu cầu của người sử dụng thông tin thống kê; phấn đấu đến năm 2025 cung cấp dữ liệu vi mô tăng gấp 3 lần và đến năm 2030 tăng gấp 10 lần so với năm 2020; 50% hoạt động thống kê được tự động hóa vào năm 2025 và 100% vào năm 2030; 50% hoạt động thống kê được chuyển đổi số vào năm 2025 và 70% vào năm 2030; Chỉ số năng lực thống kê đạt 90 điểm (thang điểm 100) vào năm 2025; đạt 95 điểm vào năm 2030; Chỉ số dữ liệu mở đạt 0,85 vào năm 2025; đạt 0,99 vào năm 2030; Tỷ lệ hài lòng của người sử dụng thông tin thống kê đạt 60% vào năm 2025; đạt 75% vào năm 2030; Phấn đấu đến năm 2030 đạt trình độ tiên tiến trong khu vực; đến năm 2045 trở thành hệ thống thống kê hiện đại trên thế giới./

M.T

HỘI THẢO TRIỂN KHAI XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ KINH TẾ SỐ

Thực hiện Quyết định số 92/QĐ-TCTK ngày 28/01/2021 về việc thành lập Tổ xây dựng hệ thống chỉ tiêu thống kê kinh tế số, chiều ngày 11/3/2021, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê (TCTK) tổ chức Hội thảo triển khai xây dựng hệ thống chỉ tiêu thống kê kinh tế số. Phó Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Trung Tiến - Tổ trưởng Tổ xây dựng hệ thống chỉ tiêu kinh tế số, tham dự và chủ trì Hội thảo. Tham dự Hội thảo có đại diện lãnh đạo một số đơn vị thuộc TCTK; các thành viên thuộc Tổ xây dựng hệ thống chỉ tiêu thống kê số của TCTK, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Thông tin và Truyền thông.

Tại Hội thảo, các đại biểu đã được nghe đại diện Vụ Phương pháp Chế độ và Quản lý chất lượng Thống kê, TCTK trình bày Kế hoạch triển khai xây dựng hệ thống chỉ tiêu thống kê kinh tế số và một số nội dung cơ bản liên quan đến xây dựng hệ thống chỉ tiêu.

Theo đó, một số nội dung bao gồm: Căn cứ xây dựng bộ chỉ tiêu thống kê kinh tế số, khái niệm "Kinh tế số", hình thức ban hành bộ chỉ tiêu thống kê kinh tế số, kế hoạch xây dựng, nguyên tắc xây dựng bộ chỉ tiêu và tham khảo cách đo lường kinh tế số và các chỉ tiêu thống kê kinh tế số.

Theo Kế hoạch triển khai và phân công nhiệm vụ cho các thành viên thuộc Tổ xây dựng hệ thống chỉ tiêu thống kê kinh tế số, dự kiến đến tháng 12/2021

Tổ xây dựng sẽ hoàn thiện hồ sơ trình lãnh đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư.

Về phân công nhiệm vụ:

+ Đối với các thành viên thuộc Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng Thống kê: Làm đầu mối thực hiện các công việc liên quan đến xây dựng Văn bản quy định bộ chỉ tiêu thống kê kinh tế số; Lên Kế hoạch xây dựng Văn bản; Xác định sự cần thiết, nguyên tắc xây dựng bộ chỉ tiêu thống kê kinh tế số; Dự thảo các tài liệu trình cấp có thẩm quyền gồm: Tờ trình, dự thảo văn bản, bảng tiếp thu giải trình ý kiến; Tiến hành các thủ tục mời họp Tổ xây dựng, hội thảo,...; Thực hiện các thủ tục, quy trình xây dựng Văn bản theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Hoàn thiện hồ sơ xin ý kiến thẩm định, giải trình ý kiến thẩm định; Đôn đốc các thành viên trong Tổ xây dựng thực hiện các nội dung công việc của Tổ theo đúng tiến độ.

+ Các thành viên khác của Tổ xây dựng cần đảm bảo thực hiện đúng tiến độ các công việc: Xác định các chỉ tiêu thống kê kinh tế số liên quan đến lĩnh vực phụ trách; Dự thảo nội dung các chỉ tiêu thống kê kinh tế số phù hợp với quy định của Luật Thống kê và các quy định hiện hành; Phối hợp với các đơn vị liên quan của Tổng cục Thống kê để cung cấp thông tin từ Bộ, ngành phục vụ cho việc xây dựng chỉ tiêu kinh tế số; Cho ý kiến

đối với các dự thảo của Tổ xây dựng; Phối hợp với Tổ xây dựng thực hiện công việc khi có yêu cầu.

Hội thảo đã dành nhiều thời gian để các đại biểu tham gia đóng góp ý kiến, thảo luận với các nội dung: Khái niệm kinh tế số; Đề xuất cách thức xây dựng, tên các chỉ tiêu; Phương pháp tính toán; Nguồn số liệu; Cơ quan chịu trách nhiệm tính toán...

Kết luận tại Hội thảo, Phó Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Trung Tiến đánh giá cao sự chuẩn bị của các thành viên thuộc Tổ xây dựng hệ thống chỉ tiêu thống kê kinh tế số. Với những nền tảng nghiên cứu ban đầu đó, các thành viên Tổ xây dựng cần tiếp thu các ý kiến góp ý, tổng hợp và từng bước hoàn thiện và xây dựng hệ thống chỉ tiêu thống kê kinh tế số. Đặc biệt, Phó Tổng cục trưởng cũng đánh giá cao những ý kiến trong đề xuất và cách tiếp cận của các đại biểu thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Thông tin và Truyền thông.

Để hoàn thành nhiệm vụ xây dựng hệ thống chỉ tiêu thống kê kinh tế số, Phó Tổng cục trưởng đề nghị Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng Thống kê có sự phân công hoàn thành chỉ tiêu theo nhóm, theo lĩnh vực và các chuyên ngành phù hợp, đầy đủ; Tham khảo ý kiến giữa các nhóm để có được những góc nhìn tổng thể, đảm bảo đúng nguyên tắc và phù hợp với quốc tế./.

Thu Hòa

TỔNG CỤC THỐNG KÊ VÀ ILO TẠI VIỆT NAM LÀM VIỆC VÀ GIÁM SÁT CUỘC ĐIỀU TRA LAO ĐỘNG VIỆC LÀM NĂM 2021 TẠI TỈNH PHÚ THỌ



Ngày 05 tháng 3 năm 2021, Đoàn công tác của Tổng cục Thống kê (TCTK) và Văn phòng Tổ chức Quốc tế (ILO) tại Việt Nam do bà Nguyễn Thị Hương, Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê làm trưởng đoàn đã làm việc và thực hiện giám sát cuộc điều tra lao động việc làm năm 2021 tại tỉnh Phú Thọ (kỳ tháng 3). Tham gia Đoàn công tác có ông Chang Hee Lee - Giám đốc Văn phòng ILO tại Việt Nam, bà Valentina Barcucci - Chuyên gia kinh tế Lao động - Văn phòng ILO tại Việt Nam cùng đại diện Lãnh đạo, công chức các đơn vị thuộc TCTK: Vụ Thống kê Dân số và Lao động, Vụ Thống kê nước ngoài và Hợp tác quốc tế, Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin.

Tiếp và làm việc với Đoàn có đồng chí Phan Trọng Tấn - Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch UBND tỉnh; Lãnh đạo Cục Thống kê, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cùng các Trưởng phòng, phó trưởng phòng của Cục Thống kê tỉnh Phú Thọ.

Đồng chí Nguyễn Hiền Minh - Q.Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh Phú Thọ đã giới thiệu khái quát về

tỉnh Phú Thọ, báo cáo việc triển khai công tác điều tra lao động, việc làm trên địa bàn tỉnh. Thực hiện Quyết định số 1750/QĐ-TCTK ngày 07/12/2020 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê về việc ban hành Phương án Điều tra lao động việc làm năm 2021, tỉnh Phú Thọ triển khai điều tra tại 78 địa bàn, gồm 27 địa bàn khu vực thành thị và 51 địa bàn khu vực nông thôn, được chia theo từng kỳ điều tra (07 ngày đầu tiên của mỗi tháng). Để chuẩn bị tốt cho công tác điều tra, Cục Thống kê tỉnh đã tuyển chọn 28 điều tra viên, bình quân 1 điều tra viên phụ trách 1 địa bàn. Trong 2 tháng đầu năm 2021, điều tra viên đã điều tra tại 52 địa bàn (18 địa bàn khu vực thành thị và 34 địa bàn khu vực nông thôn); tổng số đã điều tra 624 phiếu hộ và 1.611 phiếu cá nhân. Cục Thống kê tỉnh Phú Thọ phân công nhiệm vụ cho từng giám sát viên phụ trách các huyện, thành, thị đơn đốc tiến độ điều tra trên trang web điều hành, đồng thời kiểm tra lỗi logic hàng ngày thông báo cho điều tra viên xác minh thông tin, sửa lỗi và đồng bộ lại dữ liệu

để truyền về Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê - Tổng cục Thống kê. Thời điểm Đoàn công tác đến giám sát, các điều tra viên đang tổ chức điều tra tại 26 địa bàn (09 địa bàn khu vực thành thị, 17 địa bàn khu vực nông thôn)...

Sau khi nghe báo cáo của tỉnh Phú Thọ, đồng chí Nguyễn Thị Hương - Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê nhấn mạnh: Cuộc điều tra lao động việc làm năm 2021 có ý nghĩa quan trọng nhằm thu thập thông tin về tình trạng tham gia thị trường lao động của những người từ 15 tuổi trở lên hiện đang sống tại Việt Nam để làm cơ sở tổng hợp, biên soạn các chỉ tiêu thống kê quốc gia về lao động, việc làm, thất nghiệp và thu nhập của người lao động. Kết quả cuộc điều tra sẽ giúp Chính phủ, các cấp, các ngành đánh giá, dự báo tình hình biến động của thị trường lao động, từ đó hoạch định chính sách phát triển nguồn nhân lực cũng như xây dựng kế hoạch sản xuất - kinh doanh phù hợp với xu hướng phát triển của thị trường lao động... Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương bày tỏ, Đoàn công tác làm việc với tỉnh Phú Thọ nhằm tìm hiểu sâu hơn về quá trình triển khai điều tra lao động việc làm ở cấp cơ sở; đồng thời, mong nhận được sự phối hợp chặt chẽ của chính quyền các cấp đối với công tác điều tra lao động việc làm nói riêng và công tác thống kê nói chung.

Phát biểu tại buổi làm việc, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Phan Trọng Tấn khẳng định: Bên cạnh những thuận lợi về vị trí địa lý, giao thông, địa hình, thị dân số, lao động chính là lợi thế của tỉnh Phú Thọ. Hiện dân số Phú Thọ có

khoảng gần 1,5 triệu dân (đứng thứ 19/63 tỉnh, thành phố); trong đó có khoảng 845.000 lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế (chiếm 57% dân số); lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên đã qua đào tạo toàn tỉnh đạt 25,8%. Đồng chí nhấn mạnh: Trong những năm qua, công tác thống kê ngày càng đáp ứng tốt hơn, phục vụ đắc lực cho quá trình điều hành phát triển kinh tế - xã hội của mỗi địa phương. Bởi vậy, trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, tỉnh cũng rất cần những thông tin đánh giá chính xác về số lượng, chất lượng nguồn nhân lực; nhu cầu của thị trường lao động cũng như yêu cầu của các nhà đầu tư... Qua đó làm cơ sở để tỉnh xây dựng quy hoạch, chính sách về

dân số, lao động, việc làm... Đồng chí mong muốn Tổng cục Thống kê và Tổ chức Lao động Quốc tế tiếp tục quan tâm, đồng hành với tỉnh trong công tác thống kê, để đưa ra những số liệu phục vụ cho công tác quản lý, điều hành của cấp ủy, chính quyền các cấp trên địa bàn tỉnh.

Trong chương trình làm việc, Đoàn công tác đã trao quà cho các hộ nghèo trên địa bàn thị trấn Thanh Sơn, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Đoàn công tác đã đi khảo sát thực tế hoạt động phỏng vấn của điều tra viên thu thập thông tin lao động việc làm tại thị trấn Thanh Sơn, huyện Thanh Sơn. Làm việc tại UBND huyện Thanh Sơn, đồng chí Nguyễn Thị Hương

- Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê đã đánh giá cao sự vào cuộc trách nhiệm của chính quyền địa phương trong công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân về công tác thống kê, tạo thuận lợi cho các điều tra viên triển khai nhiệm vụ, đáp ứng tiến độ kế hoạch được giao. Đồng chí nhấn mạnh, việc giám sát thực tế tại cơ sở có vai trò quan trọng để đoàn công tác của Tổng cục Thống kê và Tổ chức Lao động Quốc tế có những đánh giá xác thực trong quá trình triển khai, từ đó nghiên cứu, đổi mới phương pháp điều tra lao động việc làm khoa học, tiên tiến, đồng bộ hiệu quả hơn trên địa bàn cả nước./

Hoàng Lê

(Cục Thống kê tỉnh Phú Thọ)

Hội thảo góp ý Dự thảo Báo cáo Tổng kết Đề án 715

Sáng ngày 12/3/2021, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê (TCTK) tổ chức Hội thảo góp ý Dự thảo Báo cáo Tổng kết Đề án 715. Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thị Hương chủ trì Hội thảo.

Tham dự Hội thảo có các Phó Tổng cục trưởng TCTK: Ông Phạm Quang Vinh, ông Nguyễn Trung Tiến; đại diện lãnh đạo và chuyên viên các đơn vị thuộc TCTK.

Tại Hội thảo, các đại biểu đã nghe một số nội dung liên quan đến Dự thảo Báo cáo Tổng kết Đề án 715 gồm: Kết quả khảo sát nhu cầu thông tin GRDP quý của các Cục thống kê và khả năng thực hiện của các Vụ thống kê chuyên ngành; Những thay đổi trong Dự thảo Báo cáo tổng kết so với phiên bản đã trình bày trong Hội nghị Tổng kết Đề án 715 ngày 11/12/2021...

Hội thảo cũng dành thời gian thảo luận và xin ý kiến các đại biểu

tham dự về một số nội dung: Bố cục, văn phong Dự thảo Báo cáo; nghiên cứu nội dung thay đổi, bổ sung Dự thảo Báo cáo Tổng kết Đề án 715; điều chỉnh thời gian công bố số liệu ước tính GRDP 6 tháng và cả năm; đề xuất ứng dụng CNTT tạo lập kênh thông tin nhanh từ các Cục Thống kê phối hợp với các sở, ban ngành báo cáo TCTK phục vụ tính GRDP theo quý, năm; Quy trình và thủ tục để sửa đổi Đề án 715 hoặc xây dựng Đề án mới biên soạn GRDP theo quý...

Liên quan đến thời gian công bố số liệu ước tính GRDP, Phó Tổng cục trưởng Phạm Quang Vinh cho rằng nên xem xét giữ nguyên thời gian công bố số liệu 6 tháng, đồng thời đẩy sớm thời gian công bố năm để phục vụ cho địa phương tốt hơn. Bên cạnh đó, vấn đề tính GRDP theo quý là việc cần phải thực hiện do yêu cầu

từ phía địa phương và Chính phủ nên TCTK cần phải chủ động việc tính toán và đưa ra lộ trình thực hiện hợp lý...

Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Trung Tiến cho rằng, để thực hiện tính GRDP theo quý, cần phải thay đổi cách thức tiếp cận, thay đổi cách điều tra, cũng như phân bổ nguồn lực cho hợp lý...

Kết luận Hội thảo, Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương ghi nhận và đánh giá cao những góp ý Dự thảo Báo cáo Tổng kết Đề án 715 cũng như ý kiến đóng góp của các đại biểu tham dự Hội thảo. Tổng cục trưởng đề nghị các đơn vị nghiệp vụ có liên quan cùng nhau phối hợp thực hiện và khẩn trương hoàn thiện Dự thảo Báo cáo nhằm góp phần nâng cao hiệu quả công tác thống kê phục vụ nhiệm vụ chính trị do Chính phủ giao.

Thu Hoàng



KỲ HỌP LẦN THỨ 52 CỦA ỦY BAN THỐNG KÊ LIÊN HỢP QUỐC



Ủy ban Thống kê Liên hợp quốc (UNSC), một Ủy ban chức năng của Hội đồng Kinh tế và Xã hội Liên hợp quốc, được thành lập năm 1947 và là cơ quan cao nhất trong các hệ thống thống kê toàn cầu. UNSC tập hợp các Thủ trưởng Cơ quan thống kê quốc gia trên khắp thế giới, có trách nhiệm giám sát hoạt động của Cơ quan Thống kê Liên hợp quốc (UNSD) và là cơ quan ra quyết định cao nhất đối với các hoạt động thống kê quốc tế, xem xét các vấn đề đặc biệt cần quan tâm trong phát triển thống kê quốc tế, các vấn đề phương pháp luận, điều phối và tích hợp các chương trình thống kê quốc tế, hỗ trợ các hoạt động hợp tác kỹ thuật trong thống kê và các vấn đề tổ chức.

Sự tham gia của Việt Nam vào các hoạt động thống kê của Liên hợp quốc

Sau gần 75 năm kể từ những ngày đầu mới thành lập (1946), hoạt động hợp tác quốc tế của Tổng cục Thống kê luôn được chú trọng và ngày càng phát triển. Kể từ thời kỳ đổi mới đến nay,

Thống kê Việt Nam đã ngày càng hội nhập sâu, rộng vào hoạt động của Thống kê thế giới, góp phần thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, hoà bình, hợp tác và phát triển của Đảng và Nhà nước.

Thống kê Việt Nam đã từng bước đáp ứng các nhu cầu

thông tin thống kê của quốc tế và góp phần để Chính phủ Việt Nam hoàn thành tốt nghĩa vụ là thành viên Liên hợp quốc. Các số liệu thống kê của Việt Nam phục vụ giám sát thực hiện các Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ, các Mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc được các tổ chức quốc tế sử dụng, đánh giá cao.

Với chủ trương tăng cường hội nhập để phát triển, Tổng cục Thống kê đã tích cực, chủ động tham gia vào các hoạt động hợp tác đa phương trong khuôn khổ thống kê Liên hợp quốc. Nhận thức được tầm quan trọng của các Kỳ họp UNSC, kể từ đầu những năm 2000 đến nay, hàng năm Tổng cục Thống kê đều cử đoàn cấp cao tham dự các kỳ họp của UNSC, cũng như các khóa họp thường niên của Liên hợp quốc được tổ chức tại khu vực châu Á-Thái Bình Dương.



Kỳ họp lần thứ 52 của Ủy ban Thống kê Liên hợp quốc

Do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, Kỳ họp lần thứ 52 của Ủy ban Thống kê Liên hợp quốc (UNSC) năm nay diễn ra từ ngày 01-03/3 và 05/3/2021 theo hình thức họp trực tuyến. Thời gian họp thu gọn trong bốn buổi, mỗi buổi họp dự kiến kéo dài khoảng 2 tiếng, từ 21:00 đến 23:00 giờ Việt Nam (tương ứng 9:00 đến 11:00 giờ New York).

Theo chương trình nghị sự dự kiến, Kỳ họp lần thứ 52 thảo luận và quyết nghị 13 nội dung nghiệp vụ, gồm: (1) Dữ liệu và chỉ tiêu về Chương trình nghị sự đến năm 2030 vì sự phát triển bền vững; (2) Điều phối các chương trình thống kê; (3) Thống kê kinh tế; (4) Tài khoản quốc gia; (5) Thống kê kinh doanh và thương mại; (6) Hạch toán kinh tế - môi trường; (7) Thống kê di cư; (8) Phát triển thống kê khu vực; (9) Quản lý và hiện đại hóa hệ thống thống kê; (10) Dữ liệu lớn; (11) Phân ngành thống kê quốc tế; (12) Điều tra hộ gia đình; (13) Trình bày và phổ biến dữ liệu và dữ liệu đặc tả. Ngoài ra, Kỳ họp cũng sẽ cung cấp các thông tin liên quan đến 11 lĩnh vực nghiệp vụ khác như: Thống kê

UNSC tổ chức họp định kỳ hàng năm tại Trụ sở Liên hợp quốc tại New York, Mỹ bắt đầu từ năm 2000. Thông thường, mỗi Kỳ họp của UNSC diễn ra trong 4 ngày vào thời điểm đầu tháng 3. Kết quả của kỳ họp sẽ được trình lên Hội đồng Kinh tế và Xã hội Liên hợp quốc dưới hình thức dự thảo Nghị quyết, các khuyến nghị đề xuất đối với các Quốc gia thành viên Liên hợp quốc, với Tổng Thư ký Liên hợp quốc hoặc các cơ quan chuyên môn khác của Liên hợp quốc. Có thể nói, các kỳ họp của UNSC có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với cộng đồng Thống kê thế giới, đưa ra định hướng phát triển cho thống kê toàn cầu trong từng năm cũng như trong cả giai đoạn.

nhân khẩu học; Thống kê văn hóa; Thống kê biến đổi khí hậu; Thống kê thiên tai; Chương trình so sánh quốc tế... Đây là những nội dung quan trọng và mang tính thời sự cao trong giai đoạn thế giới đang đối mặt với những diễn biến bất thường như hiện nay.

Như thường lệ trước và sau phiên họp chính thức, Kỳ họp lần thứ 52 của UNSC năm nay tổ chức hơn 50 sự kiện bên lề theo hình thức trực tuyến trong khoảng thời gian từ 20/01 đến 11/3/2021. Tổng cục Thống kê tham dự hầu hết các cuộc họp bên lề để nắm bắt các thông tin phục vụ cho triển khai hoạt động công tác thống kê trong năm.

Tổng cục Thống kê cũng tham gia góp ý cho ba tài liệu của Kỳ họp lần thứ 52, gồm: (1) Báo cáo của Nhóm công tác cấp cao về Quan hệ đối tác, điều phối và tăng cường năng lực thống kê phục vụ chương trình nghị sự đến năm 2030 về phát triển bền vững; (2) Báo cáo của Nhóm công tác về Thống kê Tài khoản quốc gia; (3) Báo cáo của Nhóm chuyên gia về thống kê kinh doanh và thương mại.

Việc tham gia vào Kỳ họp lần thứ 52 của UNSC năm nay có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với sự phát triển của Thống kê Việt Nam. Những nội dung được trao đổi tại Kỳ họp là nguồn thông tin quý báu để Thống kê Việt Nam hoàn thiện Hệ thống thống kê quốc gia, phục vụ thực hiện các chủ trương, đường lối đề ra tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, góp phần định hướng quá trình xây dựng Chiến lược phát triển thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2030 phù hợp với các xu hướng phát triển của thế giới.

Nguồn: Vụ Thống kê Nước ngoài và Hợp tác quốc tế - TCTK

VIỆT NAM KIỂM SOÁT TỐT DỊCH BỆNH COVID-19 LẦN THỨ 3

Bích Ngọc

Ngày 27/01, Việt Nam bắt đầu lần sóng dịch bệnh Covid-19 thứ 3, khi có 2 ca lây nhiễm trong cộng đồng được phát hiện ở Hải Dương và Quảng Ninh. Đây là biến thể mới của vi-rút được ghi nhận tại Anh, có khả năng bám dính ở tế bào người rất mạnh, tốc độ lây nhiễm tăng 70% và chu kỳ lây nhiễm rút ngắn so với chủng cũ, chỉ còn 2-3 ngày. Do đó dịch bệnh lần này có tốc độ lây lan rất nhanh ở nước ta. Ngay sau đó mỗi ngày Việt Nam phát hiện thêm hàng chục ca, hình thành nên các ổ dịch tại 2 tỉnh Hải Dương và Quảng Ninh và đã lây nhiễm sang 11 tỉnh, thành phố khác như Hà Nội, Hải Phòng, Hà Giang, TP. Hồ Chí Minh... Điều này khiến Việt Nam lại một lần nữa rơi vào tình trạng báo động. Theo số liệu cập nhật của Bộ Y tế, tính đến 18h ngày 03/3: Việt Nam có tổng cộng 1.566 ca mắc Covid-19 do lây nhiễm trong nước, trong đó số lượng ca mắc mới tính từ ngày 27/1 đến thời điểm này là 873 ca.

Thời điểm bùng phát đợt dịch bệnh thứ 3 vào đúng dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu, có nguy cơ lây nhiễm cao trong cộng đồng, do đó cả hệ thống chính trị nước ta đã nhanh chóng tái khởi động hệ thống phòng, chống dịch bệnh. Ngay khi ca nhiễm đầu tiên xuất hiện và có dấu hiệu lây lan

Ngay những ngày đầu năm 2021, Việt Nam đã phải đối mặt với đợt dịch bệnh Covid-19 lần thứ 3. Song với kinh nghiệm thành công của 2 lần dịch bệnh trước, cùng sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị và sự chấp hành nghiêm túc của người dân, một lần nữa, Việt Nam lại kiểm soát tốt dịch bệnh Covid-19, tạo điều kiện tập trung phát triển kinh tế.

nhANH chóng ra cộng đồng trên diện rộng, để nhanh chóng kiểm soát dịch bệnh hiệu quả Chính phủ Việt Nam đã phản ứng “nhanh và mạnh”. Ngày 28/01/2021, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị 05/CT-TTg về một số biện pháp cấp bách phòng, chống dịch Covid-19 và yêu cầu các Bộ, ngành liên quan phối hợp cùng các địa phương triệt để dập dịch, không để bùng phát trong cộng đồng.

Ban Chỉ đạo quốc gia Phòng chống dịch Covid-19 cũng đã chủ trì nhiều cuộc họp trực tuyến khẩn cấp với các tỉnh, thành phố bàn phương án ứng phó với dịch bệnh. Sau đó, hàng loạt biện pháp ứng phó được thực hiện như hạn chế đi lại trong nước và quốc tế, hủy bỏ nhiều hoạt động văn hóa, lễ hội; nhiều tỉnh, thành cho học sinh nghỉ học; tăng cường quản lý biên giới, ngăn chặn triệt để

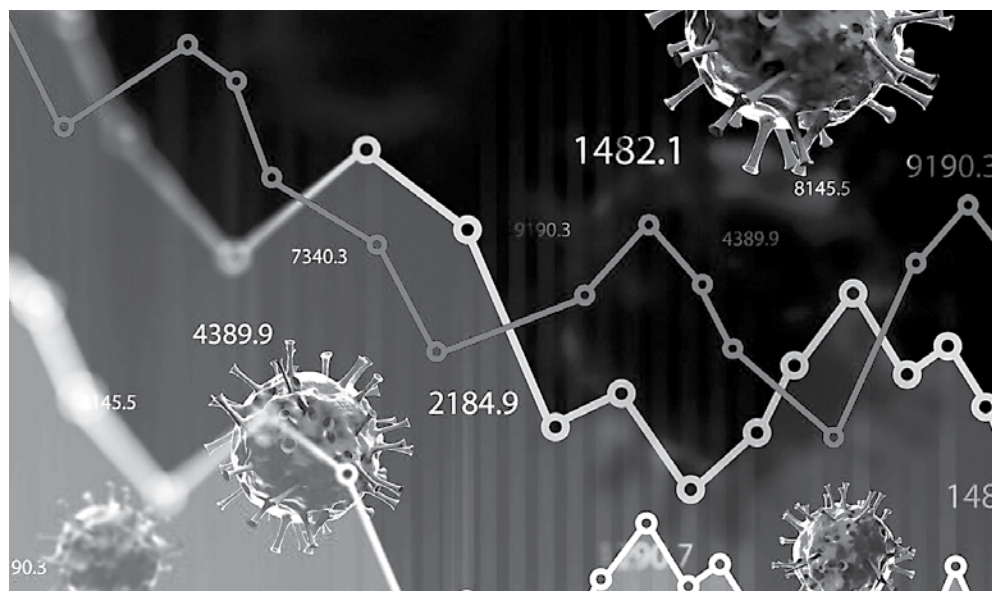
nhập cảnh trái phép, đặc biệt tại các tuyến đường mòn, lối mở, đường biển... để đảm bảo người dân đón Tết an toàn. Tuy nhiên, do với số lượng ca nhiễm trong cộng đồng tăng nhanh, nên sau Tết Nguyên đán, nhiều tỉnh, thành đã phải triển khai các biện pháp quyết liệt hơn như đóng cửa các hàng quán, khu di tích để hạn chế tập trung đông người; thực hiện nghiêm việc kiểm tra, xử phạt việc đeo khẩu trang nơi công cộng; khai báo y tế; thực hiện cách ly xã hội... theo tình hình thực tế mỗi địa phương.

Với kinh nghiệm từ 2 đợt dịch bệnh trong năm 2020, thực hiện chỉ đạo “thần tốc chống dịch” của Thủ tướng Chính phủ, ngoài việc yêu cầu người dân thực hiện nghiêm 5K trong phòng chống dịch (Khẩu trang - Khử khuẩn - Khoảng cách - Không tập trung - Khai báo y tế)

và tăng cường cài đặt ứng dụng Bluezone nhằm ngăn chặn mầm bệnh, cảnh báo sớm nguy cơ tiếp xúc với người nhiễm, người nghi ngờ nhiễm SARS-CoV-2, giúp các cơ quan chức năng nhanh chóng phát hiện, truy vết những người có khả năng bị lây nhiễm... Bộ Y tế đã huy động tổng lực, điều động hàng chục chuyên gia, bác sĩ và hỗ trợ nhiều trang thiết bị cho các địa phương chống dịch. Theo đó, bác y, bác sĩ của nhiều cơ sở y tế, trường đại học như Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung ương, Bệnh viện Bạch Mai, Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương, Trường Đại học Y Hà Nội, và Trường Đại học Y tế Công cộng... đã “gác Tết”, lên đường chi viện các địa phương chống dịch; phối hợp chặt chẽ với Ban chỉ đạo phòng, chống dịch và ngành Y tế địa phương có dịch bệnh thực hiện điều tra dịch tễ, khoanh vùng, cách ly, tổ chức lấy mẫu, xét nghiệm và điều trị Covid-19 để khẩn trương khoanh vùng ổ dịch và hạn chế sự lây lan trong cộng đồng.

Thực hiện sự chỉ đạo của Chính phủ, hệ thống các cơ quan báo chí trong nước đã thực hiện chiến dịch truyền thông mạnh mẽ, cập nhật, cung cấp thông tin một cách kịp thời, truyền tải đầy đủ những “thông điệp” của các cấp lãnh đạo, để người dân nâng cao ý thức, thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19.

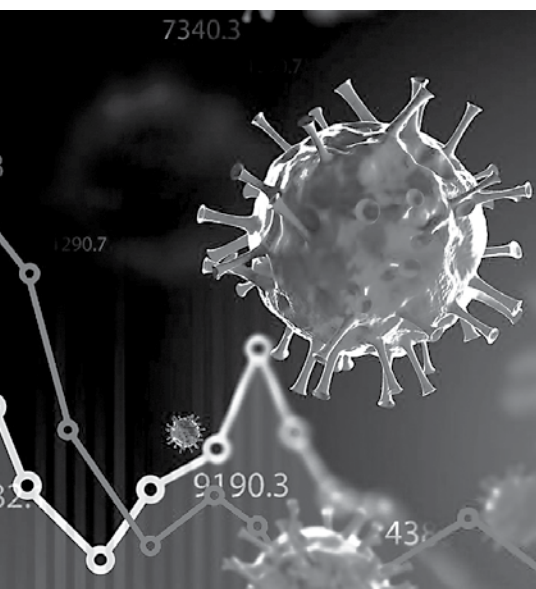
Là địa phương có các ổ dịch lớn trong đợt dịch bệnh lần này với hàng chục ca nhiễm mỗi ngày, tỉnh Hải Dương đã vào cuộc quyết liệt, thần tốc với tinh thần “chống dịch như chống giặc”, khẩn trương truy vết, điều tra dịch tễ và khoanh vùng ổ dịch. Trong tình trạng số ca nhiễm tăng và xuất hiện những ổ dịch mới phức tạp, ngay sau Tết Nguyên đán, địa phương này đã



phải thực hiện mạnh mẽ hơn các biện pháp phòng, chống dịch, triển khai thực hiện cách ly toàn xã hội theo Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 31/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch Covid-19 đối với toàn tỉnh Hải Dương để ngăn chặn lây nhiễm dịch bệnh. Cũng chỉ trong thời gian rất ngắn, Hải Dương đồng thời thành lập 3 bệnh viện dã chiến tại thành phố Hải Dương và thành phố Chí Linh, được trang bị đầy đủ thiết bị, có công suất điều trị lên khoảng 1.000 giường bệnh, đáp ứng đáp ứng kịp thời công tác điều trị tại địa phương. Công tác kiểm tra, kiểm soát tại các chốt kiểm dịch được thực hiện nghiêm túc; việc xử phạt vi phạm hành

chính đối với các cá nhân không chấp hành quy định được đẩy mạnh. Hải Dương cũng đã quyết liệt yêu cầu người dân cài đặt Bluezone, một ứng dụng giúp truy vết nhanh chóng, chính xác, hiệu quả, tránh bỏ sót và cung cấp thông tin cập nhật về tình hình dịch bệnh Covid -19, giúp người dân khai báo y tế điện tử một cách thuận lợi, dễ dàng... Theo số liệu từ Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Hải Dương, đến hết ngày 24/2, Hải Dương vươn lên xếp thứ nhất toàn quốc về tỷ lệ cài đặt ứng dụng Bluezone, với 43,85% tổng số thiết bị di động thông minh đã cài đặt ứng dụng này.

Nhờ công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện đi đúng hướng cùng ý thức chấp hành của



người dân đối với các quy định về phòng dịch và cách ly xã hội, chỉ sau gần 1 tháng, tình hình dịch bệnh tại Hải Dương đã từng bước được kiểm soát; nguy cơ lây lan diện rộng đã được khống chế, số ca dương tính với SARS-CoV-2 đã có chiều hướng giảm dần.

Ngày 03/3/2021, Hải Dương kết thúc 16 ngày thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị số 16/CT-TTg và các địa bàn có ổ dịch như thành phố Chí Linh, huyện Cẩm Giàng được gỡ bỏ phong tỏa và cách ly y tế, toàn tỉnh chuyển sang trạng thái mới về phòng, chống dịch Covid-19 và tập trung thực hiện mục tiêu kép vừa phòng, chống dịch bệnh, bảo vệ sức khỏe nhân dân, vừa phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

Nỗ lực phục hồi kinh tế song không thể chủ quan lơ là, theo chỉ đạo của lãnh đạo tỉnh, tất cả các huyện thuộc tỉnh Hải Dương đã thành lập “Đội xử lý tình trạng khẩn cấp về y tế” nhằm chủ động, kịp thời xử lý tình huống phát sinh trong phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn. Là địa phương có nhiều khu công nghiệp, cụm công nghiệp với số lượng lớn người lao động tỉnh ngoài và khu giáp ranh vào làm việc, dẫn tới nguy cơ lây lan ca bệnh ra cộng đồng rất cao, do đó, các doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn tỉnh đã cam kết thực hiện các biện pháp phòng chống dịch, phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương khi xảy ra dịch và có kế hoạch sẵn sàng đáp ứng các tình huống xảy ra.

Không bị cô lập trong trận chiến lần này, tỉnh Hải Dương đã nhận được sự quan tâm, chia sẻ, ủng hộ rất lớn từ Chính phủ, các tỉnh thành, tổ chức và cá nhân trong công tác phòng chống dịch bệnh. Theo thông tin từ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Hải Dương, đến chiều 1/3/2021 đã có 787 tập thể, cá nhân ủng hộ công tác phòng, chống dịch Covid-19 của tỉnh với tổng số tiền hơn 68,2 tỷ đồng. Đây là nguồn động viên lớn để Hải Dương quay trở lại thực hiện tốt nhiệm vụ kép trong trạng thái bình thường mới.

Cũng là địa phương có ca nhiễm Covid-19 đầu tiên trong đợt dịch bệnh lần 3 này, tỉnh Quảng Ninh đã khẩn trương kích hoạt ngay các phương án, biện pháp phòng, chống dịch ở mức độ cao nhất; nhanh chóng tạm dừng toàn bộ các hoạt động vận tải hành khách đường bộ, đường thủy liên tỉnh, nội tỉnh; triển khai các chốt kiểm soát ngăn chặn dịch bệnh tại các tuyến Quốc lộ ra,

vào địa bàn tỉnh tại những nơi giáp với địa phương lân cận. Đồng thời điều tra dịch tễ, truy xét, xác định rõ các trường hợp liên quan đến ca mắc; kiểm soát chặt chẽ các trường hợp nhập cảnh và áp dụng các biện pháp cách ly y tế theo quy định đối với từng đối tượng.

Các địa phương khác trong cả nước cũng đã nghiêm túc thực hiện các nguyên tắc trong phòng, chống dịch nhằm đảm bảo an toàn, sức khỏe cho cộng đồng như: Rà soát và xét nghiệm đối với các trường hợp đi về từ vùng dịch; Kiểm soát chặt chẽ biên giới, ngăn chặn triệt để nhập cảnh trái phép...

Có thể nói, nhờ sự chủ động của cả hệ thống chính trị trước đại dịch, tính hiệu quả của chiến lược truyền thông, chiến lược truy vết, xét nghiệm trên diện rộng, một lần nữa, Việt Nam đã kiểm soát tốt dịch bệnh Covid-19 và tiếp tục nhận được nhiều lời khen ngợi của cộng đồng quốc tế.

Trong cuộc thăm dò trực tuyến “Tình hình Đông Nam Á năm 2021” do Trung tâm Nghiên cứu Hiệp hội Các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) tại Singapore thực hiện từ ngày 18/11/2020 đến ngày 10/1/2021, Việt Nam dẫn đầu về mức độ hài lòng của người dân với Chính phủ trong ứng phó với đại dịch, với tỷ lệ ủng hộ lên tới 96,6%, tiếp theo là Brunei với 93,9% và Singapore với 92,4%. Với kết quả phòng chống dịch bệnh lần thứ 3 này, chắc chắn rằng niềm tin của người dân đối với Chính phủ Việt Nam tiếp tục tăng lên và họ sẽ luôn đồng hành cùng Chính phủ trong trận chiến với Covid-19 vẫn chưa có hồi kết trên thế giới, để góp phần giúp Việt Nam đạt được mục tiêu tăng trưởng kinh tế - xã hội năm 2021 như đã đề ra/.



HỆ THỐNG NGÂN HÀNG VIỆT NAM NĂM 2020 HOẠT ĐỘNG KINH DOANH AN TOÀN, HIỆU QUẢ

TS. Nguyễn Hoàn

Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

Năm 2020 là một năm không dễ dàng đối với nền kinh tế cả nước bởi những ảnh hưởng lớn của dịch Covid-19, tuy nhiên hệ thống ngân hàng Việt Nam vẫn vững vàng vượt qua khó khăn, thực hiện thành công “nhiệm vụ kép”, vừa duy trì hoạt động kinh doanh an toàn, hiệu quả, vừa hỗ trợ cộng đồng doanh nghiệp và nền kinh tế phục hồi, thể hiện khả năng chống chịu và thích ứng với sự thay đổi.

Những con số biết nói

Vượt qua những khó khăn, thách thức của năm 2020 đầy biến động, hầu hết các ngân hàng Việt Nam duy trì được tốc độ tăng trưởng ổn định nhờ việc tiết giảm chi phí, cơ cấu lại hoạt động kinh doanh, đa dạng hóa nguồn thu. Bên cạnh đó, thị trường được củng cố, thanh khoản dồi dào, lãi suất liên ngân hàng duy trì ở mức thấp; tỷ giá tiếp tục ổn định, giá trị VND được nâng cao; dự trữ ngoại hối tiếp tục được bổ sung, giúp đảm bảo an ninh tài chính tiền tệ quốc gia và củng cố mức xếp hạng tín nhiệm của Việt Nam. Không những thế, khung năng lực quản lý rủi ro cũng được các ngân hàng hoàn thiện trong năm 2020 khi nhiều ngân hàng đã về đích trước hạn cả 3 trụ cột theo Basel II về hệ thống quản trị ngân hàng theo chuẩn mực quốc tế (gồm yêu cầu vốn tối thiểu, rà soát giám sát và nguyên tắc thị trường) và tất toán toàn bộ dư nợ trái phiếu VAMC.

Trong năm 2020 vừa qua, Vietcombank tiếp tục giữ vững vị trí là đơn vị dẫn đầu trong ngành tài chính ngân hàng và ghi nhận nhiều dấu ấn tiên phong. Theo báo cáo kinh doanh của ngân hàng Vietcombank, trong năm vừa qua, tổng tài sản vượt 1,3 triệu tỷ đồng, tăng 8,5% so với năm 2019; huy động vốn thị trường đạt gần 1.053,5 nghìn tỷ đồng, tăng 10,9%; thu nợ ngoại bảng đạt trên 2,4 nghìn tỷ đồng; lợi nhuận hợp nhất đạt trên 23 nghìn tỷ đồng (xấp xỉ 1 tỷ USD). Lợi nhuận trước thuế riêng lẻ đạt trên 22,5 nghìn tỷ đồng và lợi nhuận hợp nhất đạt trên 23 nghìn tỷ đồng. Với kết quả này, Vietcombank là ngân hàng Việt Nam duy nhất lọt vào nhóm 200 ngân hàng có quy mô lợi nhuận lớn nhất toàn cầu.

Sự hiệu quả trong hoạt động kinh doanh đã làm lực đẩy, đưa cổ phiếu VCB vươn lên và lần đầu tiên trở thành doanh nghiệp niêm yết có quy mô vốn hóa lớn nhất thị trường chứng khoán Việt Nam (xấp xỉ 370 nghìn tỷ đồng, tương đương 16 tỷ USD).

Khép lại năm 2020, bên cạnh hàng loạt những thành tích trong nước, Vietcombank đã gây dựng được uy tín và cải thiện thứ hạng của mình trong khu vực và thế giới. Hiện Vietcombank lọt top 50 công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam, là đại diện duy nhất của Việt Nam có mặt trong top 1.000 doanh nghiệp niêm yết lớn nhất toàn cầu (theo Forbes); đứng thứ 403 (đứng đầu nhóm ngân hàng tại Việt Nam) trong bảng xếp hạng của The Banker; lọt Top 2 ngân hàng có giá trị thương hiệu tăng trưởng cao nhất toàn cầu (theo Brand Finance) và là đơn vị có giá trị thương hiệu lớn nhất ngành ngân hàng tại Việt Nam (theo Forbes Việt Nam)... Năm 2020, Vietcombank tiếp tục

được bình chọn là “Ngân hàng mạnh nhất dựa trên Bảng tổng kết tài sản”, xếp hạng 55 trong danh sách 500 ngân hàng mạnh nhất khu vực Châu Á - Thái Bình Dương.

Trải qua một năm đầy bất ổn song với việc thực hiện nhiều biện pháp để củng cố sức mạnh và vượt qua khủng hoảng, năm vừa qua ngân hàng Techcombank cũng đạt được kết quả như mong đợi. Tiếp nối thành công của năm 2019, trong năm 2020, Techcombank tiếp tục ghi nhận sự tăng trưởng ấn tượng về số lượng khách hàng với 1,1 triệu khách hàng mới, nâng tổng số khách hàng mà Ngân hàng phục vụ lên 8,4 triệu. Kết quả kinh doanh năm 2020 được Techcombank công bố vào tháng 01/2020 cho thấy, lợi nhuận trước thuế đạt 15,8 nghìn tỷ đồng và doanh thu đạt 27,0 nghìn tỷ đồng; tăng lần lượt 23,1% (cao hơn chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế mà Đại hội cổ đông đã thông qua là 21,5%) và 28,4% so với cùng kỳ năm 2019, tiếp tục dẫn đầu thị trường về tỉ lệ tiền gửi không kỳ hạn (CASA) 46,1% và tỉ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA) 3,1%.

Kết thúc năm 2020, doanh thu (TOI) của Ngân hàng đạt 27,0 nghìn tỷ đồng, tăng 28,4% so với

doanh thu năm 2019 và vượt mức tăng 18,0% của chỉ phí hoạt động. Thu nhập lãi thuần (NII) năm 2020 đạt 18,8 nghìn tỉ đồng, tăng 31,5% so với cùng kỳ năm ngoái. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ (NFI) đạt 4,2 nghìn tỉ đồng, tăng trưởng 28,8% so với năm 2019.

Cuối năm 2020, Techcombank có tổng dư nợ tín dụng của khách hàng là 318,0 nghìn tỉ đồng, tăng 23,3% so với cuối năm 2019, phù hợp với hạn mức tín dụng Ngân hàng Nhà nước cho phép. Nhờ việc chủ động xử lý nợ xấu để củng cố sức mạnh bảng cân đối trước các tác động của đại dịch Covid-19 lên nền kinh tế, tỉ lệ nợ xấu trong năm vừa qua có xu hướng giảm và được giữ ở mức 0,5% tại thời điểm cuối năm 2020. Đồng thời, Techcombank đã duy trì thanh khoản dồi dào với tỉ lệ cho vay trên tổng tiền gửi đạt 78,1% và tỉ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung-dài hạn đạt 33,9%.

Những kết quả trên đã giúp Techcombank nhận được nhiều giải thưởng trong năm 2020 như: “Ngân hàng thanh toán tốt nhất tại Việt Nam” của The Asian Banker và “Ngân hàng tốt nhất Việt Nam năm 2020” của FinanceAsia...

Với chiến lược kinh doanh hiệu quả, hợp lý, ngân hàng VietinBank



đã ghi nhận lợi nhuận vượt chỉ tiêu năm 2020, đạt gần 16,5 nghìn tỷ đồng trước thuế, tỷ lệ nợ xấu dưới 1% và đã hoàn tất mua lại toàn bộ trái phiếu VAMC. Dư nợ tín dụng hợp nhất VietinBank tăng 7,7% so với 2019, nguồn vốn huy động tăng 11% với nguồn vốn CASA tiếp tục được cải thiện tăng 15,5% so với năm 2019, tỷ trọng CASA tăng so với năm 2019. Đáng chú ý, ngân hàng ghi nhận thu nhập ngoài lãi tăng tới 35,2% so với năm 2019, đưa tỷ trọng thu nhập ngoài lãi trên tổng thu nhập hoạt động từ 16,5% năm 2019 lên gần 20,1%. Trong đó thu thuần dịch vụ tăng gần 12% so với năm 2019, thu nhập từ kinh doanh ngoại tệ tăng 24% so với năm 2019, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh vốn tăng 70% so năm 2019.

Cùng với đó, VietinBank đã đưa tỷ lệ nợ xấu về dưới 1%, tỷ lệ bao phủ nợ xấu đạt 130%, đồng thời đã mua lại toàn bộ nợ xấu VAMC trong chưa đầy hai năm. Năm 2020, VietinBank đã chú trọng quản trị tốt chi phí, chất lượng tăng trưởng, triển khai các chương trình ưu đãi giảm lãi suất cho vay, duy trì mặt bằng lãi suất cho vay trong nhóm thấp nhất thị trường và kiểm soát được tỷ lệ chi phí trên thu nhập (CIR), giảm từ mức 37,7% năm 2019 xuống khoảng 35%.

Bên cạnh những cánh chim đầu đàn trên, nhiều ngân hàng khác như VPBank, Agribank, LienVietPostBank, MBBank... cũng đạt được những kết quả khá tốt, giúp củng cố sức mạnh của hệ thống ngân hàng Việt Nam.

Nỗ lực ngân hàng số

Trong bối cảnh bùng nổ xu hướng công nghệ 4.0, những năm gần đây các ngân hàng Việt Nam đều coi phát triển ngân hàng số là mục tiêu và yếu tố quan trọng trong chiến lược kinh doanh

và chiếm lĩnh thị trường. Điều này càng có ý nghĩa hơn trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 hành hoành như năm vừa qua. Do đó, ngay từ đầu năm 2020, hàng loạt ngân hàng Việt Nam bước vào hành trình chuyển đổi số theo những hướng đi riêng và tạo nên một bức tranh khá sôi động trong cuộc đua chuyển đổi số giữa các ngân hàng.

Theo đại diện của Ngân hàng Nhà nước, trong số các ngân hàng đã có, đang xây dựng hoặc dự tính xây dựng chiến lược chuyển đổi số, có 88% các TCTD lựa chọn triển khai số hóa các kênh giao tiếp khách hàng (front-end) và nghiệp vụ nội bộ (back-end); 19% TCTD đã hoặc có kế hoạch thiết lập thương hiệu/kênh ngân hàng số mới; và chỉ 6% TCTD tiến hành số hóa kênh giao tiếp khách hàng (front-end only). Có 31,7% TCTD đã xây dựng cơ chế thử nghiệm trong nội bộ tổ chức - sandbox nội bộ và 28,6% đã xây dựng trung tâm đổi mới số (digital hub).

Một trong những dấu ấn trong hành trình chuyển đổi số của ngân hàng Vietcombank là việc ra mắt dịch vụ ngân hàng số VCB Digibank vào tháng 7/2020, thanh toán đa kênh tích hợp được xây dựng trên việc hợp nhất các nền tảng giao dịch riêng rẽ trên internet banking và mobile banking, giúp cung cấp trải nghiệm liền mạch, thống nhất cho khách hàng trên các phương tiện điện tử và thiết bị di động.

Bên cạnh Vietcombank, LienVietPostBank cũng không ngừng đẩy mạnh hoạt động chuyển đổi số trong năm 2020 bằng việc cho ra mắt sản phẩm LienViet24h trên nền tảng ngân hàng hợp kênh. Đây là một ứng dụng công nghệ số hoá và tự động hoá 4.0 nhằm cung cấp cho khách hàng dịch vụ ngân hàng số

toàn diện 3 trong 1 với những tiện ích thông minh đáp ứng toàn bộ nhu cầu của khách hàng...

Một trong những ngân hàng tiên phong khác trong chuyển đổi số là TPBank, có số lượng giao dịch qua LiveBank năm 2020 là khoảng 7 triệu giao dịch (tăng 130% so với năm 2019) với giá trị giao dịch 330 nghìn tỷ đồng (tăng 140% so với năm 2019). Hay như ngân hàng số Timo công bố đối tác ngân hàng hợp tác chiến lược đồng hành giai đoạn mới là VietCapitalBank với tên gọi mới Timo Plus.

Đồng hành tháo gỡ khó khăn

Không chỉ vững vàng vượt qua những khó khăn trong bối cảnh tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp, thực hiện sự chỉ đạo của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước, trong năm 2020, hàng loạt các ngân hàng đã đồng hành, chia sẻ, tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, người dân chịu tác động của đại dịch Covid 19.

Ví dụ như ngân hàng Vietcombank đã triển khai đồng bộ và mạnh mẽ các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp, cá nhân chịu tác động của dịch Covid-19 từng bước vượt qua khó khăn thông qua việc cơ cấu lại nợ, các gói hỗ trợ lãi suất, giảm lãi suất. Cụ thể ngân hàng này đã thực hiện 5 đợt giảm lãi suất cho vay, nhiều nhất trong hệ thống các tổ chức tín dụng, gồm 4 đợt hỗ trợ doanh nghiệp và người dân bị ảnh hưởng do đại dịch Covid-19 và 1 đợt hỗ trợ doanh nghiệp và người dân tại 10 tỉnh miền Trung bị ảnh hưởng bão lũ để chia sẻ khó khăn với khách hàng với tổng dư nợ được Vietcombank hỗ trợ lãi suất cho vay xấp xỉ 660 nghìn tỷ đồng; tổng số tiền lãi sau 5 lần giảm lãi suất hỗ trợ khách hàng lên đến gần 4 nghìn tỷ đồng.

(Xem tiếp trang 45)

VIỆT NAM SIẾT CHẶT QUẢN LÝ TIỀN ẢO

ThS. Nguyễn Chung Thủy
Đại học Công nghiệp Hà Nội

Sự phát triển của cách mạng công nghiệp 4.0 kéo theo sự xuất hiện của hàng loạt các loại đồng tiền ảo và tính hợp pháp của loại đồng tiền này đang là vấn đề gây tranh cãi ở nhiều quốc gia. Tại Việt Nam, các loại tiền ảo vẫn chưa được công nhận và đang siết chặt quản lý.

Các quan điểm trái ngược nhau

Tiền ảo (virtual currency) là một dạng tiền kỹ thuật số, được mã hóa, lưu trữ và vận hành trong hệ thống máy tính kết nối mạng internet ngang hàng, không được phát hành bởi chính phủ hay một tổ chức tài chính. Loại tiền này xuất hiện trên thế giới cách đây hơn chục năm và đến nay đang dần trở thành những tài sản, phương tiện thanh toán, công cụ đầu tư, phương thức huy động vốn trong cộng đồng.

Một trong những đồng tiền ảo phổ biến nhất trong hệ thống tiền ảo, thu hút lượng lớn dòng vốn của giới đầu tư trong thời gian

qua là Bitcoin. Là đồng tiền điện tử đầu tiên trên thế giới và đặt nền móng cho phát triển của thị trường, đến nay đồng tiền Bitcoin đã gia tăng giá trị hàng nghìn lần so với thời điểm mới có mặt trên thị trường sau nhiều lần xác lập kỷ lục mới là từ sự "trưởng thành" của thị trường, những động thái khuấy đảo thị trường của cá lớn nuốt cá bé và nhờ việc chấp nhận loại tiền này từ những cái tên đỉnh đám. Ví dụ như Công ty dịch vụ tài chính kiêm nhà môi giới khổng lồ tại Mỹ Fidelity Investments đã lập một bộ phận tài sản số để giúp khách hàng dễ dàng giao dịch hay PayPal

(một công ty hoạt động trong lĩnh vực thương mại điện tử, chuyên cung cấp các dịch vụ thanh toán và chuyển tiền qua mạng Internet) cho phép người dùng mua, bán và nắm giữ tiền ảo... Giao dịch tiền ảo Bitcoin diễn ra đầu tiên vào năm 2009 và tỷ giá đầu tiên được công bố bởi New Liberty Standard là 1 USD đổi được 1.309,03 Bitcoin, thế nhưng đỉnh cao mới nhất được thiết lập vào ngày 21/2/2021 là trên 58.352 USD cho 1 Bitcoin. Tuy nhiên, trong suốt hơn chục năm qua, giá trị đồng Bitcoin liên tục "nhảy múa", phơi bày tính dễ biến động của loại tiền ảo này và khiến không ít nhà đầu tư phải lao đao.

Ngoài Bitcoin, đã có thêm hàng chục loại tiền điện tử mới ra đời Ethereum, Ripple, DigiByte... cùng với các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có khả năng tài chính hoặc kỹ thuật lớn đứng đằng sau hỗ trợ và phát triển.

Hiện các quốc gia trên thế giới có những quan điểm và cách tiếp cận trái ngược nhau về đồng tiền ảo. Chúng tôi được sự ưu việt là một đồng tiền "không biên giới" so với tiền tệ của mỗi nước, Bitcoin đã được một số nước đã công nhận là một phương thức thanh toán chính thức, hợp pháp. Điển hình như năm 2017 Australia bắt đầu bộ luật mới công nhận Bitcoin như một phương tiện thanh toán cũng như công bố các quy định trong giao dịch tiền thuật toán. Cũng trong năm 2017, Nhật Bản chính thức hợp pháp hóa đồng tiền Bitcoin và hiện thực hóa bằng việc Peach Aviation - hãng hàng không giá rẻ của Nhật Bản trở thành hãng đầu tiên của nước này cho phép khách hàng trả tiền vé trực tiếp để đặt chỗ bằng Bitcoin. Hay như tại Dubai, các dự án bất động sản đầu tiên trên thế giới áp dụng giao dịch bằng Bitcoin. Bitcoin cũng được Cơ quan Doanh thu Canada (CRA) xem là một loại hàng hóa. Mới đây nhất, vào đầu tháng 2/2021 vừa qua, Ủy ban Chứng khoán tỉnh Ontario (OSC) của Canada cho phép mở quỹ giao dịch hoán đổi (ETF) Bitcoin đầu tiên trên thế giới, đồng thời gia tăng các biện pháp an ninh nhằm bảo đảm tội phạm rửa tiền không lợi dụng các loại tiền điện tử.

Tuy nhiên, bên cạnh đó cũng có nhiều quốc gia lại không thừa nhận, không cho phép lưu thông và có động thái kiểm soát gắt gao các giao dịch này như Trung Quốc, Nga, Hàn Quốc...

Cần có khung pháp lý hoàn thiện hơn về tiền ảo

Vào những năm 2013-2014, đồng tiền ảo Bitcoin cũng đã bắt đầu len lỏi vào Việt Nam và kéo theo sự góp mặt của hàng loạt đồng tiền ảo khác như: Onecoin, ILCOIN, Pi, Gemcoin, Octa, Win, CBR, GEM, Silling, ETM, ESR, BKC, VNDC.... Điều thu hút hàng chục nghìn người chơi tại Việt Nam là sự hấp dẫn từ những quảng cáo về lợi nhuận thu được từ việc tăng giá của các loại tiền này khi đầu tư.

Trước động thái của các quốc gia liên quan đến đồng tiền ảo và sự xuất hiện của loại đồng tiền này tại Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã nghiên cứu và khẳng định rõ vào năm 2014 là việc sử dụng Bitcoin (và các loại tiền ảo tương tự khác) làm phương tiện thanh toán không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Thế nhưng trên thực tế, thị trường tiền ảo vẫn hoạt động ngầm và khá sôi động. Số liệu phân tích từ trang www.similarweb.com của tập đoàn công nghệ Similarweb cho thấy, số lượng truy cập từ Việt Nam vào trang sàn giao dịch điện tử khá lớn. Ví dụ lượng truy cập từ Việt Nam vào coinmarketcap.com đứng thứ 5 trên thế giới (khoảng 3,7 triệu truy cập), [binance](http://binance.com) đứng thứ 4 (khoảng 2,6 triệu truy cập), okex.com đứng thứ 3 (khoảng 0,18 triệu truy cập), hbg.com đứng thứ 2 (khoảng 2,6 triệu truy cập), [bittrex](http://bittrex.com) đứng thứ 3 (khoảng 0,54 triệu truy cập).

Trong khi đó, theo Khảo sát Người tiêu dùng Toàn cầu của Statista năm 2020, Nigeria là quốc gia có độ phổ biến tiền ảo lớn nhất thế giới với 32% người được hỏi cho biết đã từng sử dụng hoặc sở hữu tiền ảo. Đứng thứ hai và thứ ba về mức độ phổ biến tiền ảo lần lượt là Việt Nam và Philippines.



Các giao dịch tiền ảo chủ yếu diễn ra trên "chợ đen", diễn đàn, nhóm kín về tiền ảo, các sàn giao dịch trung gian với cả hàng chục nghìn thậm chí cả trăm nghìn người tham gia. Do chợ đen mang lại nhiều rủi ro, nên hầu hết các nhà đầu tư đổ tiền vào các sàn giao dịch tiền ảo đang hoạt động rầm rộ trên mạng, như Remitano, Sàn Tiền Ảo, Anliniex, Fiahub, VCC Exchange, Kenniex, Vicuta... Với những lời quảng cáo cực kỳ hấp dẫn như "Lợi nhuận lên tới 3-4%/ngày" hay "mua hàng xong được hoàn tiền tới 80% giá trị", hàng nghìn người chơi tại Việt Nam đã đổ xô lao vào Bitcoin, Octa... và mới đây nhất là các cơn sốt đào tiền ảo trên điện thoại như Pi, Bee, TimeStope, Eagle... Hiện tổng khối lượng giao dịch trên các sàn tiền ảo tại Việt Nam rất lớn, có thể lên đến hàng trăm tỉ đồng mỗi ngày.

Theo kết quả nghiên cứu, phân tích của nhiều cơ quan và chuyên gia trong nước, sự xuất hiện của tiền ảo đã gây ra nhiều tác hại, rủi ro cho người sử dụng như: Có thể trở thành công cụ cho tội phạm như rửa tiền, buôn bán ma túy, trốn thuế, giao dịch, thanh toán tài sản phi pháp; nguy cơ bị tấn công, đánh cắp, thay đổi dữ liệu



hoặc bị ngừng giao dịch là rất lớn; hoạt động đầu tư vào Bitcoin ẩn chứa nhiều nguy cơ về “bong bóng” tài chính. Đặc biệt là hoạt động sử dụng tiền ảo để huy động vốn theo phương thức đa cấp ngày càng diễn biến phức tạp, có nguy cơ ảnh hưởng đến sự ổn định của thị trường tài chính, trật tự an toàn xã hội và có thể gây rủi ro rất lớn đối với tổ chức, cá nhân tham gia.

Trên thực tế, tất cả các sàn giao dịch tiền ảo đều có tên miền quốc tế và không có bất kỳ thông tin nào về tổ chức hay cá nhân đứng đầu, chịu trách nhiệm vận hành. Bên cạnh đó, tiền ảo tại Việt Nam đang có những biến tướng khá phức tạp như mô hình kinh doanh đa cấp dưới hình thức kêu gọi đầu tư tiền ảo. “Ăn theo” sự phát triển chóng mặt của Bitcoin, các đồng tiền “mới” đã liên tục xuất hiện. Lợi dụng sự thiếu hiểu biết và đánh vào lòng tham của nhiều nhà đầu tư, không hợp đồng, không cam kết, gắn mác công nghệ siêu lợi nhuận, hàng trăm nghìn người đã trở thành nạn nhân của hàng loạt chiêu trò kinh doanh núp bóng cuộc cách mạng công nghệ 4.0 mà thực chất là lừa đảo người tiêu dùng góp vốn trên nền tảng thương mại điện tử.

Trước sự sôi động các giao dịch ngầm và sự gia tăng của các loại hình lừa đảo đặc biệt trên môi trường điện tử, năm 2017, một lần nữa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã khẳng định Bitcoin và các loại tiền ảo tương tự khác không phải là phương tiện thanh toán hợp pháp tại Việt Nam và việc phát hành, cung ứng, sử dụng Bitcoin và các loại tiền ảo tương tự khác làm phương tiện thanh toán là hành vi bị cấm. Cũng trong năm 2017, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1255/QĐ-TTg về phê duyệt đề án hoàn thiện khung pháp lý để quản lý, xử lý đối với các loại tài sản ảo, tiền điện tử, tiền ảo. Quyết định này đã đặt nền móng cho việc nghiên cứu và ban hành các quy định pháp luật liên quan đến tiền ảo trong tương lai tại Việt Nam. Ở tầm chính sách, điều đó thể hiện sự cần thiết, cấp bách của việc xây dựng khung pháp lý để điều chỉnh các vấn đề liên quan đến tiền ảo tại Việt Nam.

Hoạt động đầu tư, mua bán tiền ảo, huy động vốn qua phát hành tiền ảo (ICO), đặc biệt là hoạt động sử dụng tiền ảo để huy động vốn theo phương thức đa cấp ngày càng diễn biến phức tạp; hiện tượng lừa đảo bằng tiền ảo vẫn tiếp tục xảy ra và có chiều hướng gia tăng, Chính phủ đã có hành động “mạnh tay” hơn để hạn chế những rủi ro, hệ lụy cho xã hội, kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật. Ngày 11/04/2018, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 10/CT-TTg về tăng cường quản lý các hoạt động liên quan tới Bitcoin và các loại tiền ảo tương tự khác, yêu cầu các Bộ, ngành có liên quan thực hiện việc quản lý các hoạt động liên quan đến tiền ảo nhằm hạn chế những rủi ro, hệ lụy cho xã hội; kịp thời phát hiện,

ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật.

Thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ, ngày 13/4/2018, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành Chỉ thị số 02/CT-NHNN về các biện pháp tăng cường kiểm soát các giao dịch, hoạt động liên quan đến tiền ảo. Chỉ thị đưa ra yêu cầu các đơn vị có liên quan (các tổ chức tín dụng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán; các đơn vị tại trụ sở chính Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) nghiêm túc thực hiện các biện pháp cụ thể nhằm tăng cường kiểm soát, xử lý các giao dịch liên quan tới tiền ảo.

Vào tháng 5/2020, Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định thành lập Tổ nghiên cứu về tài sản ảo, tiền ảo, nhằm triển khai công tác nghiên cứu, đề xuất các nội dung chính sách, cơ chế quản lý theo chức năng, nhiệm vụ của Bộ, có liên quan đến tài sản ảo, tiền ảo.

Tại nhiều địa phương cũng đã vào cuộc tăng cường kiểm tra để phát hiện các hành vi vi phạm pháp luật liên quan tới hoạt động tiền ảo.

Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang len lỏi vào từng ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội nước ta, hơn bao giờ hết, Việt Nam cần nghiên cứu hoàn thiện khung pháp lý về tiền ảo một cách hoàn chỉnh nhằm hạn chế, ngăn chặn và kiểm soát có hiệu quả các rủi ro, lạm dụng liên quan, phòng ngừa hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực này. Đây là yêu cầu phù hợp với xu hướng chung của các quốc gia và cũng là giải pháp hữu hiệu để Việt Nam chủ động hội nhập cũng như ứng phó với các tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0./.

Cam kết PVTM trong EVFTA có thêm điểm mới so với cam kết chung của WTO

Phòng vệ thương mại (PVTM) là những biện pháp như chống bán phá giá, chống trợ cấp, tự vệ... áp dụng đối với các hàng hóa nhập khẩu mà mỗi nước thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) có quyền áp dụng để bảo vệ ngành sản xuất trong nước. Trong số các thị trường trọng điểm mà Việt Nam đang xuất khẩu hàng hóa, EU là đối tác có quan hệ tương đối chặt chẽ và cũng áp dụng tương đối ít biện pháp phòng vệ thương mại. Khi EVFTA có hiệu lực, gần như 100% số dòng thuế và kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của 2 bên sẽ được xóa bỏ thuế nhập khẩu sau lộ trình tương đối ngắn, giúp gia tăng cơ hội xuất khẩu đối với hàng hóa của cả Việt Nam và EU. Cũng từ đây, áp lực cạnh tranh đối với các doanh nghiệp Việt Nam và doanh nghiệp EU trong một số lĩnh vực đẩy lên cao, dẫn đến nhu cầu sử dụng các biện pháp phòng vệ thương mại gia tăng đáng kể.

Thống kê của Cục Phòng vệ thương mại đến giữa năm 2020, EU đã điều tra 14 vụ việc PVTM, trong đó có 6 vụ việc điều tra chống lẩn tránh thuế PVTM liên quan đến hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam, đứng thứ 5 trong số các nước điều tra và chiếm khoảng 8% tổng số vụ việc PVTM với hàng hóa Việt Nam. Các sản phẩm điều tra gồm: Giày, mũ da, ống thép, ốc vít, xe đạp, sợi, thép, xe tay nâng, bột lửa ga, vòng khuyên kim loại, đèn huỳnh quang, o xít kẽm, mỳ chính. Phía Việt Nam đã khởi xướng điều tra 9 vụ việc chống bán phá giá, 6 vụ việc tự vệ và 1 vụ việc lẩn tránh biện pháp tự vệ; số vụ việc trong những năm gần đây có chiều hướng gia tăng.



Cam kết

PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI

Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA) được đánh giá là có mức cam kết cao nhất trong số các Hiệp định thương mại tự do (FTA) đã ký, hứa hẹn đem lại cho Việt Nam những lợi ích, kỳ vọng vô cùng lớn; đồng thời cũng đặt ra những thách thức không hề nhỏ trong đó có các vấn đề về phòng vệ thương mại. Vì vậy, doanh nghiệp Việt Nam cần nắm vững các cam kết phòng vệ thương mại của EVFTA để có sự chuẩn bị tốt nhất cho những cơ hội và thách thức đi cùng.

Việc bị áp dụng các biện pháp PVTM không chỉ ảnh hưởng đến kim ngạch xuất khẩu của các mặt hàng này mà còn ảnh hưởng đến uy tín của doanh nghiệp. Chính vì vậy, để bảo vệ lợi ích của mình, doanh nghiệp cần tìm hiểu và nắm rõ các công cụ phòng vệ được cam kết cụ thể trong EVFTA của cả Việt Nam và đối tác EU.

Về cơ bản, các cam kết phòng vệ thương mại trong EVFTA đều dựa trên các quy định về phòng vệ thương mại của WTO là chủ yếu, ngoài ra có bổ sung thêm một số cam kết mới mang tính tiến bộ, phù hợp với hệ thống pháp luật về PVTM của Việt Nam, giúp cho nền kinh tế, các ngành sản xuất trong nước có công cụ phòng vệ



TRONG EVFTA

Minh Hà

hợp pháp, tiến bộ và quan trọng là đảm bảo hiệu quả của việc tham gia Hiệp định. Trong đó, các cam kết mới trong EVFTA về phòng vệ thương mại được tập trung vào các vấn đề sau:

Cam kết về minh bạch hóa: Bên cạnh việc tuân thủ các nguyên tắc và điều kiện trong WTO, trong quy trình khởi xướng, điều tra và áp dụng biện pháp chống bán phá giá hoặc chống trợ cấp, cơ quan có thẩm quyền phải đảm bảo các yêu cầu về: Công khai thông tin bằng văn bản cho các bên liên quan để đưa ý kiến bình quân với các nội dung liên quan; Các bên liên quan phải có cơ hội thể hiện quan điểm của mình trong quá trình điều tra PVTM; Tiếng Anh là ngôn ngữ được sử dụng chung giữa Việt Nam và EU trong quá trình điều tra PVTM.

Quy tắc lựa chọn mức thuế thấp hơn: EVFTA quy định việc áp dụng quy tắc lựa chọn mức thuế thấp hơn. Theo đó, khi Việt Nam hoặc EU áp dụng biện pháp chống bán phá giá hoặc đối kháng, mức thuế được áp dụng phải căn cứ vào biên độ phá giá hoặc biên độ trợ cấp và chỉ ở mức đủ để loại bỏ thiệt hại. Hiện nay, cả Việt Nam và EU đều đang áp dụng quy tắc này trong luật nội địa của mình cho tất cả các đối tác một cách tự nguyện, nhưng bắt buộc phải sử dụng với đối tác EU và ngược lại.

Về lợi ích công cộng: Điều đáng nói trong các cam kết về PVTM của EVFTA là các biện pháp PVTM chỉ được áp dụng khi hội tụ đủ 3 yếu tố như quy định của WTO (có bán phá giá, có thiệt hại đáng kể, có mối quan hệ nhân quả) và cần phải có thêm 1 yếu tố thứ tư là không ảnh hưởng tới lợi ích công cộng. Có thể coi đây là một yếu tố "nhân văn" nằm trong cam kết của EVFTA đối với mỗi bên khi dành sự quan tâm tới hiện trạng và quan điểm của ngành sản xuất nội địa, các nhà nhập khẩu, các hiệp hội đại diện cho nhà nhập khẩu và người tiêu dùng cũng như đơn vị hạ nguồn.

Với biện pháp tự vệ toàn cầu: EVFTA quy định các bên tiếp tục tuân thủ các quy định của WTO về biện pháp tự vệ đồng thời bổ sung thêm các cam kết như: Bên khởi xướng điều tra/chuẩn bị áp dụng biện pháp tự vệ phải thông báo bằng văn bản tất cả các thông tin cơ bản và căn cứ ra quyết định trong vụ việc tự vệ; Tạo điều kiện trao đổi song phương giữa 2 bên và chỉ được áp dụng chính thức biện pháp tự vệ sau 30 ngày kể từ khi trao đổi song phương thất bại.

Biện pháp tự vệ song phương: Việt Nam và EU có thể áp dụng biện pháp tự vệ song phương

trong 10 năm đầu tiên Hiệp định có hiệu lực khi sự gia tăng hàng nhập khẩu từ 1 bên đối tác do việc cắt giảm thuế theo Hiệp định là nguyên nhân gây ra thiệt hại nghiêm trọng cho ngành sản xuất nội địa; ngoài khoảng thời gian này, việc áp dụng cần có sự đồng ý của bên bị áp dụng.

Với các cam kết mới, EVFTA có bổ sung quy định giới hạn việc sử dụng các công cụ PVTM để tránh lạm dụng và đảm bảo công bằng, minh bạch, nhằm tạo môi trường kinh doanh ổn định và thuận lợi cho doanh nghiệp xuất khẩu. Về phía doanh nghiệp xuất khẩu, trước bối cảnh ngày càng gia tăng các biện pháp bảo hộ, doanh nghiệp cần tìm hiểu, nắm vững các cam kết, quy định về PVTM để có thể chuẩn bị, khai thác các lợi ích của Hiệp định, đồng thời bảo vệ lợi ích chính đáng của mình.

Nâng cao năng lực phòng vệ để tự tin với EVFTA

Việc gia tăng số lượng các vụ việc PVTM có thể tạo ra một số khó khăn nhất định cho cơ quan điều tra PVTM của Việt Nam do bị hạn chế về nguồn lực. Ngoài ra, do các lợi ích mà Hiệp định EVFTA mang lại rất lớn nên có thể phát sinh rất nhiều nguy cơ khi doanh nghiệp tìm cách gian lận xuất xứ bằng cách mượn đường qua Việt Nam để lẩn tránh các biện pháp PVTM của EU nhằm hưởng lợi bất chính. Bên cạnh đó, việc bị đối tác khởi xướng điều tra vụ việc PVTM có thể gây ảnh hưởng đến hoạt động cũng như ít nhiều gây tâm lý hoang mang cho doanh nghiệp khi vướng phải khúc mắc với doanh nghiệp nước ngoài.

Đứng trước những nguy cơ nhân tiền, nhất là trong bối cảnh xu thế bảo hộ, xung đột thương mại đang có nhiều diễn biến phức tạp, nhiều quốc gia gia tăng

khởi xướng điều tra như Mỹ, Thổ Nhĩ Kỳ, Ấn Độ và đặc biệt là EU, Việt Nam đã chủ động hỗ trợ doanh nghiệp thông qua nhiều hoạt động như: (1) Tăng cường công tác nghiên cứu, dự báo, cảnh báo đối với các biện pháp PVTM áp dụng lên hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam, kể cả các vụ điều tra chống lẩn tránh biện pháp PVTM; có bản tin cảnh báo sớm đăng tải công khai hàng tuần, phổ biến cho doanh nghiệp. (2) Trình Chính phủ ban hành Đề án Xây dựng và vận hành hiệu quả Hệ thống cảnh báo sớm về PVTM nhằm hỗ trợ cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam trong việc chủ động sử dụng và ứng phó hiệu quả với các biện pháp PVTM để bảo vệ lợi ích hợp pháp và chính đáng của mình. (3) Đẩy mạnh phổ biến, hướng dẫn, tư vấn doanh nghiệp cách thức ứng phó với các vụ kiện do nước ngoài khởi xướng. (4) Chủ động làm việc, phối hợp, kể cả đấu tranh với cơ quan điều tra nước ngoài ngay từ giai đoạn điều tra ban đầu để bảo vệ lợi ích chính đáng của các doanh nghiệp Việt Nam, giảm thiểu tác động bất lợi của biện pháp.

Đáng nói nhất là gần đây, Bộ Công Thương Việt Nam đã ban hành Thông tư số 30/2020/TT-BCT hướng dẫn thực hiện Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu về PVTM. Các quy định tại Thông tư này được áp dụng đối với hàng hóa có xuất xứ từ Lãnh thổ thành viên Liên minh châu Âu, Vương quốc Liên hiệp Anh và Bắc Ai-len, Công quốc An-đô-ra và Cộng hòa San Ma-ri-nô. Từ đó có cơ sở pháp lý hướng dẫn doanh nghiệp áp dụng biện pháp tự vệ song phương, biện pháp chống bán phá giá và biện pháp chống trợ cấp khi thực hiện EVFTA.

Đối với doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam, điều quan trọng trước tiên là phải nắm vững các quy định pháp luật, thực tiễn điều tra PVTM của các nước xuất khẩu; thường xuyên theo dõi, nghiên cứu các khuyến cáo, cảnh báo sớm các biện pháp PVTM từ cơ quan PVTM để chủ động kế hoạch cụ thể cho doanh nghiệp. Doanh nghiệp xuất khẩu cũng cần đa dạng hóa thị trường, tìm kiếm thị trường mới, đa dạng hóa sản phẩm; đặc biệt cần chuyển dần từ chiến lược cạnh tranh giá sang cạnh tranh bằng chất lượng và thương hiệu để tránh các vụ kiện chống bán phá giá, đồng thời tăng cường phối hợp với bạn hàng nước nhập khẩu để cập nhật thông tin kịp thời. Khi đã có thông tin về vụ việc điều tra áp dụng biện pháp PVTM, doanh nghiệp cần cập nhật tin tức, tích cực phối hợp, tham gia quá trình điều tra để tránh việc bị cơ quan điều tra sử dụng số liệu có sẵn có thể gây bất lợi khi đưa ra kết luận cho vụ việc. Quan trọng nữa là doanh nghiệp cần phối hợp chặt chẽ với cơ quan có thẩm quyền, trách nhiệm là Bộ Công Thương, Hiệp hội, các doanh nghiệp trong ngành trong quá trình ứng phó vụ việc. Riêng với các vụ việc điều tra chống trợ cấp, cần phối hợp cung cấp thông tin để Bộ Công Thương tổng hợp trả lời bản câu hỏi dành cho Chính phủ.

Những nỗ lực của Chính phủ và cả doanh nghiệp trong việc thực hiện các giải pháp ứng phó với các vụ việc PVTM đã được hồi đáp bằng một số kết quả tích cực. Theo Cục Phòng vệ Thương mại, trong số 137 vụ việc PVTM đã kết thúc điều tra, Việt Nam đã kháng kiện thành công 57 vụ việc, chiếm tỷ lệ 41,6%. Qua đó đảm bảo được nhiều mặt hàng, nhất là mặt hàng thủy sản như cá basa, tôm...

tiếp tục được xuất khẩu sang các thị trường lớn như Mỹ, EU... với thuế suất 0% hoặc ở mức rất thấp. Việt Nam cũng khiếu kiện 5 vụ việc ra Cơ quan giải quyết tranh chấp của WTO, trong đó có 3 vụ đã kết thúc với kết quả tích cực.

Đối với trong nước, các biện pháp PVTM của EVFTA dự kiến sẽ góp phần bảo đảm môi trường cạnh tranh công bằng, bảo vệ hợp lý và khuyến khích sản xuất trong nước, bảo vệ sản xuất và việc làm trong nước, giảm mức độ phụ thuộc vào hàng hóa nhập khẩu, đồng thời hỗ trợ cán cân thanh toán quốc tế. Nhiều doanh nghiệp sản xuất trong nước đã tăng cường xuất khẩu sang thị trường EU kể cả sau khi các biện pháp PVTM của EVFTA được áp dụng cho thấy, năng lực cạnh tranh quốc tế của doanh nghiệp ngày càng đảm bảo. Theo Số liệu của Tổng cục Thống kê, 2 tháng đầu năm 2021, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang EU đạt 6,3 tỷ USD, tăng 22,7% so với cùng kỳ năm trước. Đây cũng là tín hiệu đáng mừng, dự báo sự tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu sang EU có thể cao hơn nữa, khi doanh nghiệp có thể tận dụng tối đa lợi ích của EVFTA, nhất là việc phát triển vaccine Covid-19 đang rất lạc quan và đại dịch có nhiều khả năng được khống chế.

Những kết quả trên cho thấy, nếu nắm rõ và thực hiện đúng, đủ các cam kết thương mại, cam kết PVTM trong EVFTA, nâng cao năng lực thích nghi, doanh nghiệp có thể tự tin mở rộng thị trường, đưa sản phẩm của mình tới với người tiêu dùng EU và có thể tự tin giải quyết các vấn đề nếu phát sinh vụ việc PVTM với đối tác. Qua đó, tận dụng triệt để những lợi ích thương mại cao nhất mà Hiệp định EVFTA mang lại./



UKVFTA ĐẢM BẢO NỐI TIẾP THƯƠNG MẠI SONG PHƯƠNG HAI NƯỚC VIỆT - ANH

TS. Trần Thị Minh Trâm
Đại học Công nghiệp Hà Nội

Cùng với 2 Hiệp định EVFTA, RCEP và xuất siêu kỷ lục, việc đi đến thỏa thuận và ký kết Hiệp định thương mại tự do Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len (UKVFTA) đã trở thành một trong những điểm sáng trong bức tranh ngoại thương Việt Nam năm 2020 vừa qua. Với UKVFTA, thương mại hàng hóa giữa hai nước được đảm bảo không bị gián đoạn ngay cả trong và sau quá trình Anh rời Liên minh châu Âu - EU (Brexit).

Bức tranh thương mại Việt Nam - Vương quốc Anh

Kể từ khi thiết lập quan hệ Đối tác chiến lược năm 2010, Việt Nam và Anh đã tiến tới bước phát triển sâu rộng và hiệu quả với những phương hướng và biện pháp thúc đẩy quan hệ giữa hai nước, nhất là quan hệ ngoại thương. Quan hệ kinh tế giữa hai quốc gia thời gian qua được đánh giá đạt được tăng trưởng ấn tượng với 411 dự án của Anh đang được triển khai tại Việt Nam với số vốn đầu tư hơn 3,6 tỷ USD, đứng thứ 15 trong tổng số 139 quốc gia có dự án đầu tư tại Việt Nam

Ngày 11/12/2020, Bộ Công Thương Việt Nam và Bộ Thương mại quốc tế Vương quốc Anh đã ký Biên bản kết thúc đàm phán Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len (UKVFTA), tạo cơ sở để 2 nước tiến hành các thủ tục pháp lý cần thiết để ký kết chính thức. Đến 21h ngày 29/12/2020 theo giờ Việt Nam, Hiệp định UKVFTA đã được đại diện ủy quyền (đại sứ) của Chính phủ 2 nước chính thức ký kết tại Luân Đôn, Vương quốc Anh. Hiệp định UKVFTA chính thức có hiệu lực kể từ 23 giờ GMT ngày 31/12/2020 (tức 6h sáng ngày 1/1/2021 theo giờ Việt Nam).

tính đến cuối năm 2020. Các lĩnh vực đầu tư quan trọng của phía Anh tập trung vào lĩnh vực tài chính, ngân hàng, dầu mỏ, năng lượng tái tạo...

Trong 10 năm kể từ năm 2010-2019, thương mại song phương giữa Việt Nam và Vương quốc Anh đã có bước phát triển mạnh mẽ. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu



hàng hóa giữa 2 quốc gia đã tăng lên gấp 3 lần, từ 2,19 tỷ USD năm 2010 lên 6,61 tỷ USD năm 2019; trong đó, xuất khẩu đạt 5,75 tỷ USD và nhập khẩu đạt 857 triệu USD, cán cân thương mại giữa 2 nước duy trì theo hướng Việt Nam xuất siêu với kim ngạch xuất khẩu gấp trên 6 lần nhập khẩu. Năm 2020, đứng trước biến động chung của thế giới khi dịch Covid-19 tác động mạnh làm đứt gãy, gián đoạn hệ thống thương mại toàn cầu, đặc biệt là giai đoạn bùng phát mạnh tại Anh đã khiến cho tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa giữa hai nước chứng kiến sự sụt giảm. Dù vậy, giá trị xuất khẩu hàng hóa từ Việt Nam sang Anh vẫn gấp 7,2 lần nhập khẩu, với mức lần lượt là 4,95 tỷ USD và 687 triệu USD.

Các mặt hàng xuất nhập khẩu giữa 2 quốc gia được các chuyên gia nhận định là mang tính bổ sung thay vì cạnh tranh. Trong đó, các sản phẩm xuất khẩu chính của Việt Nam sang Anh gồm: Điện thoại - linh kiện, hàng dệt may, giày dép, thủy sản, gỗ và sản phẩm gỗ, máy vi tính - linh kiện, hạt điều, cà phê, hạt tiêu... Chiều ngược lại, Việt Nam nhập khẩu từ Anh các mặt hàng: Máy móc, thiết bị, dược phẩm, sắt thép, hóa chất...

Đến nay, dư địa hợp tác trong lĩnh vực thương mại giữa hai nước còn rất lớn. Hàng hóa xuất khẩu vào thị trường Anh được đánh giá có nhiều thuận lợi và tín hiệu tốt do cơ hội tăng trưởng thị trường tại Vương quốc Anh cho các doanh nghiệp xuất khẩu sản phẩm Việt Nam còn nhiều. Bởi theo Bộ Công Thương, tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Anh mới chỉ chiếm khoảng 0,88% thị phần

trong tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa mỗi năm gần 700 tỷ USD (năm 2019) của Anh. Trong khi đó, Việt Nam cũng là thị trường thu hút các nhà xuất khẩu Anh khi giá trị hàng hóa nhập khẩu của Việt Nam mới chỉ chiếm 0,17% giá trị hàng hóa Anh xuất khẩu ra thế giới.

Năm 2020, quan hệ thương mại Việt Nam - Anh được đưa lên tầm cao mới khi Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu EU (EVFTA) chính thức đi vào thực thi từ ngày 1/8, trong đó, Anh là một trong các quốc gia tham gia ký kết Hiệp định dù đang cùng với Bắc Ai-len trong quá trình Brexit. Khi được thực thi, gần 100% mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam sang EU được xóa bỏ thuế nhập khẩu sau một lộ trình ngắn, đồng thời nhiều doanh nghiệp Anh có triển vọng đầu tư và xu hướng dịch chuyển đầu tư vào Việt Nam.

Tuy nhiên, trong bối cảnh tiến trình Brexit hoàn thành khi hết ngày 31/12/2020, từ 1/1/2021, Anh không còn là thành viên của EU, do đó các ưu đãi mang lại từ Hiệp định EVFTA sẽ không còn được áp dụng tại hai nước. Chính vì vậy, sự kiện ký kết UKVFTA ngày 29/12/2020 vừa qua không chỉ là sự kiện lịch sử trong gần 50 năm quan hệ ngoại giao Việt - Anh mà còn chính là cú hích trong quan hệ kinh tế giữa hai nước, đồng thời đảm bảo thương mại song phương không bị gián đoạn và việc thực hiện các cam kết tự do hóa thương mại của hai nước hậu Brexit được thông suốt.

UKVFTA đem lại cơ hội tiếp cận và mở rộng thị trường

Hiệp định UKVFTA được đàm phán dựa trên nguyên tắc kế thừa các cam kết đã có trong EVFTA,

với những điều chỉnh cần thiết để đảm bảo phù hợp với khuôn khổ thương mại song phương giữa Việt Nam và Anh, đồng thời đảm bảo cân bằng lợi ích của cả đôi bên. Theo đó, Hiệp định gồm 9 điều khoản; 01 Phụ lục sửa đổi một số điều về lời văn EVFTA; 01 Nghị định thư và 01 thư song phương trao đổi giữa Việt Nam và Anh. Về cơ bản, các nội dung thuộc diện điều chỉnh của Hiệp định UKVFTA cũng tương tự như Hiệp định EVFTA, gồm: Thương mại hàng hóa (các quy định chung và cam kết mở cửa thị trường), quy tắc xuất xứ, hải quan và thuận lợi hóa thương mại, các biện pháp vệ sinh an toàn thực phẩm (SPS), các rào cản kỹ thuật trong thương mại (TBT), thương mại dịch vụ (các quy định chung và cam kết mở cửa thị trường), đầu tư, phòng vệ thương mại, cạnh tranh, doanh nghiệp nhà nước, mua sắm của Chính phủ, sở hữu trí tuệ, thương mại và phát triển bền vững, hợp tác và xây dựng năng lực và pháp lý - thể chế.

Với nền tảng kế thừa Hiệp định EVFTA, Hiệp định UKVFTA được kỳ vọng sẽ tạo khuôn khổ hợp tác quốc tế - thương mại toàn diện, lâu dài, ổn định giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len, từ đó tạo động lực cho việc tăng cường và làm sâu sắc quan hệ hợp tác nhiều mặt giữa hai bên, góp phần đa dạng hóa thị trường và sản phẩm xuất khẩu cho Việt Nam. Đặc biệt, những cơ hội và lợi ích lớn nhất UKVFTA tạo ra phải kể đến là thúc đẩy xuất khẩu các mặt hàng chủ lực của Việt Nam. Điển hình với ngành thủy sản, nhóm hàng có lợi thế sớm nhất là tôm và một số loại cá (cá tra), khi thuế nhập khẩu

hầu hết tôm nguyên liệu vào Anh được giảm từ mức thuế cơ bản 10-20% xuống còn 0% ngay khi Hiệp định có hiệu lực, tạo cơ hội để thủy sản Việt Nam bứt phá hơn sau những tác động của đại dịch Covid-19 trong năm 2020.

Xuất khẩu gạo của Việt Nam cũng đang đứng trước cơ hội lớn để thâm nhập vào 1 trong 10 thị trường rộng lớn nhất thế giới. Theo cam kết tại UKVFTA, Anh dành cho Việt Nam tổng hạn ngạch miễn thuế là 13.358 tấn/năm; mức hạn ngạch này sẽ được hai nước rà soát sau 3 năm kể từ ngày UKVFTA có hiệu lực. Thêm vào đó, hơn 10 sản phẩm nông nghiệp có thể mạnh khác của Việt Nam cũng được hưởng ưu đãi hạn ngạch miễn thuế này như surimi, tinh bột sắn...

Với ngành dệt may, xuất khẩu hàng dệt may sang Anh mới chỉ chiếm 2,77% tổng lượng nhập khẩu của quốc gia này, vì vậy ngành hàng này còn rất nhiều cơ hội và thị phần để gia tăng kim ngạch xuất khẩu. Nhất là với các cam kết về cộng gộp đối với nguyên liệu vải từ Hàn Quốc và EU sẽ giúp sản phẩm dệt may thúc đẩy mở rộng nguồn cung nguyên liệu trong ngành để tận hưởng ưu đãi, tránh bị phụ thuộc vào một số thị trường nhất định.

Năm 2019, trị giá xuất khẩu gỗ và các sản phẩm từ gỗ của Việt Nam sang Anh đạt 311,7 triệu USD, là nước xuất khẩu gỗ nhiều thứ 6 vào Anh, chiếm 3,6% thị phần nhập khẩu của nước này. Với UKVFTA, ngành gỗ Việt Nam cũng được hưởng lợi ích trực tiếp, khi nhiều mặt hàng gỗ và sản phẩm từ gỗ có thuế suất giảm về 0% trong vòng 5 năm tới. Ngoài ra, ngành hàng hoa quả cũng có nhiều cơ hội cho các sản phẩm

có thể mạnh như vải, nhãn, chôm chôm, thanh long... khi 94% trong tổng số 547 dòng thuế của ngành này được xóa bỏ ngay khi Hiệp định có hiệu lực. Những cam kết về cắt giảm thuế quan trong thương mại hàng hóa giữa hai nước không chỉ tạo điều kiện thuận lợi cho thông thương hàng hóa, mà còn tiết kiệm cho doanh nghiệp xuất khẩu của cả 2 quốc gia một khoản chi phí khá lớn. Theo ước tính, khi UKVFTA được áp dụng hoàn toàn, phía doanh nghiệp Việt Nam có thể tiết kiệm lên tới 114 triệu Bảng tiền thuế xuất khẩu, con số này đối với Vương quốc Anh sẽ là 36 triệu Bảng.

Thực tế cho thấy, ngay trong tháng đầu tiên Hiệp định UKVFTA có hiệu lực, kim ngạch thương mại song phương Việt - Anh đã có sự bứt phá ngoạn mục, nhất là trong bối cảnh xuất khẩu sang các thị trường lớn còn đang gặp khó khăn do đại dịch. Tháng 1/2021, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và Anh đạt 657,35 triệu USD, tăng 78,57% so với cùng kỳ năm 2020; riêng kim ngạch xuất khẩu đã đạt 598,07 triệu USD, tăng 84,61% so với tháng 1/2020 và tăng 56,51% so với tháng 12/2020. Trong cơ cấu nhóm hàng, nông sản giữ vững mức tăng ổn định với kim ngạch xuất khẩu thủy sản đạt 19,7 triệu USD, tăng 18,1% so với cùng kỳ năm ngoái; rau củ quả đạt 1,04 triệu USD, tăng 148,6%. Các mặt hàng thuộc nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo cũng ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng so với cùng kỳ năm trước, cụ thể: Điện thoại các loại và linh kiện đạt 252,59 triệu USD, tăng 371,6%; máy móc, thiết bị và dụng cụ phụ tùng đạt 74,58 triệu USD, tăng 109,9%; máy tính và sản phẩm

linh kiện điện tử đạt 31,82 triệu USD, tăng 91%; sắt thép các loại đạt 15,96 triệu USD, tăng 11%...

Sự tăng trưởng trong tháng đầu tiên là những tín hiệu đáng mừng, đồng thời đặt ra những kỳ vọng lớn, tạo động lực hợp tác trong hoạt động ngoại thương giữa Việt Nam và Anh. Với UKVFTA, không chỉ đảm bảo thương mại song phương không bị gián đoạn sau Brexit, kỳ vọng thúc đẩy tăng trưởng thương mại giữa hai nước mà còn hứa hẹn sẽ mang lại nhiều lợi ích kinh tế thiết thực, tạo sức hấp dẫn cho môi trường đầu tư kinh doanh, góp phần thu hút dòng vốn FDI của các nhà đầu tư Anh quốc đến với Việt Nam. Tuy nhiên, đi cùng với cơ hội là không ít thách thức đặt ra đối với doanh nghiệp khi cam kết mở cửa thị trường, hàng hóa, dịch vụ của Anh sẽ tạo sức ép cạnh tranh nhất định cho nền kinh tế Việt Nam, nhất là các tiêu chuẩn và yêu cầu chất lượng đối với hàng hóa nhập nhảu từ phía Anh rất khắt khe. Chính vì vậy, để tận dụng tối đa cơ hội và những ưu đãi trong UKVFTA, doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam cần phải nỗ lực nhiều hơn trong nghiên cứu thị trường, đổi mới phát triển sản phẩm, đáp ứng thị hiếu của người tiêu dùng Anh. Quan trọng hơn cả là tuân thủ đúng các yêu cầu kỹ thuật, đạt Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O), Chứng từ tự chứng nhận xuất xứ phát hành bởi nhà xuất khẩu đủ điều kiện hoặc nhà xuất khẩu đăng ký tại cơ sở dữ liệu phù hợp quy định của Bộ Công Thương có hiệu lực trong 12 tháng kể từ ngày ban hành. Có như vậy, bức tranh thương mại của Việt Nam với vương quốc Anh mới thực sự khởi sắc nhờ lực đẩy của UKVFTA./

XUẤT KHẨU BỨT TỐC NHỮNG THÁNG ĐẦU NĂM 2021

ThS. Lương Thị Thu Hằng - ThS. Lê Thị Loan
Đại học Công nghiệp Hà Nội

Xuất khẩu bứt phá ngay từ đầu năm

Tổng cục Thống kê cho biết, trong tháng đầu tiên của năm 2021 đã ghi nhận sự tăng tốc ấn tượng của nhiều mặt hàng xuất khẩu. Hầu hết các nhóm ngành hàng chính đều có sự tăng trưởng khá, nhiều mặt hàng tận dụng thời cơ thị trường tăng tốc ngay từ đầu năm. Đáng chú ý, ngành dệt may, da giày, thủy sản đã có những bứt tốc xuất khẩu ấn tượng. Kim ngạch xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản tháng 1/2021 đạt 3,49 tỉ USD, tăng 27,1% so với cùng kỳ năm 2020. Đặc biệt, thủy sản là một trong những ngành hàng đã tăng tốc xuất khẩu ngay từ đầu năm 2021, để kim ngạch xuất khẩu bật tăng trở lại, trái ngược với sự sụt giảm trong năm 2020 do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19. Theo đó, giá trị xuất khẩu thủy sản tháng 1/2021 ước đạt 600 triệu USD,

Những tháng đầu năm 2021, xuất khẩu hàng hóa Việt Nam đã có sự khởi sắc rõ rệt. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, 2 tháng đầu năm 2021, kim ngạch xuất khẩu (XK) hàng hóa ước tính đạt 48,55 tỷ USD, tăng 23,2% so với cùng kỳ năm trước. Đây là sự khởi đầu ấn tượng, dự báo nhiều thuận lợi cho xuất khẩu năm 2021, tiếp nối đà tăng trưởng của năm 2020 và bứt phá trong thời gian tới.

tăng 19,6% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, mặt hàng tôm tiếp tục duy trì được đà xuất khẩu, đóng vai trò quan trọng. Dự báo,

xuất khẩu tôm năm 2021 sẽ tiếp tục đà tăng, đạt 4,4 tỉ USD, tăng 15% so với năm 2020.

Xuất khẩu dệt may cũng tăng tốc từ tháng đầu năm 2021. Theo số liệu của Bộ Công Thương, trong tháng 01/2021, chỉ số sản xuất ngành dệt và chỉ số sản xuất trang phục lần lượt tăng 16,6% và 9,9% so với cùng kỳ năm 2020. Một số sản phẩm trong ngành có mức tăng cao so với cùng kỳ; sản xuất vải dệt từ sợi tổng hợp và sợi nhân tạo ước đạt 92,4 triệu m², tăng 20,4% so với cùng kỳ; quần áo mặc thường ước đạt 380,1 triệu cái, tăng 9,3%. Kim ngạch xuất khẩu hàng dệt và may mặc tháng 1/2021 ước đạt 2,6 tỉ USD, tăng 3,3% so với cùng kỳ.

Bộ Công Thương dự báo, năm 2021 vẫn là năm thị trường dệt may tiếp tục khó khăn, phụ thuộc vào tình hình dịch bệnh trên thế giới. Tuy nhiên, ngành dệt may đang đứng trước cơ hội phát triển rất lớn từ các hiệp định thương mại tự do vừa được ký kết, đặc biệt



là tiềm năng mở rộng xuất khẩu đến các thị trường lớn trên thế giới. Trong đó, Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP) vừa được ký kết hồi giữa tháng 11/2020 sẽ được kỳ vọng tạo ra động lực, cơ hội cho dệt may Việt Nam và thay thế một số thị trường mà đại dịch Covid-19 vẫn chưa kiểm soát được và đang ảnh hưởng lớn đến thị trường của dệt may Việt Nam như châu Âu. Đây là yếu tố hỗ trợ tích cực cho hoạt động sản xuất kinh doanh của dệt may Việt Nam trong năm 2021 và các năm tiếp theo.

Tương tự như ngành dệt may, các doanh nghiệp ngành da giày cũng đã và đang chủ động nắm bắt và khai thác những lợi thế từ các Hiệp định thương mại mang lại nhằm tạo sự đột phá trong sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và thúc đẩy xuất khẩu. Theo Bộ Công Thương, tháng 1/2021, chỉ số sản xuất da và các sản phẩm liên quan tăng 20,8% so với cùng kỳ năm 2020; sản lượng giày, dép da tháng 1 ước đạt 21,9 triệu đôi, tăng 3% so với cùng kỳ. Kim ngạch xuất khẩu giày, dép các loại tháng 1 ước đạt 1,8 tỉ USD, tăng 26,4% so với cùng kỳ.

Do tác động của dịch Covid-19, những chuỗi cung ứng mới đang được xác lập lại, đây chính là cơ hội để các doanh nghiệp da giày Việt Nam tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng toàn cầu. Bên cạnh đó, khối doanh nghiệp FDI tiếp tục đầu tư mới và mở rộng sản xuất, sẽ giúp ngành da giày duy trì tăng trưởng xuất khẩu.

Theo Tổng cục Thống kê, sự tăng tốc trong tháng đầu năm 2021 đã giúp xuất khẩu hàng hóa đạt kết quả ấn tượng. Tính chung 2 tháng đầu năm 2021, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước tính đạt 48,55 tỷ USD, tăng 23,2% so với

cùng kỳ năm trước, trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 11,48 tỷ USD, tăng 4,4%, chiếm 23,6% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 37,07 tỷ USD, tăng 30,5%, chiếm 76,4%. Cán cân thương mại hàng hóa 2 tháng đầu năm ước tính xuất siêu 1,29 tỷ USD.

Chỉ trong 2 tháng đầu năm, cả nước đã có 9 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 73,8% tổng kim ngạch xuất khẩu. Điện thoại và linh kiện có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất, đạt 9,3 tỷ USD, chiếm 19,2% tổng kim ngạch xuất khẩu, tăng 22,8% so với cùng kỳ năm trước; điện tử, máy tính và linh kiện đạt 6,9 tỷ USD, tăng 27,3%; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng đạt 5,5 tỷ USD, tăng 72,6%... Theo các chuyên gia kinh tế, xuất khẩu nhóm sản phẩm

công nghiệp chế biến chế tạo và điện tử, điện thoại tăng mạnh chứng tỏ có sự dịch chuyển về cơ cấu sản xuất hàng hóa trong nước theo chiều hướng tốt hơn cho Việt Nam, tập trung mạnh chế biến chế tạo mạnh mẽ hơn. Đây là tín hiệu đáng mừng cho ngành Công nghiệp Việt Nam.

Cùng với đó, kim ngạch xuất khẩu của một số mặt hàng nông sản tăng so với cùng kỳ năm trước: Rau quả đạt 610 triệu USD, tăng 14,6%; cao su đạt 516 triệu USD, tăng 109,7% (lượng tăng 89,9%); hạt điều đạt 442 triệu USD, tăng 21,5% (lượng tăng 46,1%); sắn và các sản phẩm từ sắn đạt 256 triệu USD, tăng 78,2%; chè đạt 28 triệu USD, tăng 9,7% (lượng giảm 1,6%).

Tại thị trường xuất khẩu hàng hóa, Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam



trong 2 tháng đầu năm nay với kim ngạch đạt 14,2 tỷ USD, tăng 38,2% so với cùng kỳ năm trước. Tiếp đến là Trung Quốc đạt 8,5 tỷ USD, tăng 54,3%. Thị trường EU đạt 6,3 tỷ USD, tăng 22,7%. Thị trường ASEAN đạt 4,2 tỷ USD, tăng 6,2%. Hàn Quốc đạt 3,4 tỷ USD, tăng 16,8%. Nhật Bản đạt 3,2 tỷ USD, tăng 3%.

Đánh giá về kết quả xuất khẩu 2 tháng đầu năm 2021, các chuyên gia kinh tế cho rằng, đây là một sự khởi đầu khá ấn tượng. Hàng hoá lưu thông, xuất khẩu thuận lợi đã mang lại tín hiệu tích cực và khả quan cho hoạt động xuất nhập khẩu trong năm 2021.

Duy trì nhịp độ tăng trưởng

Theo đánh giá của Bộ Công Thương, năm 2021, xuất khẩu của Việt Nam có những cơ sở để tin tưởng vào một kết quả tích cực.

Các hiệp định thương mại (FTA) thế hệ mới như Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), EVFTA, Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Vương quốc Anh (UKVFTA) đã và đang trải qua giai đoạn thực thi ban đầu, với ưu đãi về thuế quan và các điều kiện tiếp cận thị trường, mở ra cơ hội đẩy mạnh xuất khẩu các mặt hàng mà Việt Nam có lợi thế sang thị trường các nước thành viên.

Với những kết quả đạt được trong 2 tháng đầu năm 2021, cộng với những cơ hội mà các FTA đã đi vào thực thi và được ký kết, kỳ vọng sẽ giúp cho hoạt động xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp Việt Nam có điều kiện phát triển mạnh mẽ. Ngoài ra, năm 2021 cũng kỳ vọng sự dịch chuyển luồng đầu tư của các doanh nghiệp FDI từ các nước trong khu vực sang Việt Nam, định vị lại chuỗi cung ứng cũng như tận dụng các ưu đãi mang lại từ các FTA mà Việt Nam đã ký kết.

Các chuyên gia kinh tế khuyến nghị, để tận dụng tốt những cơ hội từ các FTA, trước mắt, Việt Nam cần nhanh chóng triển khai đồng bộ nhiều giải pháp cả về tài chính, tiền tệ và thông tin thị trường. Đồng thời, đẩy mạnh cơ cấu lại ngành hàng, sản phẩm và doanh nghiệp; nâng cao năng lực đổi mới công nghệ và cạnh tranh của hàng xuất khẩu.

Đối với hoạt động xúc tiến xuất khẩu, cần tập trung ở các nhóm ngành hàng chủ lực, có tiềm năng phát triển như nhóm nông sản, nhóm công nghiệp chế biến. Đồng thời, triển khai các chương trình quảng bá liên tục, mới mẻ và hấp dẫn, nhằm củng cố nhận diện và nâng tầm hình ảnh, thương hiệu sản phẩm; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ

thông tin, phát triển thương mại điện tử và tăng cường xuất khẩu hàng qua hệ thống mạng lưới phân phối của các tập đoàn bán lẻ nước ngoài. Mặt khác, chủ động nghiên cứu thị trường và đáp ứng các tiêu chuẩn hàng rào kỹ thuật khắt khe nhất.

Để phát triển xuất khẩu bền vững, Bộ Công Thương sẽ tập trung hỗ trợ doanh nghiệp xuất khẩu ứng phó và chủ động trước dịch Covid -19. Cùng với đó, đẩy mạnh tuyên truyền xuất khẩu, quảng bá ngành hàng, sản phẩm có thế mạnh xuất khẩu của vùng, miền và tập trung thực hiện quảng bá sâu rộng, tối thiểu mỗi năm 3 - 5 ngành hàng vào các thị trường trọng điểm; Đồng hành cùng doanh nghiệp khai thác tối đa lợi thế từ các FTA bằng việc tiếp tục triển khai các chương trình hành động thực thi, tạo điều kiện thuận lợi để đẩy mạnh giao thương, kết nối đầu tư, hỗ trợ giải quyết khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thâm nhập thị trường.

Ở góc độ đại diện cho cộng đồng doanh nghiệp, Phòng Công nghiệp và Thương mại Việt Nam (VCCI) cho rằng, Bộ Công Thương phải làm tốt vai trò điều phối trong thực thi FTA, dẫn dắt doanh nghiệp thực thi các FTA quyết liệt, hiệu quả hơn.

Về phía doanh nghiệp, cần khẩn trương thay đổi tư duy tiếp cận, nâng nội lực để đủ sức tham gia dây chuyền cung ứng toàn cầu. Trong đó, chú trọng nâng cao chất lượng đội ngũ nhân lực, đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ, tổ chức sản xuất hợp lý, nâng cao năng suất, chất lượng, giảm giá thành sản phẩm để tăng sức cạnh tranh, đáp ứng được yêu cầu của thị trường nhập khẩu./.





NÂNG TẦM THƯƠNG HIỆU TRÁI CÂY VIỆT

Hoài An

Nâng tầm thương hiệu trái cây Việt

Khí hậu nhiệt đới đã mang lại cho Việt Nam cây trái phong phú với nhiều trái cây ngon, chất lượng, đặc biệt, có nhiều trái cây đặc sản độc đáo mà chỉ Việt Nam mới có. So với các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á, Việt Nam có nhiều loại trái cây chiếm ưu thế cạnh tranh như: Vú sữa, thanh long, măng cầu, dưa hấu, vải thiều, nhãn,... Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN-PTNT), cả nước hiện có khoảng 1,05 triệu ha cây ăn quả, sản lượng hơn 12,6 triệu tấn. Trong đó, xoài đạt 814,8 nghìn tấn, thanh long đạt 1,242 triệu tấn, bưởi đạt 779,3 nghìn tấn... Thời gian qua, Nhà nước đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách, quy định pháp luật trong lĩnh vực xây dựng thương hiệu. Các hoạt động hợp tác chặt chẽ diễn ra giữa các Bộ, ngành, các hiệp hội, doanh nghiệp, các tổ chức xúc tiến

thương mại trong và ngoài nước trong đào tạo nâng cao nghiệp vụ xúc tiến thương mại; xây dựng và phát triển thương hiệu trái cây thông qua việc hỗ trợ xây dựng mô hình kiểu mẫu đạt tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP; truyền thông thương hiệu trái cây; tham gia hội chợ triển lãm, hội thảo liên kết tiêu thụ; hoạt động thông tin thị trường; xây dựng chuỗi cung ứng... Đến nay, thị trường xuất khẩu trái cây Việt Nam không ngừng được mở rộng, thương hiệu trái cây Việt đã từng bước ghi dấu ấn tại nhiều quốc gia trên thế giới với giá trị xuất khẩu của mỗi loại trái cây được nâng lên. Đặc biệt sau nhiều năm đàm phán, Việt Nam đã dỡ bỏ được hàng rào kỹ thuật để trái cây vào được các thị trường khó tính như: Úc, Mỹ, New Zealand, Nhật, Hàn Quốc. Việc thâm nhập vào các thị trường này đã khẳng định được thương hiệu "trái cây Việt" tại thị trường thế giới, đồng thời

Trái cây là mặt hàng được ưu tiên xuất khẩu với dư địa thị trường lớn, tiềm năng sản xuất còn nhiều nhưng giá trị trái cây Việt trên thị trường hiện chưa tương xứng với chất lượng sản phẩm cũng như công sức của người nông dân. Xây dựng và nâng tầm thương hiệu trái cây là một trong những giải pháp đang được Việt Nam tích cực đẩy mạnh để nâng cao giá trị trái cây Việt.

góp phần nâng cao giá trị sản xuất và tăng thu nhập cho nông dân.

Bên cạnh các hoạt động xúc tiến mở rộng thị trường xuất khẩu, nhiều doanh nghiệp trong nước cũng đã chú trọng nghiên cứu nâng cao giá trị, xây dựng và nâng tầm thương hiệu trái cây Việt. Điển hình như Hợp tác xã 3T nông sản Cao Phong (3Tfarm) đã nâng tầm giá trị thương hiệu cam Cao Phong của tỉnh Hòa Bình được chỉ dẫn

địa lý trở thành những món quà cao cấp. Theo đó, những trái cam được chọn làm quà tặng cao cấp là những sản phẩm đã được chăm sóc theo hướng hữu cơ. Khi thu hoạch, trái cam được đưa về khu sơ chế, phân loại và chỉ những trái cam đáp ứng đủ tiêu chuẩn về màu sắc, kích cỡ và chất lượng mới được lựa chọn. Sau khi phân loại, trái cam được đưa vào xưởng rửa sạch, xử lý khử trùng theo quy trình và dán nhãn tem truy xuất nguồn gốc trên từng trái cam trước khi đóng gói vào hộp quà tặng đã được thiết kế đẹp mắt và độc đáo. Đến nay, sản phẩm quà tặng của hợp tác xã đã được công nhận là sản phẩm OCOP (mỗi xã một sản phẩm) 4 sao. Còn tại vùng đất cam Hà Giang, Công ty cổ phần Cam Ta lại nghiên cứu học hỏi để tạo ra những thực phẩm có thể kết hợp và làm từ cam như: Rượu cam, tinh dầu cam, mứt cam, siro cam, mật cam... Sau khi được tỉnh Hà Giang công nhận đạt 4 sao OCOP, sản phẩm OCOP ngoài phân phối cho siêu thị, kênh bán hàng online, Công ty đã liên kết được với các đơn vị cùng sản xuất sản phẩm OCOP cung cấp nguyên liệu đầu vào cho một số sản phẩm để kết hợp, chế biến ra thêm các sản phẩm có hương vị của cam nguyên chất như: Cung cấp các sản phẩm mứt cam cho các đơn vị sản xuất sữa: Amifarm Mộc Châu, sữa chua Mộc Đồng (Hà Nam) ... Hiện, ngoài trái cam, một số loại trái cây như: Chuối, xoài, vải thiều, nhãn, thanh long... cũng đã được rất nhiều doanh nghiệp xuất khẩu chú trọng xây dựng thương hiệu. Đây là những mặt hàng có thế mạnh trong nhóm hàng rau, quả xuất khẩu Việt Nam đang được nhiều nơi ưa chuộng, trong đó có các thị trường khó tính bậc nhất thế giới là Nhật Bản, Hàn Quốc, Mỹ, EU.

Hệ thống công nghiệp chế biến trái cây Việt những năm gần đây ghi nhận đã có bước tiến, mở cửa cho sản phẩm trái cây Việt thâm nhập vào thị trường. Nhiều doanh nghiệp đã quan tâm và triển khai dự án đầu tư vào lĩnh vực chế biến trái cây Việt, ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến, hiện đại nâng cao hiệu quả, năng lực cạnh tranh và phát triển thương hiệu trái cây Việt Nam với các sản phẩm trái cây chế biến như: Trái cây sấy dẻo, nước ép trái cây, mứt trái cây, các dòng yaourt khô trái cây, trái cây sấy gia vị, kẹo trái cây,... Một trong những doanh nghiệp đang tham gia vào lĩnh vực chế biến, nâng cao giá trị thương hiệu trái cây Việt phải kể đến Công ty Cổ phần Lavifood (Long An). Hiện, Lavifood đang có 2 nhà máy chế biến sâu các sản phẩm trái cây tại Long An và Tây Ninh, chủ yếu chế biến sản phẩm cho các hợp đồng đã được ký kết với châu Âu, Mỹ, Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc. Dự kiến đến năm 2023, Lavifood sẽ hoàn thành 7 nhà máy chế biến sâu các sản phẩm trái cây tại Long An, Tây Ninh, Đồng Tháp, Bình Thuận, Đắk Lắk, Quảng Trị và Hải Phòng. Bên cạnh đó, đến năm 2026, Lavifood cũng sẽ mở rộng vùng nguyên liệu lên 33.000 ha, có khả năng sản xuất 1 triệu tấn nguyên liệu/năm, doanh thu 1,5 tỷ USD cho sản phẩm trái cây chế biến, xuất khẩu. Song song với xuất khẩu, nhà máy chế biến trái cây của Lavifood cũng sẽ có những dòng sản phẩm riêng cung ứng, phục vụ cho người tiêu dùng nội địa. Theo các chuyên gia, trong tương lai, tiềm năng xuất khẩu trái cây Việt chế biến còn rất lớn và là nhân tố tạo bước đột phá để giải quyết thị trường trái cây Việt tốt hơn với ưu thế về thời gian, tiện lợi trong vận chuyển và tiêu dùng.

Việc nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ được xem là giải pháp quan trọng để trái cây Việt Nam nâng cao giá trị gia tăng, xây dựng thương hiệu và phát triển bền vững. Công nghiệp 4.0 dự báo sẽ tác động tới tất cả các khâu trong chuỗi giá trị của trái cây Việt từ khâu sản xuất, chế biến đến hoạt động tiêu dùng. Đến nay, nhiều tiến bộ kỹ thuật được đưa vào sản xuất, Việt Nam cũng đã cấp mã số cho 1.749 vùng trồng quả tươi và 1.200 mã số cho cơ sở đóng gói quả tươi phục vụ xuất khẩu.

Bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn một số hạn chế trong phát triển thương hiệu trái cây Việt như: Quy mô sản xuất trái cây còn nhỏ lẻ, phân tán khó đầu tư cơ sở hạ tầng và tổ chức liên kết sản xuất trong thực hiện cơ giới hóa cũng như kiểm soát chất lượng sản phẩm trái cây; diện tích sản xuất sản phẩm trái cây theo các tiêu chuẩn quốc tế còn khiêm tốn; năng suất bình quân nhiều loại cây ăn quả thấp; hệ thống phân phối, tiêu thụ sản phẩm của các vùng sản xuất cây ăn quả của Việt Nam chưa chuyên nghiệp; chưa có nhiều doanh nghiệp lớn tham gia sản xuất, xuất khẩu sản phẩm trái cây...; ngành chế biến trái cây có hàm lượng công nghệ chưa cao; còn nhiều cơ sở chế biến nhỏ lẻ, tự phát với công nghệ và thiết bị lạc hậu, không đồng bộ nên khó kiểm soát chất lượng và an toàn thực phẩm; doanh nghiệp chưa liên kết chặt chẽ với nông dân trong tổ chức sản xuất và tiêu thụ để sản xuất trái cây theo tiêu chuẩn GAP được thị trường thế giới chấp nhận; nhiều doanh nghiệp hạn chế về tiềm lực tài chính trong đầu tư xây dựng thương hiệu; chưa đầu tư đúng mức cho kho lạnh để bảo quản số lượng lớn trái cây trong một thời gian dài;

nhiều địa phương chưa có chiến lược phát triển sản xuất và kinh doanh cho các sản phẩm trái cây; sản phẩm sau thu hoạch thiếu bài bản, tổn thất sau thu hoạch còn cao; thiếu sự đầu tư cho công tác tiếp thị, nghiên cứu thị trường; hạn chế trong các khâu đóng gói, vận chuyển, bảo quản và trưng bày trái cây tại điểm bán; Chưa đồng bộ trong chứng thực về chất lượng và nguồn gốc xuất xứ sản phẩm.

Theo Tổ chức Nông Lương Liên hợp quốc (FAO), trong giai đoạn 2016-2021, thị trường rau củ quả của thế giới có tốc độ tăng trưởng gần 2,9% do đó nhu cầu của thế giới đối với ngành hàng trái cây còn rất lớn.

Hiện, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN-PTNT) đang khẩn trương xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án phát triển ngành chế biến rau quả, giai đoạn 2021-2030 với mục tiêu đưa Việt Nam trở thành một trong 5 quốc gia xuất khẩu rau quả hàng đầu thế giới vào năm 2030. Theo đó, phấn đấu đưa kim ngạch xuất khẩu rau quả đạt 8-10 tỷ USD; trong đó rau quả chế biến đạt 30% trở lên; giảm tỷ lệ tổn thất sau thu hoạch mỗi năm từ 1-1,5%; trên 70% cơ sở chế biến, bảo quản rau quả xuất khẩu đạt trình độ và năng lực công nghệ sản xuất tiên tiến; công suất chế biến rau quả đạt 2 triệu tấn sản phẩm/năm.

Bên cạnh đó, thực hiện hiệu quả Quyết định số 899/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về "Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững", Ngành nông nghiệp tiếp tục mở rộng diện tích một số cây ăn trái chủ lực có giá trị xuất khẩu như: Chuối, xoài, khóm, nhãn... phục vụ tốt nhu cầu tiêu thụ nội địa, hạn chế nhập khẩu và gia tăng xuất khẩu; tập trung

nâng cao năng suất, chất lượng, an toàn thực phẩm, giảm giá thành; tăng tỷ lệ sản phẩm có chứng nhận (an toàn, GAP, hữu cơ,...); đẩy mạnh sản xuất rải vụ thu hoạch; nâng cao năng lực bảo quản, giảm tổn thất sau thu hoạch cả về số lượng và chất lượng; tăng cường chế biến sâu các sản phẩm trái cây, gia tăng giá trị sản xuất, đồng thời tránh các hàng rào kỹ thuật đối với các sản phẩm; mở rộng thị trường, tăng khối lượng và giá trị xuất khẩu; xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý, chứng nhận bảo hộ độc quyền thương hiệu hàng hóa tại Việt Nam cho các loại trái cây đặc sản.

Giải pháp nâng tầm thương hiệu trái cây Việt

Xây dựng và phát triển thương hiệu trái cây Việt trong thời gian tới cần tập trung vào các giải pháp như:

Một là, Nhà nước cần sớm bổ sung hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật Việt Nam đối với hàng hóa nông sản theo hướng phù hợp với các tiêu chuẩn, quy chuẩn thế giới; phát triển và nhân rộng việc thực hiện cấp mã số vùng sản xuất, truy xuất nguồn gốc, chỉ dẫn địa lý... đối với sản phẩm trái cây xuất khẩu; nhân rộng mô hình sản xuất cây trái theo các tiêu chuẩn GlobalGAP, VietGAP.

Hai là, Bộ NN-PTNT tiếp tục cùng các địa phương rà soát xây dựng, phát triển các vùng sản xuất cây trái theo hướng hàng hóa tập trung; xây dựng các đề án, kế hoạch phát triển cây trái chủ lực toàn quốc, trong đó chú trọng yếu tố thị trường, đặc biệt là các thị trường lớn, chính ngạch.

Ba là, các địa phương sản xuất trái cây cần rà soát quy hoạch theo hướng chuyên canh hiện đại; xác định được thế mạnh, sản phẩm đặc sản để đẩy mạnh phát triển

các loại cây trồng căn cứ theo thị trường; ưu tiên đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật thâm canh cây trái trồng tập trung để tạo sản phẩm an toàn, hiệu quả cao, bền vững.

Bốn là, khuyến khích các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp lớn, đầu tư liên kết với nông dân trong chuỗi giá trị từ sản xuất, thu mua, bảo quản, chế biến đến tiêu thụ; thực hiện các yêu cầu về truy xuất nguồn gốc; chứng nhận VietGAP, GlobalGAP...; tăng khả năng chế biến, bảo quản để đẩy mạnh xuất khẩu sang các thị trường lớn, tiềm năng; đồng thời không ngừng cải tiến mẫu mã để chinh phục thị hiếu đa dạng của người tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

Năm là, người nông dân cần thay đổi quy trình canh tác theo hướng khoa học và đẩy mạnh sản xuất cây trái theo hướng hữu cơ, đáp ứng theo các tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP và các tiêu chuẩn khác của các nước nhập khẩu đưa ra; từng bước nâng cao giá trị sản phẩm và phát triển bền vững, có thể cạnh tranh tốt ở thị trường thế giới,

Sáu là, triển khai các hoạt động phát triển thương hiệu có bài bản, có định hướng chiến lược dựa trên hợp tác, liên kết chặt chẽ giữa các hộ nông dân, doanh nghiệp, tổ chức và các cơ quan quản lý Nhà nước; tiếp tục xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý, chứng nhận bảo hộ độc quyền thương hiệu hàng hóa tại Việt Nam cho các loại trái cây đặc sản.

Bảy là, đẩy mạnh hơn nữa các chương trình quảng bá, giới thiệu để tạo dấu ấn riêng thương hiệu trái cây Việt Nam đối với bạn bè quốc tế, trong đó, tuyên truyền thương hiệu cần hướng đến những thông điệp về an toàn, vệ sinh và những cam kết của nhà sản xuất đối với khách hàng./.



Mặc dù gặp nhiều khó khăn do tác động của dịch Covid-19, dịch bệnh trên đàn vật nuôi, biến đổi cực đoan của thời tiết, khí hậu gây ra, song năm 2020, sản xuất chăn nuôi của nước ta cơ bản đã đạt các mục tiêu đề ra, duy trì mức tăng trưởng cao, đáp ứng đủ nhu cầu trong nước và xuất khẩu, có bước phát triển cả về lượng và chất, dần trở thành ngành sản xuất hàng hóa lớn, tạo sinh kế và nâng cao đời sống cho hàng triệu hộ nông dân.

NGÀNH CHĂN NUÔI - THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Gia Linh

Theo đánh giá của Tổng cục Thống kê, năm 2020 tình hình sản xuất chăn nuôi của cả nước được duy trì tốt, hầu hết các đối tượng vật nuôi đều tăng trưởng và phát triển. Trong đó, về tình hình chăn nuôi trâu, bò trên cả nước nhìn chung ổn định, không có biến động lớn. Các địa phương đã và đang chủ động triển khai các hoạt động phòng, chống và giám sát chặt chẽ tình hình dịch bệnh. Đàn trâu cả nước tiếp tục xu hướng giảm do hiệu quả kinh tế không cao, diện tích chăn thả bị thu hẹp. Đàn bò phát triển khá do có thị trường tiêu thụ tốt, giá bán thịt bò hơi ở mức khá, người chăn nuôi có lãi ổn định, đồng thời có được sự hỗ trợ

nguồn vốn, hướng dẫn kỹ thuật chăn nuôi của các ngành, các cấp và chính quyền địa phương.

Ước tính tổng số trâu của cả nước tháng 12 năm 2020 giảm khoảng 2,2%, tổng số bò tăng khoảng 2,5% so với cùng thời điểm năm 2019. Sản lượng thịt trâu hơi xuất chuồng cả năm 2020 ước tính đạt 95,8 nghìn tấn, tăng 1,4% so với năm 2019 (quý IV đạt 26,8 nghìn tấn, tăng 0,4% so với cùng kỳ năm trước); sản lượng thịt bò hơi xuất chuồng đạt 371,5 nghìn tấn, tăng 4,6% (quý IV đạt 98,9 nghìn tấn, tăng 1,5%); sản lượng sữa bò tươi đạt 1.086,3 nghìn tấn, tăng 10,2% (quý IV ước đạt 287,1 nghìn tấn, tăng 10,9%).

Trong tháng 01/2021, thời tiết rét đậm, rét hại đã ảnh hưởng không nhỏ đến đàn gia súc. Theo đó, tại các tỉnh miền núi phía Bắc có băng giá, mưa tuyết đã khiến trâu, bò của một số hộ dân bị chết rét. Ước tính đến tháng 2/2021, ước tính tổng số bò cả nước tăng 2,2% so với cùng thời điểm năm trước; tổng số trâu giảm 2,7%.

Đối với chăn nuôi gia cầm, thời gian gần đây đàn gia cầm cả nước phát triển tốt, mặc dù, dịch cúm gia cầm vẫn xảy ra rải rác tại một số địa phương nhưng đều được kiểm soát, không lây lan trên diện rộng. Tổng đàn và sản lượng gia cầm tiếp tục tăng do khu vực hộ mở rộng quy mô chăn nuôi, khu vực doanh nghiệp phát triển tốt.

Ước tính tổng số gia cầm của cả nước tháng 12 năm 2020 tăng 6% so với cùng thời điểm năm 2019. Sản lượng thịt gia cầm hơi xuất chuồng cả năm 2020 ước đạt 1.453,7 nghìn tấn, tăng 11,6% so với năm 2019 (quý IV ước đạt 379,0 nghìn tấn, tăng 7,1% so với cùng kỳ năm trước); sản lượng trứng gia cầm cả năm 2020 đạt 14,7 tỷ quả, tăng 10,5% (quý IV ước đạt 3,8 tỷ quả, tăng 7,2%). Tuy nhiên, các đợt rét đậm, rét hại kéo dài trong tháng 01/2021 tại các địa phương miền Bắc khiến sức đề kháng của vật nuôi giảm, bệnh cúm gia cầm xảy ra tại một số địa bàn. Ước tính đến tháng 2/2021, tổng số gia cầm tăng 6,5% so với cùng thời điểm năm 2020.

Về chăn nuôi lợn: Trong năm 2019 do chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch tả lợn châu Phi, tính từ đầu tháng 2/2019 đến ngày 19/12/2019, dịch tả lợn châu Phi đã xảy ra tại 8.527 xã thuộc 667 huyện của 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương với tổng số lợn tiêu hủy gần 6 triệu con, tương đương với tổng trọng lượng 340,8 nghìn tấn. Đến năm 2020, dịch tả lợn châu Phi đã được kiểm soát khá tốt, tổng số lợn bị tiêu hủy trong năm chỉ bằng 1,5% so với năm 2019. Đây là nền tảng quan trọng để người chăn nuôi tái đàn, khôi phục đàn lợn như trước đây.

Tuy nhiên, những tháng đầu năm 2020, công tác tái đàn còn chậm do giá con giống vẫn ở mức cao, các hộ chăn nuôi không có đủ nguồn lực để đầu tư tái đàn sau thời gian dài bị thiệt hại vì dịch bệnh, việc tái đàn chủ yếu ở các cơ sở chăn nuôi lớn có đủ nguồn lực, chủ động được con giống. Đây là nguyên nhân chính khiến việc tái đàn của người dân không thể nhanh như kỳ vọng.

Ước tính tổng số lợn của cả nước tháng 12 năm 2020 tăng khoảng 17% so với cùng thời điểm năm 2019; sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng cả năm 2020 ước đạt 3.474,9 nghìn tấn, tăng 4,4% so với cùng kỳ năm 2019 (quý IV ước đạt 991,8 nghìn tấn, tăng 30%). So với năm 2018 (năm không bị dịch tả lợn châu Phi), sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng cả năm 2020 giảm 9% và sản lượng quý IV tương đương cùng kỳ năm 2018. Trong những tháng đầu năm 2021, dịch tả lợn châu Phi tiếp tục được kiểm soát, chỉ còn phát sinh những ổ dịch nhỏ lẻ, tổng đàn lợn đã hồi phục nhanh. Ước tính tháng 2/2021, tổng số lợn tăng 15,5% so với cùng thời điểm năm 2020. Sản lượng thịt hơi xuất chuồng về cơ bản đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng của người dân trong dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu.

Thực tế cho thấy, những tháng đầu năm 2020, khi đàn lợn bị sụt giảm mạnh do số lượng lợn tiêu hủy cuối năm 2019 lớn và chưa kịp tái đàn trở lại, giá thịt lợn diễn biến phức tạp, tăng cao trên cả nước, có thời điểm giá thịt lợn hơi chạm mốc trên 100.000 đồng/kg tại một số tỉnh miền Bắc. Trước tình hình đó, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các Bộ, ngành, địa phương tập trung phối hợp chặt chẽ thực hiện quản lý mặt hàng thịt lợn theo nguyên tắc: Đây là mặt hàng quan trọng phục vụ nhu cầu tiêu dùng của người dân, văn hóa tiêu dùng thực phẩm của người Việt Nam; trong bối cảnh dịch bệnh phức tạp, nguồn cung chưa bảo đảm thì giá thịt lợn là giá thị trường có sự quản lý của nhà nước, trong đó tập trung thúc đẩy sản xuất, chăn nuôi, tái đàn, chế biến, điều hòa và cân đối cung cầu để bình ổn giá thịt lợn; quyết liệt thực hiện các giải pháp chống đầu cơ,

trục lợi, thao túng và nâng giá bất hợp lý, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm. Nhờ vậy những tháng cuối năm 2020, đàn lợn đã khôi phục nhanh, nguồn cung bắt đầu ổn định, sản lượng xuất chuồng tăng dần khiến giá thịt lợn hơi trên thị trường cũng giảm. Giá sản phẩm chăn nuôi lợn quý IV/2020 giảm 6,1% so với quý trước. Bình quân giá thịt lợn hơi quý IV/2020 tại các tỉnh miền Bắc dao động từ 65.000-70.000 đồng/kg (giảm khoảng 12.500 đồng/kg); miền Trung và Tây Nguyên từ 66.000-71.000 đồng/kg (giảm khoảng 13.000 đồng/kg); miền Nam từ 69.000-72.000 đồng/kg (giảm khoảng 12.000 đồng/kg). Tính đến ngày 22/01, giá thịt lợn hơi tại miền Bắc dao động trong khoảng 83.000 - 86.000 đồng/kg; tại miền Trung, Tây Nguyên trong khoảng 81.000 - 84.000 đồng/kg; tại miền Nam khoảng 80.000-83.000 đồng/kg. Như vậy, so với cùng thời điểm của 12/2020, giá thịt lợn hơi đã tăng hơn 10.000 đồng/kg.

Có thể thấy, hoạt động sản xuất chăn nuôi thời gian qua đạt được thành quả tích cực là do có sự chung tay Chính phủ, các cơ quan bộ, ngành, của nhiều tập đoàn, doanh nghiệp lớn xây dựng được các chuỗi liên kết khép kín, sản xuất có hiệu quả với chăn nuôi



an toàn sinh học (ATSH), giết mổ an toàn thực phẩm (ATTP). Thêm vào đó là sự phát triển mở rộng của các mô hình chăn nuôi hiệu quả với những cách làm hay. Ngành chăn nuôi đã có đóng góp lớn cho an sinh xã hội và góp phần quan trọng trong thực hiện mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đồng thời đã tái cơ cấu sản xuất ngành khá hiệu quả, theo chuỗi giá trị liên kết, ngành hàng, bao gồm các chuỗi: Doanh nghiệp - trại chăn nuôi gia công, doanh nghiệp - HTX - nông hộ, trong đó ưu tiên phát triển chăn nuôi bền vững theo hướng hữu cơ, an toàn sinh học, chú trọng khâu giết mổ, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả trên ngành chăn nuôi vẫn còn một số bất cập như: Tăng trưởng chưa bền vững, nhất là vấn đề kiểm soát dịch bệnh, an toàn thực phẩm, môi trường và thị trường sản phẩm. Trừ chăn nuôi bò sữa, còn lại hầu hết các lĩnh vực, việc tổ chức chăn nuôi theo chuỗi liên kết còn chiếm tỷ lệ thấp cả về quy mô và mức độ liên kết, hiệu quả chưa cao. Bên cạnh đó, hoạt động chăn nuôi phải đối mặt với nhiều thách thức khi hội nhập sâu rộng với quốc tế, nhất là khi nhiều hiệp định thương mại tự do đã được ký kết, sản phẩm chăn nuôi trong nước sẽ phải cạnh tranh gay gắt hơn với sản phẩm cùng loại của các nước có trình độ, kinh nghiệm trong phát triển chăn nuôi tốt hơn Việt Nam.

Năm 2021, ngành chăn nuôi phần đầu giá trị sản xuất bình quân đạt khoảng 5,5 đến 6%. Sản lượng thịt các loại đạt hơn 5,7 triệu tấn, trong đó: Thịt lợn đạt khoảng 3,67 triệu tấn (tăng 6,1%), thịt gia cầm đạt khoảng 1,5 triệu tấn (tăng 5,8%), thịt gia súc

ăn cỏ đạt khoảng 547,3 nghìn tấn (tăng 7,9%). Sản lượng trứng đạt khoảng 15,6 tỷ quả (tăng 7,5%) và sản lượng sữa đạt khoảng 1,21 triệu tấn (tăng 11,5%).

Để đạt được mục tiêu trên và tiếp tục duy trì phát triển tốt, ngành chăn nuôi cần tiếp tục triển khai tốt các nội dung, mục tiêu đã được Chính phủ nêu tại Chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (theo Quyết định số 1520/QĐ-TTg - tháng 10/2020). Theo đó, tập trung đẩy mạnh cơ cấu lại ngành chăn nuôi; thực hiện các giải pháp thúc đẩy tái đàn lợn; chuyển dịch cơ cấu đàn vật nuôi theo hướng tăng tỷ trọng gia cầm (tăng gà lông màu, vịt đẻ trứng) và gia súc lớn.

Phát triển các mô hình chăn nuôi lợn theo chuỗi liên kết phù hợp thực tiễn sản xuất của từng vùng, từng phân khúc thị trường. Nâng cao năng lực giết mổ tập trung và chế biến công nghiệp các sản phẩm từ thịt lợn; sử dụng hiệu quả nguồn chất thải chăn nuôi lợn bảo đảm an toàn dịch bệnh, bảo vệ môi trường. Mở rộng mô hình chăn nuôi, vỗ béo trâu, bò bằng giải pháp thâm canh trồng cỏ, ngô sinh khối kết hợp ủ ướp với các loại phụ phẩm nông, công nghiệp.

Phát triển rộng mô hình các chuỗi liên kết trong chăn nuôi, giết mổ, chế biến và tiêu thụ sản phẩm gia cầm trong nước, xuất khẩu. Tổ chức lại thị trường tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi trong nước, giảm bớt các khâu trung gian trong quá trình lưu thông. củng cố và mở rộng các sàn giao dịch sản phẩm chăn nuôi, tăng cường chế biến sâu để đa dạng hóa sản phẩm. Đồng thời, chú trọng phát triển chăn nuôi theo quy mô trang trại, duy trì chăn nuôi nông hộ theo hình thức hữu cơ truyền thống; tiếp tục mở rộng chăn nuôi

áp dụng quy trình VietGAP; khuyến khích tổ chức sản xuất khép kín, liên kết giữa các khâu trong chuỗi giá trị để cắt giảm chi phí, tăng hiệu quả và giá trị gia tăng.

Tiếp tục phát triển giống vật nuôi chất lượng cao phục vụ sản xuất; ưu tiên nhập khẩu giống tốt, chọn tạo đàn giống thích hợp cho mỗi vùng sinh thái. Sản xuất thức ăn chăn nuôi công nghiệp đáp ứng nhu cầu trong nước và một phần xuất khẩu; tăng cường quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng thức ăn chăn nuôi (trọng tâm là quản lý các chất chính và chất cấm sử dụng), giảm chi phí sản xuất, ATTP và bảo vệ môi trường. Đối với chăn nuôi nông hộ, cần phổ biến cách thức sử dụng thức ăn chăn nuôi hiệu quả an toàn, khuyến khích người dân tận dụng lao động tự phối trộn thức ăn. Ứng dụng công nghệ cao trong lĩnh vực giống vật nuôi, ưu tiên giống bản địa; thức ăn chăn nuôi, điều kiện chăn nuôi, trang thiết bị chuồng trại, công tác vệ sinh thú y...

Ngoài ra, Ngành cần vận dụng tối đa các nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, vốn ODA và đặc biệt là nguồn vốn xã hội hóa tập trung cho lĩnh vực nghiên cứu khoa học và chương trình giống, bởi đây là yếu tố quan trọng đối với sự phát triển của ngành chăn nuôi.

Song song với việc tiếp tục xây dựng các cơ sở, vùng chăn nuôi an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, ngành chăn nuôi cần tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, thu hút các mô hình chăn nuôi công nghệ cao, chăn nuôi hiện đại, khép kín, tự động để tối ưu hóa sản xuất, tạo ra sản phẩm chăn nuôi có giá thành cạnh tranh, chất lượng cao để hướng tới xuất khẩu, tiếp tục duy trì chăn nuôi trở thành mặt hàng xuất khẩu đạt kim ngạch cao của cả nước./



PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THÔNG MINH TẠI VIỆT NAM

Tiến Long

Thực tiễn phát triển đô thị thông minh tại Việt Nam

Dựa trên chủ trương xây dựng các đô thị thông minh của Chính phủ, nhiều địa phương ở Việt Nam đã bắt tay vào xây dựng và phê duyệt các đề án, định hướng phát triển ĐTTM, điển hình như TP.HCM, Hà Nội, Đà Nẵng, Bình Dương, Hải Phòng... Đến nay, cả nước có khoảng 30 địa phương đã phê duyệt và triển khai các đề án, dự án về phát triển ĐTTM.

Năm 2012, Đà Nẵng là đô thị đầu tiên được Tập đoàn công nghệ IBM chọn là 1 trong 33 thành phố trên thế giới, nhận tài trợ từ chương trình thành phố thông minh, với tổng giá trị tài trợ hơn 50 triệu USD, sử dụng giải pháp điều hành trung tâm thông minh để

Xây dựng thành phố thông minh đã và đang trở thành xu thế tất yếu của các đô thị trên thế giới. Tại Việt Nam, phát triển đô thị thông minh là phương thức quan trọng để tận dụng hiệu quả những cơ hội của Cuộc cách mạng Công nghiệp lần thứ tư (CMCN 4.0) và hướng tới phát triển bền vững. Việt Nam xác định rõ, xây dựng và phát triển đô thị thông minh là một trong ba nội dung cốt lõi trong chủ động tham gia CMCN 4.0, bên cạnh phát triển kinh tế số và xây dựng Chính phủ điện tử tiến tới Chính phủ số.

đảm bảo chất lượng nguồn nước phục vụ người dân, cung cấp giao thông công cộng tốt nhất và giảm thiểu ách tắc giao thông.

TP. HCM và Hà Nội cũng đã có những bước triển khai cụ thể về những khía cạnh khác nhau của thành phố thông minh như thử nghiệm sử dụng thẻ thay vì bán vé xe bus truyền thống. Việc triển khai thành phố wifi ở một số nơi, những đề xuất về việc sử dụng điện thoại di động để truyền tải thông tin tình trạng giao thông hay những ý tưởng số hoá những sinh hoạt trong đời sống hàng ngày của một số doanh nghiệp.

Thành phố Hà Nội và Tập đoàn Công nghệ Dell thông qua Dell Global B.V (chi nhánh Singapore) sẽ hợp tác trong quá trình xây dựng

chính quyền điện tử, thành phố thông minh. Kiến trúc chính quyền điện tử và thành phố thông minh của TP. Hà Nội được xây dựng đảm bảo phù hợp, thống nhất với “Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam”, hướng dẫn xây dựng “Kiến trúc chính quyền điện tử cấp tỉnh” và “Định hướng về công nghệ thông tin và truyền thông trong xây dựng đô thị thông minh ở Việt Nam” đã được Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành, hướng đến hình thành và phát triển kinh tế tri thức đưa Thủ đô tham gia vào các diễn đàn thành phố thông minh trên thế giới.

Ba thành phố lớn của Việt Nam là Hà Nội, TP. HCM và Đà Nẵng sẽ là một phần trong mạng lưới các thành phố thông minh của ASEAN do Singapore đề xuất tại Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN lần thứ 32. Theo số liệu của Tập đoàn Viettel, yếu tố thuận lợi để phát triển đô thị thông minh ở Việt Nam là tỉ lệ người sử dụng Internet/tổng dân số ở Việt Nam khá lớn, lọt vào top 10 trong khu vực châu Á. Việt Nam hiện có khoảng 49 triệu người sử dụng Internet, đạt mật độ thâm nhập 51,5%. Một số đô thị có điều kiện thích hợp áp dụng mô hình đô thị thông minh gồm: Hải Phòng, Đà Nẵng, Thanh Hoá, Thái Nguyên, Hạ Long, Huế, Cần Thơ, Rạch Giá, Phú Quốc, Nha Trang, Quy Nhơn.

Bên cạnh sự phát triển của các thành phố lớn tại Việt Nam, các chủ đầu tư của các tập đoàn bất động sản cũng đang chuyển đổi sang xu hướng mới là phát triển khu đô thị thông minh. Khu đô thị “Thành phố thông minh” ở xã Hải Bối, Vĩnh Ngọc, huyện Đông Anh, Hà Nội do chủ đầu tư Liên doanh Sumimoto (Nhật Bản và Tập đoàn BRG) ra mắt năm 2018 với diện tích 272ha và được phát động khởi công vào năm 2019. Đây là

một trong những dự án khu đô thị đầu tiên về thành phố thông minh tại Việt Nam. “Thành phố thông minh” ở phía Bắc Hà Nội được quy hoạch theo hướng thân thiện với thiên nhiên, phát triển các hệ thống quản lý ứng dụng công nghệ cao trong các lĩnh vực năng lượng, sức khỏe, giáo dục.

Một trong những chủ đầu tư cũng nhanh chóng cập nhật xu hướng thế giới là Tập đoàn Vingroup, tiền thân là Dự án Khu đô thị Vinhomes Sportia nằm trên trục đại lộ Thăng Long. Năm 2019, Tập đoàn Vingroup đã thay đổi thành Khu đô thị Vinhomes Smart City - Đại đô thị Thông minh năng động. Với diện tích 280 ha, Vinhomes Smart City đã học hỏi và tổ chức vận hành ứng dụng theo mô hình đô thị thông minh trên thế giới như Singapore, Songdo của Hàn Quốc, Fujisawa của Nhật Bản. Có thể thấy, chủ đầu tư đã nắm bắt rất nhanh và ngay lập tức đổi hướng để đưa ra một mô hình khu đô thị mới với hệ sinh thái thông minh dựa trên 4 trục cốt lõi, gồm Smart Security (an ninh thông minh), Smart Management (vận hành thông minh), Smart Community (cộng đồng thông minh), Smart Home. Vinhomes Smart City hứa hẹn an ninh - an toàn

thông minh với hệ thống camera đa lớp tích hợp trí tuệ nhân tạo tự động nhận diện khuôn mặt, biển số xe, tự động cảnh báo đối tượng lạ trong khu đô thị, hệ thống thang máy thông minh, PCCC thông minh, giám sát chất lượng không khí, cảnh báo ô nhiễm môi trường và ứng dụng cập nhật tình trạng giao thông thành phố và khu đô thị qua phần mềm trên điện thoại.

Bên cạnh đó, tập đoàn Ecopark cũng nhanh chóng bắt nhịp xu hướng thành phố thông minh khi ký kết thỏa thuận hợp tác chiến lược triển khai dự án thành phố thông minh với Công ty Cổ phần dịch vụ công nghệ Ecotek và Fundacion Metropoli (thuộc Metropoli Ecosystems, Tây Ban Nha) tại phân khu mới của Ecopark là khu trung tâm thương mại với diện tích 70ha. Ecopark đặt mục tiêu phát triển, nỗ lực trở thành đô thị thông minh thí điểm theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt “Đề án Phát triển Đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018-2025 và định hướng đến năm 2030”.

Đánh giá về những cơ hội và thách thức trong phát triển đô thị thông minh tại Việt Nam hiện nay, Bộ Xây dựng cho biết, Việt Nam



đã chủ động tiếp cận và định hướng phát triển đô thị thông minh từ khá sớm, bắt nhịp với các quốc gia trên thế giới; đã tích cực triển khai thực hiện chuyển đổi số; hạ tầng thông tin đã cơ bản được phủ sóng 4G; khả năng tiếp cận các dịch vụ về công nghệ thông tin và tỷ lệ sử dụng các thiết bị di động ở mức khá cao so với thế giới. Tuy nhiên, trong giai đoạn hiện nay, Việt Nam cần tập trung thực hiện một số nội dung trọng tâm về quy hoạch đô thị thông minh, quản lý đô thị thông minh, cung cấp các tiện ích thông minh và xây dựng cơ sở nền tảng và tăng cường tiềm lực thực hiện; cần xác định rõ bản chất của đô thị thông minh chính là sự liên kết, chia sẻ và tích hợp thông tin, phát triển theo chiều sâu, đổi mới cơ chế và thể chế. Bộ Xây dựng, với vai trò là bộ quản lý ngành sẽ tiếp tục phối hợp chặt chẽ hơn nữa với các Bộ, ban, ngành Trung ương và địa phương, các tổ chức trong và ngoài nước liên quan để thúc đẩy mạnh quá trình đô thị hoá và phát triển đô thị thông minh tại Việt Nam theo những chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước.

Định hướng phát triển đô thị thông minh tại Việt Nam

Phát triển đô thị thông minh là một hướng đi tất yếu, phù hợp với xu hướng quốc tế, tận dụng được những cơ hội, thành quả của cuộc CMCN 4.0, phù hợp với thực tiễn phát triển của đất nước.

Tại Diễn đàn cấp cao Đô thị thông minh ASEAN năm 2020, Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc đã khẳng định, Việt Nam nhận thức sâu sắc xu hướng thời đại và đã có nhiều chính sách và quyết tâm phát triển đô thị thông minh. Việt Nam coi xây dựng đô thị thông minh là một trong ba nhiệm vụ cốt lõi trong tiến trình chuyển đổi số

CÁC MỤC TIÊU CỤ THỂ ĐỂ XÂY DỰNG ĐÔ THỊ THÔNG MINH TẠI VIỆT NAM

- Đến năm 2025 có ít nhất 3 đô thị thông minh tại 3 vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc, phía Nam và miền Trung.

- Đến năm 2030, hình thành một số chuỗi đô thị thông minh tại các khu vực kinh tế trọng điểm phía Bắc, phía Nam và miền Trung; từng bước kết nối với các đô thị thông minh trong khu vực và thế giới.

- Tầm nhìn đến năm 2045, đặt mục tiêu đưa Việt Nam trở thành một trong những trung tâm sản xuất và dịch vụ thông minh, trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo đi đầu thuộc nhóm khu vực châu Á có năng suất lao động cao, đủ năng lực làm chủ và áp dụng công nghệ hiện đại trong tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh...

quốc gia, ứng dụng những thành tựu của CMCN 4.0. Việt Nam đã xây dựng để án phát triển đô thị thông minh bền vững đến năm 2025 và tầm nhìn năm 2030 dựa trên cơ sở quy hoạch thông minh gắn với quản lý thông minh, cung cấp tiện ích thông minh, tạo thuận lợi cho các giao dịch giữa chính quyền, người dân và nhà đầu tư.

Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc cũng nhấn mạnh, phát triển đô thị thông minh thực sự là một "cuộc chơi lớn" trong đó cần có "người cùng chơi" có "tầm nhìn", "chiến lược", "tiềm lực" hướng tới mục tiêu cuộc sống hạnh phúc, sự phát triển toàn diện của con người, bảo vệ môi trường và thiết lập hệ sinh thái đô thị phát triển bền vững. Việt Nam xác định phát triển đô thị thông minh, bền vững là một hướng đi có tính đột phá để góp phần nâng cao tính cạnh tranh quốc gia. Để đạt được điều này, phát triển đô thị thông minh phải gắn kết chặt chẽ với hạ tầng thông tin mạnh, xây dựng chính quyền điện tử, tiến tới chính quyền số trong CMCN 4.0 và quá trình phát triển đô thị Việt Nam. Phát triển thông minh phải trên

cơ sở cân nhắc cơ hội và rủi ro, thách thức gắn với nhu cầu và năng lực của địa phương, không thực hiện theo phong trào, cần làm từng bước, có chọn lọc, theo lộ trình. Tiếp cận đô thị thông minh theo hướng hiệu quả, kế thừa và phát huy kinh nghiệm của 35 năm đổi mới, đồng thời phát triển những giá trị gia tăng do công nghệ, kỹ thuật mới đem lại, phát huy bản sắc văn hóa đặc trưng riêng của khối ASEAN và đặc thù của các quốc gia thành viên.

Cùng với phát triển các tiện ích thông minh, các địa phương cần chú trọng xây dựng nền tảng cơ sở dữ liệu thông minh phục vụ đưa ra các quyết định thông minh; thúc đẩy quy hoạch và các giải pháp quản lý đô thị thông minh. Đồng thời, thu hút sự tham gia mạnh mẽ của khối tư nhân, phát huy năng lực đổi mới, sáng tạo; tạo hiệu ứng lan tỏa mạnh mẽ. Đồng thời, tiếp tục đẩy mạnh các chương trình chiến lược khoa học, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, gắn kết hài hòa các chương trình đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và định hướng phát triển đô thị thông minh bền vững./.

HAI NĂM THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 52/2018/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ VỀ PHÁT TRIỂN NGÀNH NGHỀ NÔNG THÔN

Hùng Ngân

Xác định rõ vai trò quan trọng của ngành nghề nông thôn trong phát triển nông nghiệp, nông thôn Việt Nam, trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương, quyết sách phù hợp để thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn, trong đó phải kể tới Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn (Nghị định số 52) với nhiều nội dung, cơ chế, chính sách mới. Kết quả sau 2 năm triển khai sâu rộng Nghị định số 52 của Chính phủ, đời sống người dân nông thôn được nâng cao rõ rệt, góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế dịch vụ ở nông thôn tạo sự chuyển dịch về cơ cấu kinh tế, phát triển kinh tế - xã hội nông thôn theo định hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và giữ gìn phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

Hiệu quả phát triển ngành nghề nông thôn

Hai năm thực hiện Nghị định số 52 của Chính phủ, các Bộ, ngành và địa phương đã tích cực xây dựng kế hoạch, ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn cơ sở tổ chức thực hiện. Nhiều địa phương cũng đã phê duyệt và thực hiện quy hoạch phát triển ngành nghề nông thôn; phê duyệt chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề; xây dựng các chính sách hỗ trợ và hỗ trợ các cơ sở ngành nghề nông thôn, làng nghề tham gia các hội chợ trong và ngoài địa phương như: Hội chợ triển lãm "Mỗi xã, phường một sản phẩm", hội chợ thương mại, hội chợ Agroviet, hội chợ làng nghề... Nhờ sự vào cuộc chủ động của các bộ ngành, địa phương, ngành nghề nông thôn đã có bước phát triển với nhiều khởi sắc.

Năm 2020, tổng số các cơ sở tham gia sản xuất kinh doanh ngành nghề nông thôn là trên 817 nghìn cơ sở, tăng 119 nghìn cơ sở so với năm 2017 (thời điểm trước khi có Nghị định số 52 của Chính phủ). Tổng số lao động trong lĩnh vực ngành nghề nông thôn

là trên 2,3 triệu lao động, tăng 300 nghìn lao động so với năm 2017 (tăng 15%). Tại nhiều địa phương đã hình thành hệ thống các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác đầu tư liên kết với các hộ gia đình, làng nghề trong cung ứng nguyên liệu, sản xuất, tiêu thụ sản phẩm làm tăng nhanh sản lượng, chất lượng và hiệu quả sản xuất, góp phần tăng thu nhập cho người lao động và lợi nhuận cho doanh nghiệp. Tổng doanh thu từ các hoạt động ngành nghề nông thôn hiện đạt 236,2 nghìn tỷ đồng, tăng 40 nghìn tỷ đồng (20,5%) so với năm 2017; trong đó các nhóm ngành nghề sản xuất đồ gốm sứ, mây tre đan, thủy tinh, dệt may, sợi, thêu ren, đan lát, cơ khí nhỏ, điêu khắc có giá trị cao nhất. Về giá trị xuất khẩu, ngành nghề nông thôn



có mức độ tăng trưởng bình quân khoảng 10%/năm, đóng góp không nhỏ vào tăng kim ngạch xuất khẩu của đất nước. Hiện, hàng thủ công mỹ nghệ của Việt Nam đã có mặt tại 163 quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó thị trường xuất khẩu chính là Mỹ, Nhật Bản và Châu Âu.

Từ năm 2018 đến nay, đã có 337 nhãn hiệu tập thể, 165 nhãn hiệu chứng nhận và 15 chỉ dẫn địa lý cấp cho các sản phẩm ngành nghề, làng nghề nông thôn. Đồng thời, triển khai áp dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ vào 51 dự án thuộc Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ, 42 nhiệm vụ hỗ trợ ứng dụng khoa học và công nghệ cho phát triển ngành nghề nông thôn vào các lĩnh vực chế biến nông lâm sản, dược liệu, chế biến muối, sinh vật cảnh... Đặc biệt, trong giai đoạn này, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã triển khai 60 mô hình, dự án thí điểm về phát triển ngành nghề nông thôn và 100 mô hình thuộc Chương trình Khuyến công quốc gia. Các địa phương cũng đã rà soát và công nhận được 25 nghề truyền thống, 94 làng nghề và làng nghề truyền thống, 137 nghề nhân và 140 thợ giỏi.

Mặc dù đã có nhiều khởi sắc nhưng phát triển của ngành nghề nông thôn, làng nghề thời gian qua còn nhiều hạn chế như: Hiệu quả kinh tế, năng suất lao động ở nông thôn hiện còn thấp; đời sống của người dân, nhất ở vùng sâu, vùng xa chưa cao; sự phân bố của khu vực ngành nghề nông thôn, làng nghề không đồng đều giữa các vùng, miền, địa phương; hình thức tổ chức sản xuất trong các làng nghề chủ yếu vẫn là sản xuất tại các hộ gia đình quy mô nhỏ, tập trung ở khu vực dân cư có mặt bằng chật hẹp không có khả năng

mở rộng; cơ sở hạ tầng làng nghề còn yếu.

Thiết bị công nghệ sản xuất lạc hậu và gây ô nhiễm môi trường; thiếu đội ngũ lao động có tay nghề giỏi, kỹ năng nghề cao và sự am hiểu về xu hướng thị trường còn yếu; việc tiếp cận vốn vay của các tổ chức tín dụng còn hạn chế, lãi suất vay còn cao, thời hạn vay ngắn nên không đáp ứng được yêu cầu sản xuất.

Sản phẩm làm ra phần lớn không theo chuỗi giá trị, công ăn việc làm chưa được đảm bảo; nhận thức về tầm quan trọng, vai trò, vị trí của việc phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề truyền thống chưa cao; nhiều địa phương còn lúng túng, chưa cụ thể hóa các nhiệm vụ, chính sách phù hợp với điều kiện của địa phương để thực hiện.

Việc triển khai các chính sách hỗ trợ và thu hút vốn phát triển, di dời các cơ sở sản xuất, làng nghề gây ô nhiễm môi trường vào các cụm công nghiệp tập trung còn chậm; công tác đào tạo nghề, truyền nghề, xây dựng thương hiệu làng nghề chưa được quan tâm đúng mức.

Phát triển ngành nghề nông thôn thời gian tới

Để phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề thời gian tới cần phát triển theo chuỗi giá trị và đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư, trong đó tập trung vào các giải pháp như:

Một là, đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chủ trương của Đảng và Nhà nước, ý nghĩa, tầm quan trọng và nhiệm vụ của các Bộ, ngành, địa phương về phát triển ngành nghề nông thôn, bảo tồn và phát triển làng nghề, nghề và làng nghề truyền thống.

Hai là, tiếp tục xây dựng kế hoạch, đề án, dự án phát triển

ngành nghề nông thôn, bảo tồn phát triển các nghề, làng nghề truyền thống, tổ chức công nhận nghề làng nghề, công nhận và tôn vinh nghề nhân, thợ giỏi.

Ba là, tiếp tục thực hiện các chính sách ưu đãi về vốn, tín dụng cho các cơ sở ngành nghề nông thôn, hướng đến các nguồn vốn trung và dài hạn để đầu tư đổi mới công nghệ, nghiên cứu tạo ra sản phẩm mới, đồng thời đơn giản hóa thủ tục vay vốn để tăng cường khả năng tiếp cận của các cơ sở đến nguồn vốn ưu đãi.

Bốn là, đẩy mạnh ứng dụng và phát triển khoa học công nghệ trong hoạt động sản xuất của ngành nghề nông thôn, ưu tiên cho các lĩnh vực bảo quản, chế biến nông sản, hàng thủ công mỹ nghệ, đồng thời chú trọng đến xử lý chất thải, giảm thiểu ô nhiễm môi trường tại các làng nghề. Bên cạnh đó, cần khuyến khích và tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân tại làng nghề tham gia nghiên cứu khoa học.

Năm là, đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại các sản phẩm ngành nghề nông thôn, làng nghề theo Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia, Chương trình xúc tiến thương mại - du lịch của các địa phương và Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP); phát triển du lịch làng nghề...

Sáu là, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ về ngành nghề nông thôn, thu hút các nghệ nhân tham gia các hoạt động đào tạo, truyền nghề cho thế hệ kế cận, bảo tồn làng nghề truyền thống; nâng cao vai trò của các hiệp hội, ngành hàng nông thôn; xây dựng một số trung tâm bảo tồn và phát triển sản phẩm ngành nghề nông thôn ở những nơi có lợi thế để có thể tập hợp nguồn lực, nghiên cứu, sáng tạo sản phẩm mới./.



TIN ĐỊA PHƯƠNG

Kon Tum

2 tháng tổng mức bán lẻ hàng hoá, doanh thu dịch vụ trên địa bàn tăng

Tổng mức bán lẻ hàng hoá, doanh thu dịch vụ trên địa bàn tỉnh Kon Tum hai tháng đầu năm 2021 đạt 4.070,840 tỷ đồng, tăng 17,86% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, ngành thương nghiệp đạt 3.484,889 tỷ đồng, chiếm 85,64% trong tổng mức và tăng 19,04%; ngành lưu trú, ăn uống và du lịch đạt 356,555 tỷ đồng, chiếm 8,76% trong tổng mức và tăng 13,53%; ngành dịch vụ đạt 229,397 tỷ đồng, chiếm 5,64% trong tổng mức và tăng 7,9% so với cùng kỳ năm trước./

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Kon Tum

Hà Giang:

Đảm bảo huy động vốn

Cục Thống kê tỉnh Hà Giang cho biết, trong tháng Hai, các tổ chức tín dụng tiếp tục đẩy mạnh công tác chăm sóc khách hàng, nhất là khách hàng có quan hệ truyền thống để duy trì ổn định mức huy động. Bên cạnh đó, tăng cường công tác huy động vốn thông qua việc đưa ra các sản phẩm huy động đa dạng đối với khách hàng, tiếp tục triển khai các chương trình Chứng chỉ tiền gửi tiết kiệm dự thưởng đa dạng, qua đó đã góp phần tăng trưởng nguồn vốn huy động tại địa phương. Tính đến ngày 28/02/2021, tổng nguồn vốn huy động của các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh Hà Giang đã đạt 25.388 tỷ đồng, trong đó huy động tại địa phương ước đạt 13.933 triệu đồng, tăng 0,8% so với tháng trước bằng 112 tỷ đồng, tăng 3,2% so với thời điểm 31/12/2020 bằng 432 tỷ đồng. Tổng dư nợ đến 28/02/2021 ước đạt 23.914 tỷ đồng, tăng 0,5% so với tháng trước bằng 119 tỷ đồng, so với thời điểm

31/12/2020 tăng 0,6% bằng 149 tỷ đồng. Trong tháng, các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh tiếp tục ưu tiên đáp ứng nhu cầu vay cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, cho vay phát triển nông nghiệp nông thôn./

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Hà Giang

Thái Bình

Kim ngạch xuất nhập khẩu 2 tháng tăng so với cùng kỳ

Theo Cục Thống kê tỉnh Thái Bình, hai tháng đầu năm 2021, kim ngạch xuất khẩu đạt 249 triệu USD, tăng 111,9% so với cùng kỳ. Phân theo loại hình kinh tế: Kinh tế tư nhân đạt 130 triệu USD, tăng 4,1%; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 119 triệu USD, tăng 21,8% so với cùng kỳ (chủ yếu do lượng thép, phôi thép của Công ty Sengly và dây dẫn điện, phương tiện vận tải, phụ tùng của 3 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng cao). Các mặt hàng có giá trị xuất khẩu tăng so với cùng kỳ năm trước như: Sản phẩm mây, tre, cói và thảm tăng 6 lần; sản phẩm gỗ tăng 4 lần; hàng thủy sản tăng 42%; giấy và các sản phẩm từ giấy tăng 15,8%... Bên cạnh đó, một số mặt hàng giảm so với cùng kỳ như: Sản phẩm điện tử và linh kiện giảm 85,8%; xăng dầu các loại giảm 58,1%; xơ, sợi dệt các loại giảm 48,7%; sản phẩm gốm sứ giảm 42%...

Về nhập khẩu, hai tháng đầu năm 2021, trị giá nhập khẩu đạt 245 triệu USD, tăng 18,5% so với cùng kỳ. Phân theo loại hình kinh tế: Kinh tế tư nhân đạt 129 triệu USD, tăng 7,9%; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 116 triệu USD, tăng 33% so với cùng kỳ. Các mặt hàng có giá trị nhập khẩu tăng so với cùng kỳ năm trước như: Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày tăng 84,2%; hàng hóa khác tăng 88,4%; máy vi tính, sản phẩm điện tử tăng 31,1%; vải các loại tăng 19,6%...



Bên cạnh đó, một số mặt hàng giảm so với cùng kỳ như: Máy móc, thiết bị, phụ tùng khác giảm 72%; hàng thủy sản giảm 58,2%; bông các loại giảm 50,4%; xơ, sợi dệt các loại giảm 47%...

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Thái Bình

Hà Tĩnh

Hoạt động vận tải hành khách và hàng hóa đạt mức tăng khá

Tính chung hai tháng đầu năm 2021, doanh thu vận tải tăng 10,84% so với cùng kỳ năm 2020, trong đó: Vận tải hành khách doanh thu tăng 6,72%; sản lượng vận chuyển tăng 5,85% và luân chuyển tăng 4,92%; vận tải hàng hóa doanh thu tăng 3,42%; khối lượng vận chuyển tăng 1,39% và luân chuyển tăng 3,2%. Doanh thu kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải tăng 53,92% so với cùng kỳ năm trước.

Theo Cục Thống kê tỉnh Hà Tĩnh, nhìn chung, hoạt động vận tải hành khách và hàng hóa trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh những tháng đầu năm 2021 đáp ứng được nhu cầu của người dân và có mức tăng khá so với cùng kỳ năm 2020. Tuy nhiên, trước tình hình diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19, hoạt động vận tải thời gian tới sẽ còn nhiều khó khăn thách thức.

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Hà Tĩnh

TP. Đà Nẵng

Chỉ số giá tiêu dùng bình quân trong hai tháng đầu năm tăng

Theo Cục Thống kê TP. Đà Nẵng, chỉ số giá tiêu dùng bình quân trong hai tháng năm 2021 tăng 0,62% so với cùng kỳ năm trước, mức tăng chung thấp hơn nhiều so với mức tăng của cùng kỳ năm 2020 (+6,03%). Nhóm hàng tăng cao hơn so với mức tăng chung như: Hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 3,64%; hàng hóa và dịch vụ khác tăng 3,51%; giáo dục tăng 2,19%; thiết bị

và đồ dùng gia đình tăng 1,29%; may mặc, mũ nón và giày dép tăng 1,31%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,44%; đồ uống và thuốc lá tăng 0,41%. Những nhóm hàng có chỉ số giá bình quân trong hai tháng giảm thấp hơn mức tăng chung gồm: Giao thông giảm 6,58%; văn hóa giải trí và du lịch giảm 4,55%; nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng giảm 0,58%; bưu chính viễn thông giảm 0,38% so cùng kỳ năm trước./

Nguồn: Cục Thống kê TP. Đà Nẵng

Tiền Giang

Chủ động ứng phó tình hình hạn, mặn đảm bảo cho sản xuất lúa Đông Xuân 2020-2021

Trước diễn biến xâm nhập mặn phức tạp, ngay từ những tháng cuối năm 2020, UBND tỉnh Tiền Giang đã triển khai công tác ứng phó; chỉ đạo các sở, ngành và địa phương theo dõi tình hình hạn, mặn, quan trắc và vận hành các công trình, tổ chức lấy gạn nước ngọt qua cống Xuân Hòa vào trữ nước trên các kênh trục chính trong vùng ngọt hóa Gò Công để đảm bảo đủ nguồn nước phục vụ cho sản xuất lúa Đông Xuân 2020-2021. Tính đến tháng 2/2021, vụ Đông Xuân 2020-2021 đã chính thức xuống giống 51.647 ha, đạt 100% kế hoạch gieo trồng của vụ, giảm 10,3% so cùng kỳ do chuyển từ diện tích trồng lúa sang trồng cây ăn quả cho giá trị kinh tế cao hơn như: Sầu riêng, mít, thanh long,... Mặc khác, do hạn, mặn kéo dài ở khu vực phía Đông chưa xả sồ kịp độ mặn nên một số diện tích không gieo trồng được.

Ngoài ra, vụ 3 tại vùng Dự án Thủy lợi ngọt hóa Gò Công: Diện tích xuống giống 1.467,85 ha. Trà lúa đang giai đoạn đẻ nhánh: 1.195,65 ha, làm đòng: 272,2 ha. Theo Cục Thống kê tỉnh Tiền Giang, nếu diễn biến mặn như hiện nay hoặc tốt hơn thì lúa không bị ảnh hưởng, nhưng nếu mặn phải đóng cống Xuân Hòa thì diện tích lúa đang đẻ nhánh có khả năng bị ảnh hưởng./

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Tiền Giang

PHƯƠNG PHÁP BIÊN SOẠN CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VIỆT NAM

TS. Nguyễn Huy Lương

Chủ tịch Hội Thống kê tỉnh Phú Thọ

Để hằng năm đo lường, đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu phấn đấu đến năm 2045 nước ta trở thành nước phát triển, thu nhập cao do Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã đề ra, bài viết này giới thiệu một số nội dung chính kết quả nghiên cứu xây dựng phương pháp biên soạn chỉ số đánh giá trình độ phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam và kết quả áp dụng biên soạn cho phạm vi toàn quốc và 6 vùng của nước ta trên cơ sở nguồn dữ liệu năm 2010 và sơ bộ năm 2019 của Tổng cục Thống kê (TCTK) và của Văn phòng Điều phối chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới Trung ương (VPNTMTƯ).

I. Một số nội dung chính phương pháp biên soạn chỉ số đánh giá trình độ phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam

Chỉ số đánh giá trình độ phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam là một chỉ số tổng hợp được xác định trên cơ sở kết quả của 10 tiêu chí thành phần: Về kinh tế gồm 4 tiêu chí: (1) Thu nhập của hộ bình quân đầu người, (2) Tỷ lệ đô thị hóa (ĐTH), (3) Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới (NTM); (4) Tỷ lệ lao động đang làm việc trong các ngành phi nông lâm thủy sản (LĐPNN); Về xã hội gồm 4 tiêu chí: (5) Tỷ lệ lao động đang làm việc được đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (LĐĐĐT), (6) Tuổi thọ trung bình của dân số (TTTB), (7) Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều (TLHN), (8) Hệ số bất bình đẳng trong phân phối thu nhập (GINI); Về môi trường gồm 2 tiêu chí: (9) Tỷ lệ diện tích rừng hiện có so với tổng diện tích đất lâm nghiệp (TLRHC); (10) Tỷ lệ hộ dân cư được sử dụng nước sinh hoạt sạch và hợp vệ sinh (NHVS).

Để biên soạn chỉ số đánh giá trình độ phát triển kinh tế - xã hội năm n nào đó (Ký hiệu là: S_n) cho phạm vi cả nước/tỉnh/vùng phải tiến hành các công việc chính sau đây:

1. Xác định mức giá trị cần đạt (chuẩn) của các tiêu chí thành phần để Việt Nam trở thành nước phát triển, thu nhập cao

Ký hiệu: C_{oi}^n là kết quả đạt được của tiêu chí thứ i năm n ; $i = 1, 2, 3, \dots, 10$ là thứ tự các tiêu chí thành phần, n là năm cần đánh giá ($n = 00$ tương ứng năm 2000, $n = 01$ tương ứng năm 2001, ..., $n = 19$ tương ứng năm 2019, ...).

a) Để xác định được S_n trước hết phải xác định chuẩn Thu nhập của hộ bình quân đầu người của cả nước năm nghiên cứu (C_{o1}^n) được tính theo công thức (1) dưới đây:

$$C_{o1}^n = W^n \times H^n \times K^n \quad (1)$$

Trong đó:

C_{o1}^n : Chuẩn của tiêu chí 1 (Thu nhập của hộ theo giá hiện hành năm n bình quân đầu người) để Việt Nam trở thành nước phát triển, thu nhập cao;

W^n : Ngưỡng Thu nhập quốc gia (GNI) bình quân đầu người của nước phát triển, thu nhập cao năm n do Ngân hàng Thế giới công bố hằng năm;

H^n : Tỷ giá hối đoái giữa VNĐ với USD năm n do TCTK công bố hằng năm.

K^n : Tỷ lệ Thu nhập của hộ bình quân đầu người so với GNI bình quân đầu người (theo giá hiện hành) của Việt Nam năm n được tính toán, xác định trên cơ sở nguồn số liệu do TCTK công bố.

b) *Mức chuẩn của 9 tiêu chí còn lại*: Tham khảo thực tế các nước phát triển, vận dụng cho Việt Nam, mức giá trị chuẩn cần đạt để nước ta trở thành nước phát triển, thu nhập cao của 9 tiêu chí còn lại được đề xuất như sau: 2) Tỷ lệ đô thị hóa đạt 80%, 3) Tỷ lệ nông thôn mới đạt 100%, 4) Tỷ lệ lao động phi nông lâm thủy sản đạt 90%, 5) Tỷ lệ lao động đã được đào tạo đạt 50,0%, 6) Tuổi thọ trung bình đạt 80 tuổi, 7) Không còn hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều của Chính phủ), 8) Hệ số GINI đạt 0,3000, 9) Tỷ lệ rừng hiện có so với diện tích đất lâm nghiệp đạt 100% (đối với tỉnh không có đất lâm nghiệp qui ước đã đạt), 10) Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sinh hoạt sạch và hợp vệ sinh đạt 100,0%.

Do việc tính toán, xác định các mức chuẩn của từng tiêu chí áp dụng riêng cho từng tỉnh/vùng đòi hỏi phải hoàn thành khối lượng công việc rất lớn và phức tạp, để đơn giản và vẫn đánh giá, xếp hạng được trình độ phát triển KTXH, qui ước các tỉnh/vùng thống nhất áp dụng các mức chuẩn của cả nước để biên soạn chỉ số Sn của từng tỉnh/vùng.

2. Thu thập thông tin, xác định kết quả đạt được của từng tiêu chí thành phần đến năm cần đánh giá

Căn cứ nguồn thông tin của TCTK và của VPNTMTU, tiến hành xử lý, tổng hợp kết quả đạt được của 10 tiêu chí thành phần của cả nước/vùng/tỉnh đến năm đánh giá.

3. Xác định các trọng số của năm đánh giá

Vận dụng phương pháp phân tích mức độ quan trọng của từng tiêu chí để xác định trọng số của từng năm theo nguyên tắc: Tiêu chí đến năm đánh giá có kết quả đạt càng thấp so với chuẩn cần đạt là tiêu chí càng quan trọng. Theo đó, trọng số của từng tiêu chí được xác định như sau: Tiêu chí quan trọng nhất gán 10 điểm, ..., tiêu chí ít quan trọng nhất gán 1 điểm. Sau đó tính trọng số tương ứng với từng tiêu chí thành phần theo công thức (2) sau:

$$T_i^n = \frac{Đ_i^n}{\sum Đ_i^n} \quad i = 1, 2, \dots, 10. \quad (2)$$

Trong đó: - T_i^n : Là trọng số tương ứng tiêu chí thứ i của năm n;
- $Đ_i^n$: Là điểm số tương ứng mức độ quan trọng của tiêu chí thứ i năm n.

4. Cho điểm tương ứng với kết quả đạt được của từng tiêu chí thành phần

a) Quy định thang điểm

- Điểm tối đa của từng tiêu chí thành phần đều là 100 điểm.

- Điểm tối đa của Sn là 100 điểm (năm đạt chuẩn: $S_n = S'_n$).

b) Công thức tính điểm tương ứng kết quả đạt được của từng tiêu chí thành phần:

Ký hiệu: D_{in} ($i = 1, 2, 3, \dots, 10$): là số điểm đạt được đến năm n của tiêu chí thứ i;

C_{in} : là kết quả đạt được của tiêu chí thứ i đến năm n;

Coin: là giá trị chuẩn của tiêu chí thứ i năm n.

Khi đó:

- Đối với 8 tiêu chí (1, 2, 3, 4, 5, 6, 9 và 10) có kết quả tỉ lệ thuận với số điểm, được tính toán theo tỷ lệ phần trăm (%): Việc tính điểm của từng tiêu chí tại năm cần đánh giá căn cứ vào kết quả đạt được thực tế của tiêu chí tại năm đó so với giá trị cần đạt (chuẩn) của tiêu chí. Điểm của các tiêu chí này được tính theo công thức (3) sau:

$$D_i^n = \frac{C_i^n \times 100}{C_{oi}^n} \quad (3)$$

Trong đó: $i = 1, 2, 3, 4, 5, 6, 9, 10$.

- Đối với tiêu chí 7 (Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều) là tiêu chí có kết quả tỉ lệ nghịch với số điểm, nghĩa là giá trị của tiêu chí đạt càng cao thì số điểm tương ứng càng thấp. Số điểm D_7^n được tính theo công thức (4) sau:

$$D_7^n = 100 - \frac{C_7^n \times 100}{100 - C_{o7}^n} \quad (4)$$

- Đối với tiêu chí 8 (GINI), số điểm tương ứng với kết quả được tính như sau:

+ Trường hợp: $C_8^n < C_{o8}^n$:

$$D_8^n = 100 + \frac{(C_8^n - C_{o8}^n) \times 100}{1 - C_{o8}^n} \quad (5)$$

+ Trường hợp $C_8^n > C_{o8}^n$:

$$D_8^n = 100 + \frac{(C_{o8}^n - C_8^n) \times 100}{1 - C_{o8}^n} \quad (6)$$

5. Xác định các chỉ số thành phần S_{in} và chỉ số S_n :

S^n của toàn quốc/tỉnh/vùng đều được tính theo công thức (7) sau:

$$S^n = \sum S_i^n = \sum D_i^n T_i^n \quad i = 1, 2, \dots, 10. \quad (7)$$

Trong đó: - S_i^n : Là chỉ số thành phần thứ i năm n ;

- D_i^n : Là điểm số tương ứng kết quả đến năm n của tiêu chí thứ i ;

- T_i^n : Là trọng số năm n của tiêu chí thứ i .

6. Xếp hạng các tỉnh, hoặc xếp hạng các vùng

Căn cứ chỉ số S_n của từng tỉnh/vùng, kết hợp với các chỉ số thành phần S_{in} hoặc chỉ số theo ba lĩnh vực (Kinh tế - S_{KT}^n , Xã hội - S_{XH}^n , Môi trường - S_{MT}^n) để xếp hạng trình độ phát triển kinh tế - xã hội của từng tỉnh/vùng theo thứ tự trình độ giảm dần, hoặc trình độ tăng dần tùy theo yêu cầu đánh giá, nghiên cứu. Trong đó chỉ số từng lĩnh vực bằng tổng các chỉ số thành phần của từng lĩnh vực cộng lại.

II. Áp dụng biên soạn chỉ số S_n của Việt Nam và của 6 vùng năm 2010 và 2019

2.1. Áp dụng biên soạn chỉ số đánh giá trình độ phát triển của cả nước và của 6 vùng năm 2019

a) Xác định chuẩn của các tiêu chí thành phần năm 2019

- Xác định chuẩn thu nhập của hộ bình quân đầu người năm 2019 (C_{o1}^{19}):

Theo chuẩn phân loại các nước của Ngân hàng Thế giới, ngưỡng (GNI bình quân đầu người) của nước thu nhập cao áp dụng cho năm 2019 là: $W^{19} = 12.536$ USD.

Theo Tổng cục Thống kê, tỷ giá hối đoái năm 2019 giữa VNĐ với USD là:

$$H^{19} = 23.300 \text{ VNĐ/1 USD}$$

Căn cứ số liệu GNI, Dân số trung bình, Thu nhập của hộ bình quân đầu người năm 2018 và năm 2019 do TCTK công bố, tính được tỷ lệ thu nhập của hộ bình quân đầu người so với GNI bình quân đầu người của cả nước như sau:

Bảng 1. GNI bình quân đầu người và Thu nhập của hộ bình quân đầu người của Việt Nam theo giá hiện hành các năm 2018 - 2019

Năm	GNI (nghìn tỷ VNĐ)	Dân số TB (1000 ng)	GNI BQ đầu người		Thu nhập của hộ BQ đầu người		TNCHBQ so GNI BQ (K^n) (%)
			1000 VNĐ	Qui USD	1000 VNĐ	Qui USD	
2018	6.654,6	95.385,2	69.765	3.086	46.488	2.056	66,63
SB 2019	7.303,9	96.484,0	75.701	3.285	51.540	2.236	68,08

Nguồn: Niên giám thống kê 2018, 2019 của TCTK và kết quả tính toán của tác giả.

Ghi chú: GNI là tính theo quy mô GDP giá hiện hành đã được TCTK đánh giá lại các năm 2010-2019.

Theo Bảng 1: $K^{19} = 0,6808$.

Thay các tham số trên vào công thức (1) xác định được mức chuẩn (ngưỡng) thu nhập của hộ bình quân đầu người theo dữ liệu năm 2019 để Việt Nam trở thành nước phát triển, thu nhập cao như sau:

$$\begin{aligned} C_{o1}^{19} &= W^{19} \times H^{19} \times K^{19} \\ &= 12.536 \text{ USD} \times 23.300 \text{ VNĐ/USD} \times 0,6808 \\ &= 198,8 \text{ triệu VNĐ} \sim 8.535 \text{ USD.} \end{aligned}$$

Như vậy: Chuẩn Thu nhập của hộ bình quân đầu người năm 2019 để Việt Nam trở thành nước phát triển, thu nhập cao là 198,8 triệu VNĐ, tương đương khoảng 8.535 USD.

- Mức chuẩn của 9 tiêu chí còn lại để Việt Nam trở thành nước phát triển, thu nhập cao như đã nêu tại điểm b, mục 1 phần I trên đây.

b) Thu thập, xử lý thông tin xác định kết quả đạt được của các tiêu chí thành phần của cả nước, từng vùng đến năm 2019

Từ cơ sở dữ liệu năm 2019 của TCTK và của VPNTMTƯ, xử lý, tổng hợp được các số liệu phản ánh kết quả đạt được của từng tiêu chí thành phần đến năm 2019 của cả nước và từng vùng như sau:

Bảng 2. Kết quả thực hiện các tiêu chí thành phần của cả nước và 6 vùng năm 2019

	TN của hộ BQ (Trđ)	TL đô thị hóa (%)	TL xã NTM (%)	TLLĐ phi NN (%)	TL LĐ ĐĐT (%)	Tuổi thọ TB (năm)	TL hộ nghèo (%)	Hệ số GINI	TL rừng hiện có (%)	TL hộ SDN HVS (%)
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1. Chuẩn	198,8	80,00	100,0	90,00	50,00	80,0	0,00	0,3000	100,0	100,0
2. Sơ bộ kết quả 2019										
2.1. Cả nước	51,5	34,4	59,81	64,7	23,1	73,6	5,7	0,4230	97,78	96,30
2.2. 6 vùng										
Đồng bằng sông Hồng	62,3	35,1	94,13	76,4	31,7	74,8	1,6	0,3870	98,48	99,80
Trung du và miền núi phía Bắc	31,7	18,2	33,38	39,8	19,0	71,1	16,4	0,4380	97,53	87,80
Bắc Trung Bộ và DHMT	40,0	28,3	60,95	59,1	22,6	73,0	7,4	0,3890	96,61	95,20
Tây Nguyên	37,1	28,7	5,04	32,8	16,2	70,3	12,4	0,4430	103,13	94,40
Đông Nam Bộ	75,4	62,8	78,77	89,6	27,5	75,7	0,5	0,3750	95,66	98,80
Đồng bằng sông Cửu Long	46,6	25,1	54,86	62,0	13,7	75,0	4,8	0,3950	100,00	96,00

Nguồn: TCTK, VPNTMTƯ và kết quả tính toán của tác giả

c) Xác định các trọng số của năm 2019

Từ phân tích các số liệu của Bảng 2, áp dụng mục 3 phần I trên đây, xác định được các trọng số của năm 2019 như sau:

Bảng 3. Các trọng số của năm 2019

Tiêu chí	Chuẩn	KQ 2019 (C_i^{19})	TL đạt (%)	Điểm (D_i^{19})	Trọng số (T_i^{19})
A	1	2	3=2/1	4	5
1. TN của hộ b/q (triệu đồng/người)	198,8	51,5	25,91	10	0,1818
2. Tỷ lệ (TL) đô thị hóa (%)	80	34,4	43,00	9	0,1636
3. TL xã đạt chuẩn NTM (%)	100	59,8	59,81	7	0,1273
4. TLLao động phi nông nghiệp (%)	90	64,7	71,89	6	0,1091
5. TL lao động được đào tạo (%)	80	23,1	46,20	8	0,1455
6. Tuổi thọ trung bình (tuổi)	50	73,6	92,00	5	0,0909
7. TL hộ nghèo (%)	0	5,7	94,30	4	0,0727
8. Hệ số GINI	0,3	0,4	98,24	1	0,0182
9. TL rừng hiện có (%)	100	97,8	97,78	2	0,0364
10. TL hộ s/d nước HVS (%)	100	96,3	96,30	3	0,0545
Cộng	x	x	x	55	1,0000

Nguồn: TCTK, VPNTMTƯ và tính toán của tác giả

d) Cho điểm tương ứng kết quả đạt được đến năm 2019 của từng tiêu chí

Từ kết quả đạt được của từng tiêu chí tại Bảng 2, áp dụng các công thức nêu tại mục 4 phần I trên đây, xác định được số điểm tương ứng kết quả đạt được đến năm 2019 của từng tiêu chí như sau:

Bảng 4. Số điểm tương ứng kết quả từng tiêu chí của cả nước và 6 vùng năm 2019
Đơn vị tính: Điểm

	TN của hộ BQ	TL đô thị hóa	TL xã NTM	TLLĐ phi NN	TL LĐ ĐĐT	Tuổi thọ TB	TL hộ nghèo	Hệ số GINI	TL rừng hiện có	TL hộ SDN HVS
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
CẢ NƯỚC	39,62	43,00	59,81	71,89	46,20	92,00	94,30	98,24	97,78	96,30
Sáu vùng										
Đồng bằng sông Hồng	47,88	43,88	94,13	84,89	63,40	93,50	98,40	98,76	98,48	99,80
Trung du và MN phía Bắc	24,35	22,75	33,38	44,22	38,00	88,88	83,60	98,03	97,53	87,80
Bắc Trung Bộ và DHMT	30,72	35,38	60,95	65,67	45,20	91,25	92,60	98,73	96,61	95,20
Tây Nguyên	28,55	35,88	45,04	36,44	32,40	87,88	87,60	97,96	100,00	94,40
Đông Nam Bộ	57,92	78,50	78,77	99,56	55,00	94,63	99,50	98,93	95,66	98,80
Đồng bằng sông Cửu Long	35,84	31,38	54,86	68,89	27,40	93,75	95,20	98,64	100,00	96,00

Nguồn: Kết quả tính toán của tác giả

đ) *Xác định các chỉ số thành phần (S_i^{19}) và chỉ số S^{19}*

Từ số liệu Bảng 4 và các trọng số tại Bảng 3, tính được các chỉ số thành phần S_i^{19} và chỉ số S^{19} của cả nước và của từng vùng như sau:

Bảng 5. Chỉ số S^{19} và các chỉ số thành phần S_i^{19} của cả nước và 6 vùng
Đơn vị tính: Điểm

	S^{19}	TN của hộ BQ (S_1^{19})	TL đô thị hóa (S_2^{19})	TL xã NTM (S_3^{19})	TLLĐ phi NN (S_4^{19})	TL LĐ ĐĐT (S_5^{19})	Tuổi thọ TB (S_6^{19})	TL hộ nghèo (S_7^{19})	Hệ số GINI (S_8^{19})	TL rừng hiện có (S_9^{19})	TL hộ SDNHVS (S_{10}^{19})
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Điểm chuẩn 2019	100,00	18,18	16,36	12,73	10,91	14,55	9,09	7,27	1,82	3,64	5,45
CẢ NƯỚC	59,74	4,71	7,04	7,61	7,84	6,72	8,36	6,86	1,79	3,56	5,25
1. Đông Nam Bộ	75,13	6,89	12,85	10,02	10,86	8,00	8,60	7,24	1,80	3,48	5,39
2. Đồng bằng sông Hồng	69,82	5,70	7,18	11,98	9,26	9,22	8,50	7,16	1,80	3,58	5,44
3. Bắc Trung Bộ và DHMT	56,47	3,66	5,79	7,76	7,16	6,57	8,30	6,73	1,80	3,51	5,19
4. Đồng bằng sông CL	53,99	4,26	5,13	6,98	7,52	3,99	8,52	6,92	1,79	3,64	5,24
5. Tây Nguyên	48,61	3,40	5,87	5,73	3,98	4,71	7,99	6,37	1,78	3,64	5,15
6. Trung du và MNPB	45,50	2,90	3,72	4,25	4,82	5,53	8,08	6,08	1,78	3,55	4,79

Nguồn: Kết quả tính toán của tác giả
Bảng 6. Chỉ số S^{19} và chỉ số theo lĩnh vực năm 2019 của cả nước và 6 vùng
Đơn vị tính: Điểm

	S		S_{KT}^{19}		S_{XH}^{19}		S_{MT}^{19}	
	Điểm	Thứ bậc	Điểm	Thứ bậc	Điểm	Thứ bậc	Điểm	Thứ bậc
Điểm chuẩn 2019	100,00		58,18		32,73		9,09	
SƠ BỘ CỦA CẢ NƯỚC	59,74		27,20		23,73		8,81	
1. Đông Nam Bộ	75,13	1	40,62	1	25,64	2	8,87	3
2. Đồng bằng sông Hồng	69,82	2	34,12	2	26,67	1	9,02	1
3. Bắc Trung Bộ và DHMT	56,47	3	24,37	3	23,40	3	8,71	5
4. Đồng bằng sông CL	53,99	4	23,90	4	21,23	5	8,87	2
5. Tây Nguyên	48,61	5	18,98	5	20,85	6	8,79	4
6. Trung du và MNPB	45,50	6	15,69	6	21,47	4	8,34	6

Nguồn: Kết quả tính toán của tác giả

2.2. Áp dụng biên soạn chỉ số Sn của Việt Nam và của 6 vùng năm 2010

Căn cứ nguồn dữ liệu của TCTK, của VPNTMTƯ, ngưỡng nước thu nhập cao của WB áp dụng cho năm 2010, tính toán, xác định kết quả đạt được của từng tiêu chí của cả nước và của 6 vùng năm 2010 như sau:

Bảng 7. Kết quả đạt được của các tiêu chí thành phần của cả nước, 6 vùng năm 2010

	TN của hộ BQ (Trđ)	TL đô thị hóa (%)	TL xã NTM (%)	TLLĐ phi NN (%)	TL LĐ ĐĐT (%)	Tuổi thọ TB (năm)	TL hộ nghèo (%)	Hệ số GINI	TL rừng hiện có (%)	TL hộ SDNHVS (%)
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1. Chuẩn năm 2010	130,1	80	100	90	50	80	0	0,3	100	100
2. Kết quả năm 2010										
Cả nước	16,6	30,50	0,00	51,78	14,6	72,9	22,5	0,4330	87,13	90,50
Đồng bằng sông Hồng	19,0	30,48	0,00	63,31	20,7	74,3	10,7	0,4080	83,73	98,60
Trung du và miền núi phía Bắc	10,9	16,48	0,00	29,86	13,3	70,0	49,0	0,4060	82,56	80,20
Bắc Trung Bộ và DHMT	12,2	25,08	0,00	43,26	12,7	72,4	29,6	0,3850	86,00	91,00
Tây Nguyên	13,1	28,58	0,00	28,11	10,4	69,3	45,1	0,4080	100,36	82,80
Đông Nam Bộ	27,6	57,31	0,00	80,82	19,5	75,5	3,8	0,4140	79,56	98,10
Đồng bằng sông Cửu Long	15,0	23,63	0,00	47,41	7,9	74,1	20,8	0,3980	86,52	81,60

Nguồn: TCTK, VPNTMTƯ và kết quả tính toán của tác giả.

Thực hiện các công việc hoàn toàn tương tự như biên soạn S19 trình bày tại mục 2.1 trên đây, xác định được chỉ số S10 và các chỉ số thành phần Si10 của cả nước và của 6 vùng như sau:

Bảng 8. Chỉ số S10 và các chỉ số thành phần Si10 của cả nước và 6 vùng

Đơn vị tính: Điểm

	S ¹⁰	TN của hộ BQ (S ₁ ¹⁰)	TL đô thị hóa (S ₂ ¹⁰)	TL xã NTM (S ₃ ¹⁰)	TLLĐ phi NN (S ₄ ¹⁰)	TL LĐ ĐĐT (S ₅ ¹⁰)	Tuổi thọ TB (S ₆ ¹⁰)	TL hộ nghèo (S ₇ ¹⁰)	Hệ số GINI (S ₈ ¹⁰)	TL rừng hiện có (S ₉ ¹⁰)	TL hộ SDN HVS (S ₁₀ ¹⁰)
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1. Điểm chuẩn 2010	100,00	16,36	12,73	18,18	10,91	14,55	5,45	9,09	1,82	7,27	3,64
2. Kết quả											
Cả nước	40,89	2,09	4,85	0,00	6,28	4,25	4,97	7,04	1,78	6,34	3,29
1. Đông Nam Bộ	53,10	3,48	9,12	0,00	9,80	5,67	5,15	8,74	1,79	5,79	3,57
2. Đồng bằng sông Hồng	45,58	2,38	4,85	0,00	7,67	6,02	5,07	8,12	1,79	6,09	3,59
3. Bắc Trung Bộ và DHMT	37,16	1,54	3,99	0,00	5,24	3,69	4,94	6,40	1,80	6,25	3,31
4. Đồng bằng sông CL	36,99	1,88	3,76	0,00	5,75	2,30	5,05	7,20	1,79	6,29	2,97
5. Tây Nguyên	34,41	1,64	4,55	0,00	3,41	3,03	4,73	4,99	1,79	7,27	3,01
6. Trung du và MNPB	31,60	1,37	2,62	0,00	3,62	3,87	4,77	4,64	1,79	6,00	2,92

Nguồn: Kết quả tính toán của tác giả.

Bảng 9. Chỉ số S¹⁰ và chỉ số theo lĩnh vực năm 2010 của cả nước và 6 vùng

	S ¹⁰		S _{KT} ¹⁰		S _{XH} ¹⁰		S _{MT} ¹⁰	
	Điểm	Thứ bậc	Điểm	Thứ bậc	Điểm	Thứ bậc	Điểm	Thứ bậc
1. Điểm chuẩn 2010	100,00		58,18		30,91		10,91	
2. Kết quả								
Cả nước	40,89		13,22		18,04		9,63	
1.Đông Nam Bộ	53,10	1	22,39	1	21,35	1	9,35	4
2.Đồng bằng sông Hồng	45,58	2	14,91	2	20,99	2	9,67	2
3.Bắc Trung Bộ và DHMT	37,16	3	10,77	4	16,83	3	9,56	3
4.Đồng bằng sông CL	36,99	4	11,39	3	16,34	4	9,26	5
5.Tây Nguyên	34,41	5	9,60	5	14,53	6	10,28	1
6.Trung du và MNPB	31,60	6	7,61	6	15,07	5	8,92	6

Nguồn: Kết quả tính toán của tác giả.

Số liệu Bảng 5, Bảng 6, Bảng 8 và Bảng 9 cho thấy đến năm 2010, trình độ phát triển kinh tế - xã hội của nước ta so với chuẩn nước phát triển, có thu nhập cao đạt 40,89/100 điểm (bằng 40,89% điểm chuẩn), đến năm 2019 sơ bộ đạt 59,74/100 điểm (bằng 59,74%), bình quân 9 năm giai đoạn (2010 - 2019) mỗi năm nước ta tăng được 2,09 điểm/năm.

Xét trình độ phát triển theo từng lĩnh vực cho thấy, đến năm 2019 lĩnh vực môi trường đạt trình độ phát triển cao nhất 96,92% (năm 2010 đạt 88,27%); thứ hai là lĩnh vực xã hội đạt 72,50% (năm 2010 đạt 58,36%); và trình độ phát triển thấp nhất là về kinh tế đạt 46,75% (năm 2010 đạt 22,72%). Cụ thể như sau:

Bảng 10. Trình độ phát triển KTXH của cả nước

Đơn vị tính: Điểm

		S ⁿ	S _{KT} ⁿ	S _{XH} ⁿ	S _{MT} ⁿ
2010	Chuẩn nước phát triển, thu nhập cao	100,00	58,18	30,91	10,91
	Thực hiện	40,89	13,22	18,04	9,63
	So với chuẩn (%)	40,89	22,72	58,36	88,27
2019	Chuẩn nước phát triển, thu nhập cao	100,00	58,18	32,73	9,09
	Sơ bộ	59,74	27,20	23,73	8,81
	So với chuẩn (%)	59,74	46,75	72,50	96,92

Nguồn: Kết quả tính toán của tác giả.

Bảng 10 cho thấy, đến năm 2019 trình độ phát triển về kinh tế của nước ta mới đạt 46,75% so với điểm chuẩn, vì vậy giai đoạn 2020-2045, kinh tế sẽ là lĩnh vực nước ta cần phải ưu tiên tập trung đầu tư để có thể tăng tốc nhanh hơn, trong đó cần tập trung đầu tư ứng dụng mạnh mẽ khoa học, công nghệ tiên tiến, hiện đại vào các ngành kinh tế có lợi thế nhằm nâng cao năng suất lao động xã hội, tăng nhanh thu nhập cho người lao động, từ đó tăng mức thu nhập của hộ bình quân (đến năm 2019 mới chỉ đạt 25,91% mức chuẩn cần đạt); đẩy mạnh đô thị hóa (đến năm 2019 mới đạt 43,03%) và Chương trình quốc gia xây dựng nông thôn mới (đến năm 2019 mới đạt 59,78%).

Về xã hội, đến năm 2019 nước ta cũng mới chỉ đạt 72,50% so với điểm chuẩn nước phát triển. Để nâng cao chỉ số phát triển xã hội trong thời gian tới nước ta cần tập trung đầu tư để tăng tỷ lệ lao động đã qua đào tạo đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa các ngành kinh tế trong nước, đồng thời đáp ứng yêu cầu xuất khẩu lao động phù hợp với nhu cầu của các nước trên thế giới.

Về môi trường, đến năm 2019 nước ta đạt 96,92% điểm chuẩn cần đạt. Tuy nhiên để giữ vững và tiếp tục nâng cao chỉ số phát triển môi trường, nước ta cần phải tăng cường đầu tư cho công tác quản lý, bảo vệ môi trường sinh thái nói chung, nhất là cho hoạt động quản lý, trồng và bảo vệ rừng; bảo vệ nguồn nước và cung cấp đủ nước hợp vệ sinh đáp ứng cho nhu cầu cho sinh hoạt của người dân trong cả nước, nhất là cho người dân vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa.

Số liệu các bảng trên đây cũng cho thấy, sự chênh lệch trình độ phát triển kinh tế - xã hội giữa các vùng có xu hướng ngày càng tăng. Chênh lệch trình độ phát triển giữa vùng Đông Nam Bộ và vùng Trung du và miền núi phía Bắc năm 2010 là 21,5 điểm, đến năm 2019 mức chênh lệch là 31,74 điểm (tăng 10,24 điểm). Vì vậy trong giai đoạn tới Đảng, Nhà nước cần tiếp tục quan tâm có chính sách và ưu tiên đầu tư các nguồn lực cho vùng kém phát triển để sớm thu hẹp sự chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế - xã hội giữa các vùng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nguyễn Trọng Hậu (2006), *Phương pháp tổng quát xây dựng các chỉ số tổng hợp*, Thông tin khoa học thống kê, số 4 - 2006, Hà Nội
- Phạm Hoàng (2017), *Đô Thị hóa trên Thế giới: Những cái bẫy cần tránh*. Từ : <http://baochinhphu.vn/Quoc-te/Do-thi-hoa-tren-the-gioi-Nhung-cai-bay-can-tranh/318942.vgp>.
- Tổng cục Thống kê (2020), *Niên giám Thống kê 2019*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
- <http://nongthonmoi.gov.vn/Pages/tong-ket-10-nam-chuong-trinh-muc-tieu-quoc-gia-xay-dung-nong-thon-moi.aspx>.

HỆ THỐNG NGÂN HÀNG VIỆT NAM...

(Tiếp theo trang 12)

Bên cạnh đó, Vietcombank cũng cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ theo Thông tư 01 cho các khách hàng vay vốn bị ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 và đã tích cực tham gia các hoạt động an sinh xã hội hỗ trợ cộng đồng với tổng số tiền gần 350 tỷ đồng, trong đó hơn 40 tỷ đồng ủng hộ công tác phòng chống Covid-19, góp phần đẩy lùi dịch bệnh, ổn định dân sinh.

Bên cạnh đó là sự đồng hành của hàng loạt ngân hàng khác như: VietinBank cắt giảm gần 5.000 tỷ đồng lợi nhuận từ việc giảm lãi suất cho vay, phí, thoái lãi để hỗ trợ doanh nghiệp, người dân bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19 và thực hiện phương án đảm bảo hoạt động liên tục của ngân hàng trong suốt giai đoạn dịch bệnh; Techcombank thực hiện các biện pháp giúp phục hồi nền kinh tế, chia sẻ khó khăn với các khách hàng cá nhân và doanh nghiệp với gói hỗ trợ toàn diện lên tới 41,2 nghìn tỉ đồng, gồm tái cơ cấu, miễn giảm lãi và giãn nợ cho hơn 3.200 khách hàng.

Hứa hẹn bức tranh tươi sáng năm 2021

Năm 2021 là năm đầu tiên thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2021 - 2030) và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2021 - 2025), trong đó có nội dung đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng. Dù còn nhiều thách thức mới ở phía trước, nhưng với thể và lực mới cũng như nền tảng vững chắc, ngành Ngân hàng được dự báo vẫn sẽ tiếp tục có tăng trưởng khả quan. Đặc biệt hứa hẹn nhiều cải tiến về chất lượng dịch vụ, tiện ích tính năng sản phẩm để đáp ứng tốt hơn nhu cầu khách hàng, nhiều đổi mới trong cách thức quản trị để linh hoạt ứng phó với biến động của nền kinh tế trong và ngoài nước.

Trong báo cáo Triển vọng ngành ngân hàng năm 2021 mới đây của Bộ phận phân tích Công ty cổ phần Chứng khoán SSI (SSI Research), các chuyên gia cũng dự báo lợi nhuận ngân hàng sẽ tăng trưởng mạnh trở lại trong năm 2021. Còn các chuyên gia của Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC) cũng đưa ra khuyến nghị khả quan cho nhóm cổ phiếu ngành Ngân hàng trong năm 2021 với quan điểm tăng trưởng lợi nhuận cao nhờ sự phục hồi của nền kinh tế và kiểm soát tốt chất lượng tài sản sau dịch bệnh. Dự báo về năm 2021, VNDIRECT cho rằng lợi nhuận của các ngân hàng sẽ tăng vọt vào năm 2021.

Những dự báo trên hứa hẹn một mức tranh tươi sáng trong năm 2021 cho hệ thống ngân hàng Việt Nam và những kết quả đạt được năm 2020 sẽ là bước đệm để các ngân hàng đạt được mục tiêu tăng trưởng của mình./.

ĐO LƯỜNG SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA DOANH NGHIỆP

Giang Minh Đức

Văn phòng Công nhận Chất lượng - Bộ Khoa học và Công nghệ

Việc phát triển kinh tế nhưng phải đi đôi với bảo vệ môi trường và hài hoà lợi ích của các bên liên quan là vấn đề đang được cả thế giới quan tâm. Trong đó doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng, bởi đây là lực lượng chủ yếu trong phát triển kinh tế, xã hội đồng thời cũng là tác nhân chính gây tác động tới môi trường.

Ô nhiễm môi trường - mặt trái của phát triển “nóng”

Từ khi đổi mới, nền kinh tế Việt Nam đã có những phát triển mạnh mẽ, đưa nước ta từ một nước có thu nhập bình quân đầu người thuộc hàng thấp nhất thế giới trở thành nước có thu nhập trung bình. Tuy nhiên, quá trình phát triển đó được đánh giá chủ yếu dựa trên việc khai thác tài nguyên thiên nhiên, sử dụng công nghệ lạc hậu dễ gây ô nhiễm môi trường, hàm lượng công nghệ thấp, giá trị gia tăng không cao. Trong giai đoạn phát triển vừa qua đã có nhiều sự cố môi trường gây tác động lớn đến hệ sinh thái và gây bức xúc trong xã hội.

Điều đó đòi hỏi đi đôi với phát triển kinh tế nhưng phải bảo vệ được môi trường, bảo vệ các nguồn tài nguyên, phải đảm bảo sự hài hoà lợi ích giữa nhà nước, doanh nghiệp và người dân. Đó chính là sự phát triển bền vững, là mục tiêu và sự quan tâm của các quốc gia hiện nay.

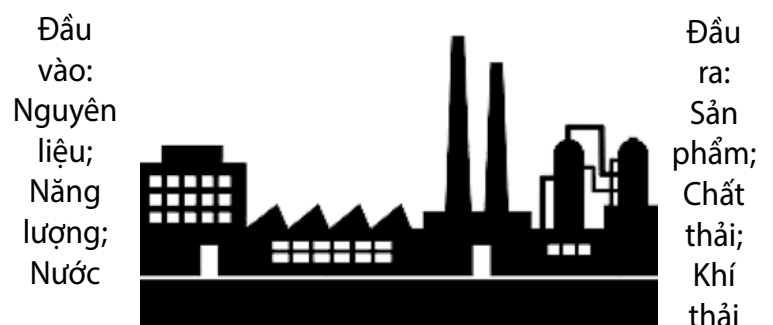
Yếu tố tác động đến sự phát triển bền vững của doanh nghiệp

Khái niệm phát triển bền vững xuất hiện từ những năm 1970 khi thế giới nỗ lực đối phó với các nguy cơ như tốc độ tăng dân số nhanh, sự cạn kiệt các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Tuy nhiên lần đầu tiên khái niệm “Phát triển bền vững” được Hội đồng Thế giới về Môi trường và Phát triển (WCED) của Liên hợp quốc định nghĩa rõ ràng trong báo cáo “Tương lai chung của chúng ta” năm 1987. Theo đó phát triển bền vững là: “Là sự phát triển đáp ứng được những yêu cầu của hiện tại, mà không gây trở ngại cho việc đáp ứng nhu cầu của các thế hệ mai sau”.

Chương trình nghị sự 2030 về phát triển bền vững của Liên hợp Quốc xác định Phát triển bền vững là sự kết hợp chặt chẽ và hài hoà giữa 3 yếu tố cơ bản, đó là: Phát triển kinh tế; An sinh xã hội; Bảo vệ môi trường. Những yếu tố này kết nối với nhau và đều rất quan trọng cho hạnh phúc của mỗi cá nhân và toàn xã hội. Mỗi quốc gia, mỗi địa phương, mỗi doanh nghiệp, mỗi người dân đều cần phải nhận thức tích cực và có những hành động cụ thể hướng tới sự phát triển bền vững. Trong đó vai trò của doanh nghiệp được xem là rất quan trọng.

Mô hình sau đây thể hiện các yếu tố tác động đến sự phát triển bền vững của doanh nghiệp:

Hình 1: Chu trình sản xuất



Nguồn: Krajnc & Glavic (2003)

Để phát triển bền vững, trước tiên doanh nghiệp cần tiết kiệm các nguồn lực đầu vào (nguyên liệu, năng lượng) và hạn chế tối đa các thoát chất thải. Muốn vậy doanh nghiệp cần sản xuất, phân phối, xử lý, tái chế sản phẩm theo hướng giảm thiểu việc tiêu thụ các nguồn lực và hạn chế tối đa tác động tiêu cực đến môi trường. Việc này đòi hỏi ngay từ khi thiết kế, doanh nghiệp phải xem xét tất cả các khâu liên quan đến vòng đời sản phẩm, áp dụng công nghệ sản xuất sạch nhằm hạn chế tối đa những tác động đến môi trường.

Về cơ bản có ba chiến lược cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp (Hart, 1997), đó là:

- Ngăn ngừa ô nhiễm: Doanh nghiệp chuyển từ kiểm soát ô nhiễm sang phòng ngừa ô nhiễm. Theo đó, thay vì xử lý chất thải sau khi chúng được tạo ra, cần tập trung giảm thiểu hoặc loại bỏ chất thải trước khi chúng được tạo ra. Chiến lược này được thực hiện thông qua việc cải tiến liên tục

để giảm chất thải cũng như giảm tiêu thụ năng lượng;

- Quản lý vòng đời sản phẩm: Không chỉ tập trung vào giảm thiểu ô nhiễm không chỉ trong sản xuất mà trong suốt vòng đời sản phẩm;

- Công nghệ sạch: Tập trung vào việc phát triển và sử dụng những công nghệ xanh, công nghệ thân thiện với môi trường.

Đo lường sự phát triển bền vững của doanh nghiệp

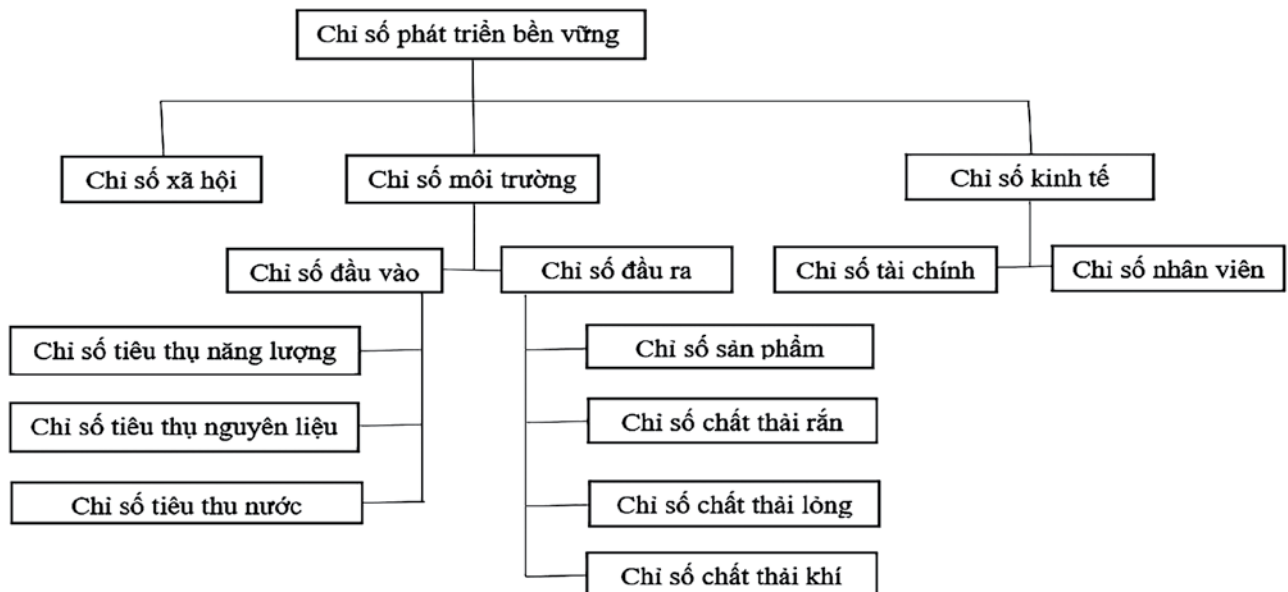
Để thực hiện mục tiêu phát triển nhanh, bền vững, rất cần công cụ định lượng được mức độ phát triển bền vững của doanh nghiệp, đây cũng là mối quan tâm của nhiều tổ chức, doanh nghiệp. Theo đó, đến nay có nhiều bộ tiêu chí về phát triển bền vững của doanh nghiệp đã được xây dựng.

Veleva & Ellenbecker (2001) đề xuất bộ tiêu chí đo lường sự phát triển bền vững của doanh nghiệp gồm 22 tiêu chí theo 6 khía cạnh: Sử dụng năng lượng, nhiên liệu; Mức độ phát thải ra môi trường; Hiệu quả kinh tế; Đóng góp cho phát triển cộng đồng và xã hội;

Quyền lợi của người lao động; Sản phẩm (được thiết kế và sản xuất theo hướng thân thiện với môi trường). Doanh nghiệp tùy theo mức độ phát triển có thể áp dụng các tiêu chí này theo 5 cấp độ: Cấp độ 1 - Thể hiện việc tuân thủ các quy định; Cấp độ 2 - Thể hiện việc áp dụng hiệu quả các chương trình phát triển bền vững; Cấp độ 3 - Thể hiện tác động của các chương trình phát triển bền vững đối với kinh tế, xã hội, môi trường; Cấp độ 4 - Thể hiện tác động của doanh nghiệp đối với sự phát triển bền vững trong cả chuỗi cung ứng và xuyên suốt vòng đời sản phẩm; Cấp độ 5 - Thể hiện vai trò của doanh nghiệp trong sự phát triển bền vững chung của xã hội.

Tương tự như vậy Krajnc & Glavic (2003) đề xuất bộ tiêu chí bao gồm các nhóm tiêu chí liên quan đến kinh tế, xã hội, môi trường phản ánh các khía cạnh như: Tiêu thụ tài nguyên; Sản phẩm; Môi trường; Kinh tế; Chất lượng; Xã hội của doanh nghiệp.

Hình 2: Bộ chỉ số phát triển bền vững của doanh nghiệp



Nguồn: Krajnc & Glavic (2003)

Bên cạnh công trình của những tác giả trên, các tổ chức quốc tế cũng ban hành các bộ tiêu chí đánh giá sự phát triển bền vững cho doanh nghiệp...

Tại Việt Nam năm 2016, VCCI đã xây dựng bộ chỉ số bền vững doanh nghiệp (CSI) với 3 tiêu chí về kinh tế, 9 tiêu chí về môi trường và 11 tiêu chí về xã hội. Theo đó hàng năm, VCCI tiến hành thu thập thông tin, đánh giá và xếp hạng doanh nghiệp bền vững.

Các bộ tiêu chí trên tuy khác nhau về hình thức, và một số nội dung, tuy nhiên có những điểm chung, đó là: Đầu đánh giá hoạt động của doanh nghiệp dựa trên 3 khía cạnh: Kinh tế, xã hội, môi trường; Bên cạnh các chỉ số mang tính định lượng như doanh thu, tiền lương, giờ công lao động, đa số các tiêu chí còn lại là định tính; Doanh nghiệp có thể áp dụng một phần hay toàn bộ những tiêu chí này để đánh giá mức độ phát triển bền vững của mình.

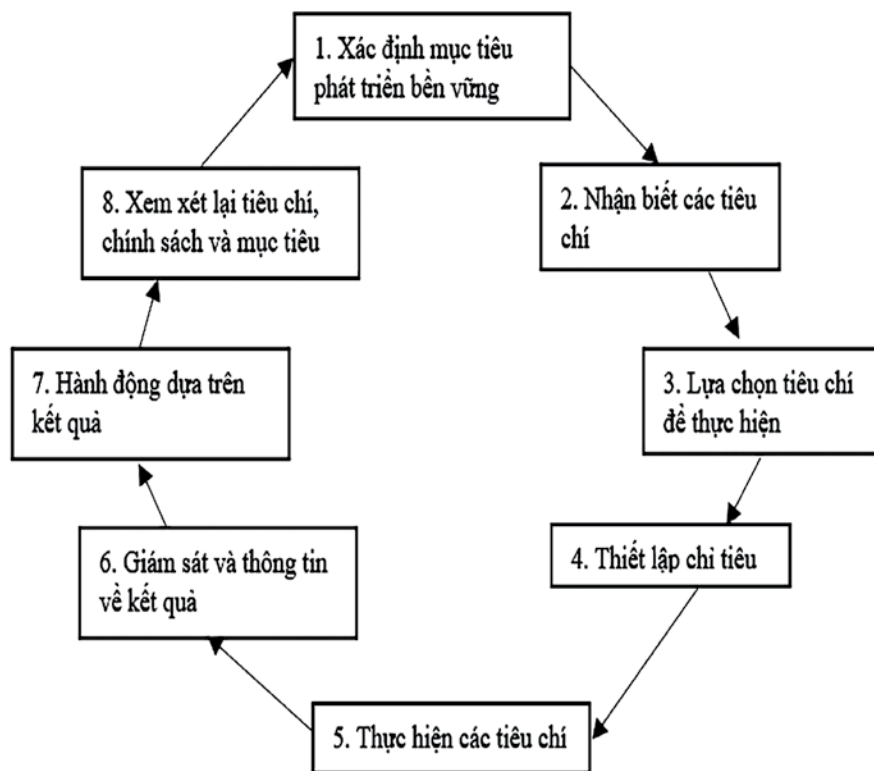
Đề xuất triển khai mô hình phát triển bền vững trong doanh nghiệp

Để triển khai phát triển bền vững, doanh nghiệp trước hết cần xem phát triển bền vững là mục tiêu chiến lược. Trên cơ sở đó xác định các tiêu chí, chỉ tiêu cụ thể cho phát triển bền vững, triển khai thực hiện và đánh giá kết quả. Veleva & Ellenbecker (2001) đề xuất mô hình gồm 8 bước để triển khai phát triển bền vững, bao gồm:

- Xác định mục tiêu, tầm nhìn dài hạn của doanh nghiệp về phát triển bền vững;
- Nhận biết các tiêu chí phát triển bền vững phù hợp với thực tế và mục tiêu của doanh nghiệp;
- Lựa chọn các tiêu chí để thực hiện trong khoảng thời gian nhất định;
- Thiết lập các chỉ tiêu cụ thể;

- Thực hiện tiêu chí: Bao gồm các hoạt động như thu thập dữ liệu, tính toán, đánh giá, phân tích kết quả;
- Giám sát và thông tin về kết quả thực hiện với các bên liên quan;
- Thực hiện hành động khắc phục, điều chỉnh kịp thời dựa trên kết quả thực hiện;
- Xem xét lại các tiêu chí, chính sách và mục tiêu. Thiết lập tiêu chí, chính sách, mục tiêu cho giai đoạn kế tiếp.

Hình 3: Mô hình triển khai phát triển bền vững tại doanh nghiệp



Nguồn: Veleva & Ellenbecker (2001)

Tuy nhiên, doanh nghiệp không nhất thiết phải lựa chọn tất cả các tiêu chí theo bộ tiêu chí để áp dụng, mà có thể bắt đầu bằng cách lựa chọn những tiêu chí thiết yếu, có tính khả thi, sát với thực tế của doanh nghiệp để thực hiện. Ví dụ: Từ các tiêu chí phản ánh sự tuân thủ quy định đến các tiêu chí phản ánh sự phát triển bền vững trong vòng đời sản phẩm (Veleva & Ellenbecker, 2001). Doanh nghiệp cũng có thể bắt đầu bằng cách lựa chọn chiến lược “Ngăn ngừa ô nhiễm”. Sau khi ngăn ngừa ô nhiễm trong nhà máy có hiệu quả, doanh nghiệp có thể lựa chọn chiến lược có tầm ảnh hưởng rộng hơn như “Quản lý vòng đời sản phẩm”, “Phát triển công nghệ sạch” (Hart, 1997).

Để phát triển bền vững, doanh nghiệp phải hướng đến sự kết hợp hài hòa giữa 3 mục tiêu kinh tế, xã hội và môi trường. Đó là sự phát triển sản xuất, kinh doanh với mục tiêu tối đa hoá lợi nhuận nhưng hạn chế tiêu thụ tài nguyên, giảm phát thải đồng thời chia sẻ lợi ích với các bên liên quan như nhà nước, cổ đông, nhân viên, khách hàng, cộng đồng.

Mô hình phát triển này giúp doanh nghiệp không chỉ phát triển kinh tế mà còn tiết kiệm được các nguồn lực, bảo vệ được tài nguyên, môi trường.../.

Tham khảo

1. GRI standards (2016), <https://www.globalreporting.org/standards/>

2. Hart, S. L. (1997). Beyond greening: strategies for a sustainable world. *Harvard business review*, 75(1), 66-77

3. Krajnc, D., & Glavic, P. (2003), *Indicators of sustainable production*. *Clean Technologies and Environmental Policy*, 5(3-4), 279-288. doi:<http://dx.doi.org/10.1007/s10098-003-0221-z>

4. Quyết định số 622/QĐ-TTg, ngày 10/05/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành kế hoạch hành động quốc gia thực hiện chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững

5. Quyết định số 1362/QĐ-TTg, ngày 11/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch phát triển bền vững doanh nghiệp khu vực tư nhân đến năm 2025, tầm nhìn 2030.

6. RobecoSAM (2016), *CSA Guide - RobecoSAM's Corporate Sustainability Assessment Methodology*, version 4, 2016

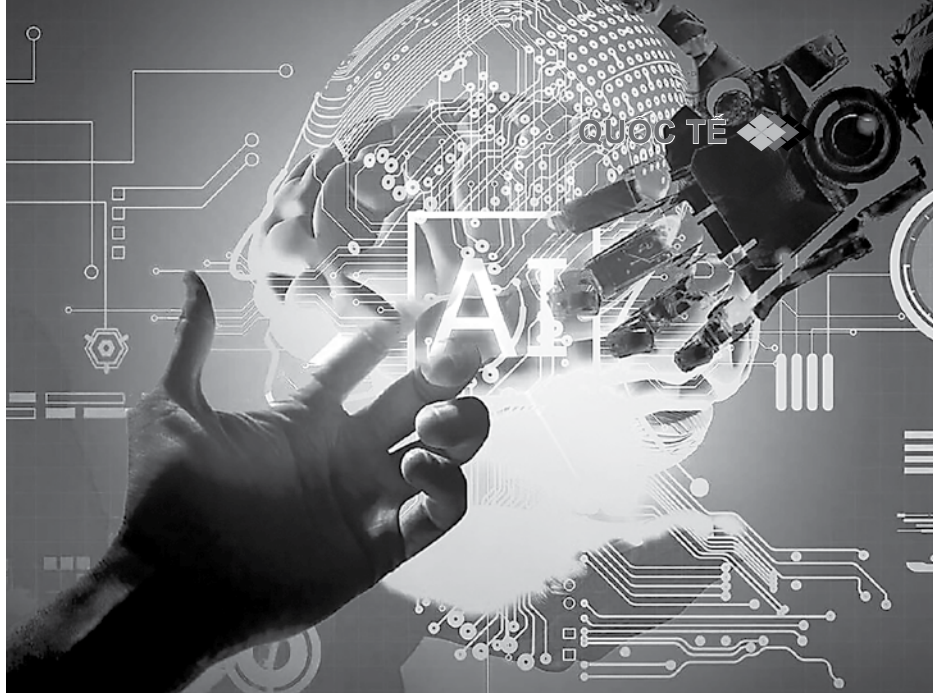
7. United nation (2015), *the 2030 Agenda for Sustainable Development*, <http://www.un.org>

8. VCCI (2016), *Bộ chỉ số doanh nghiệp bền vững*, <http://vbcsd.vn/detail.asp?id=697>

9. Veleva, V., & Ellenbecker, M. (2001). Indicators of sustainable production: framework and methodology. *Journal of Cleaner Production*, 9(6), 519-549

10. World Commission on Environment and Development (1987), *Our Common Future*, Oxford University Press

11. Zutshi, A., & Sohal, A. S. (2004). Adoption and maintenance of environmental management systems: Critical success factors. *Management of Environmental Quality*, 15(4), 399-419.



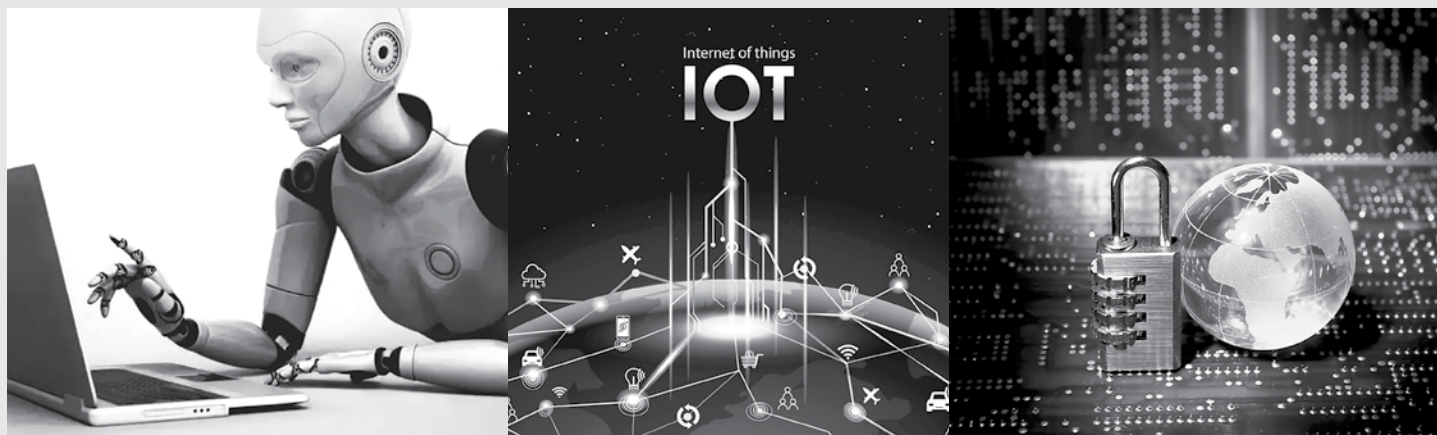
NHỮNG XU HƯỚNG CÔNG NGHỆ ĐÁNG CHÚ Ý TRONG NĂM 2021

Trong thế giới hậu Covid-19, công nghệ đã trở thành một phần không thể thiếu của cuộc sống. Trí tuệ nhân tạo (AI), công nghệ chuỗi khối (Blockchain), Internet vạn vật (IoT), mạng 5G, tự động hóa quy trình bằng robot (RPA)... được đánh giá là những xu hướng công nghệ mới nhất trong năm nay.

Sự bùng phát của đại dịch Covid-19 trên phạm vi toàn cầu khiến cho công nghệ ngày càng phát huy vai trò quan trọng trong bối cảnh giãn cách xã hội, hạn chế tiếp xúc trực tiếp và kinh doanh trực tuyến bùng nổ. Việc nắm bắt xu hướng công nghệ mới trở nên hết sức cần thiết để ứng phó hiệu quả với dịch bệnh, làm việc từ xa, đảm bảo an ninh, an toàn trên mạng. Dưới đây là một số xu hướng công nghệ mới đáng chú ý trong năm 2021:

Trí tuệ nhân tạo (AI)

Trí tuệ nhân tạo (AI) vẫn tiếp tục là một trong những xu hướng công nghệ mới. AI được biết đến với tính ưu việt trong nhận dạng hình ảnh và giọng nói, ứng dụng điều hướng,



trợ lý cá nhân trên điện thoại thông minh, ứng dụng chia sẻ chuyến đi... Ngoài ra, AI còn được sử dụng để phát hiện các dạng thay đổi của hành vi khách hàng, phân tích các tương tác nhằm xác định các kết nối và thông tin, giúp dự đoán nhu cầu đối với các dịch vụ như y tế, giáo dục...

Dự báo, thị trường AI sẽ phát triển thành một ngành công nghiệp 190 tỷ USD vào năm 2025 với chi tiêu toàn cầu cho các hệ thống AI đạt hơn 57 tỷ USD vào năm 2021.

Tự động hóa quy trình bằng robot (RPA)

Giống như AI, tự động hóa quy trình bằng robot (RPA) là việc sử dụng phần mềm để tự động hóa các quy trình kinh doanh như thông dịch ứng dụng, xử lý giao dịch, xử lý dữ liệu, và thậm chí trả lời cả email. RPA tự động hóa các tác vụ lặp đi lặp lại.

Theo ước tính của Forrester Research, tự động hóa RPA sẽ đe dọa sinh kế của 230 triệu lao động tri thức, tương đương khoảng 9% lực lượng lao động toàn cầu, song RPA cũng đang tạo ra nhiều việc làm mới trong khi thay đổi các công việc hiện có.

Internet vạn vật (IoT)

Một xu hướng công nghệ mới đầy hứa hẹn nữa là Internet vạn vật (IoT). IoT cho phép các

thiết bị, thiết bị gia dụng, ô tô và nhiều thứ khác được kết nối và trao đổi dữ liệu qua Internet. Với công nghệ này, bạn có thể khóa cửa từ xa nếu quên khóa cửa trước lúc đi làm và làm nóng lò nướng trên đường đi làm về. Dự báo, đến năm 2030, khoảng 50 tỷ thiết bị IoT sẽ được sử dụng trên khắp thế giới, tạo ra một mạng lưới thiết bị kết nối khổng lồ, từ điện thoại thông minh đến thiết bị nhà bếp. Chi tiêu toàn cầu cho IoT được dự báo sẽ đạt 1.1000 tỷ USD vào năm 2022.

An ninh mạng

Việc con người sử dụng ngày càng nhiều các công cụ công nghệ đang bộc lộ những lỗ hổng bảo mật của mạng Internet và của cả những ứng dụng. Những điểm yếu này có thể đe dọa quyền riêng tư của người dùng cá nhân và bảo mật thông tin đối với các doanh nghiệp. Ước tính của công ty nghiên cứu và tư vấn bảo mật Cybersecurity Ventures, thiệt hại do tội phạm mạng gây ra dự kiến có thể lên tới 6.000 tỷ USD vào năm 2021.

Mối đe dọa an ninh mạng gia tăng cùng với nhận thức cao hơn của người dùng về vấn đề bảo mật sẽ làm tăng sự tập trung vào vấn đề bảo mật trên môi trường trực tuyến. Ngoài ra, với khả năng kết nối Internet trở nên phổ biến

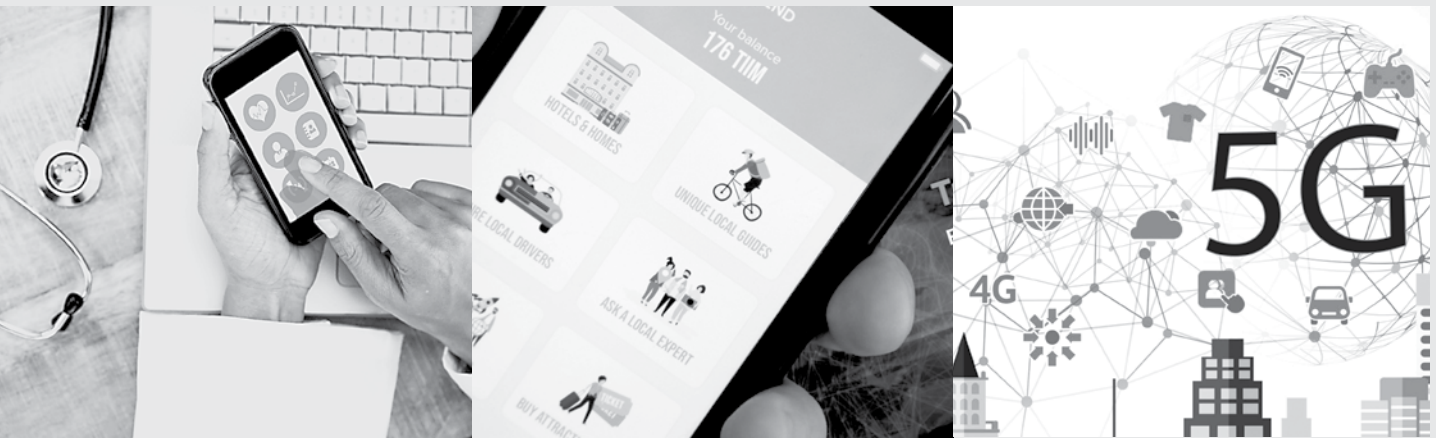
và rộng rãi hơn, nhu cầu về an ninh mạng sẽ mở rộng từ doanh nghiệp sang cả các cá nhân.

An ninh mạng không chỉ giới hạn ở việc đánh cắp dữ liệu, lừa đảo tài chính mà còn là an ninh quốc gia. Do vậy, nhiều Chính phủ đang lên kế hoạch xây dựng các chính sách an ninh mạng mới để bảo vệ cơ sở hạ tầng thông tin, xây dựng khả năng ngăn chặn và ứng phó với các mối đe dọa trên không gian mạng.

Công nghệ chăm sóc sức khỏe từ xa

Đại dịch Covid-19 buộc các nước phải tiến hành các đợt giãn cách xã hội kéo dài, nhưng các bệnh nhân rất khó có thể chờ đợi qua giai đoạn phong tỏa. Do đó, hoạt động tư vấn, khám chữa bệnh từ xa thông qua các phương tiện công nghệ đã tăng vọt, không chỉ về dịch Covid-19 mà còn cho các bệnh mãn tính khác.

Việc "đi khám bệnh" đã thay đổi từ tham gia các cuộc hẹn trực tiếp thành các cuộc gặp trực tuyến với các bác sĩ, dựa vào các ứng dụng như Babylon Health, Ada, WhatsApp và FaceTime. Trong khi đó, nhiều ứng dụng khác như Calm và Headspace đã ghi nhận số người dùng gia tăng mạnh mẽ khi mọi người cố gắng chống lại các tác dụng phụ của việc phong tỏa, chẳng hạn như



rối loạn căng thẳng, lo lắng và cô đơn. Các thiết bị điện tử đeo trên người (wearable) đã phát triển tới mức cho phép người dùng theo dõi nồng độ oxy trong máu, đo nhịp tim và điện tâm đồ, phát hiện nếu người dùng bị ngã và theo dõi giấc ngủ của họ.

Sự gia tăng ứng dụng công nghệ và việc thay đổi hành vi của bệnh nhân/người dùng dịch vụ trong mùa dịch đã và sẽ giúp đẩy nhanh sự phát triển của công nghệ chăm sóc y tế từ xa. Và xu hướng này sẽ còn tiếp tục trong năm 2021.

Công nghệ blockchain

Phải mất một thời gian dài để công nghệ chuỗi khối (blockchain) thu hút được được sự chú ý. Nhưng khi thế giới ngày càng tin tưởng vào các thuật toán dựa trên công nghệ này, thì đã đến lúc blockchain "tỏa sáng".

Trong năm 2021, blockchain sẽ được đón nhận cởi mở hơn trong việc chia sẻ và bảo mật dữ liệu cho cả hoạt động quản lý, cải thiện chuỗi cung ứng lẫn nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe. Việc triển khai blockchain quy mô lớn vẫn chưa hoàn toàn thành công trên thế giới, nhưng xu hướng số hóa gia tăng và sự thâm nhập sâu hơn của công nghệ tài chính (Fintech) sẽ tạo môi trường thuận lợi hơn để blockchain được

áp dụng trong các chuỗi cung ứng đơn giản.

Bên cạnh đó, các cơ quan chính phủ đang ngày càng tận dụng blockchain cho các hoạt động của mình, thay đổi từ tâm lý hoài nghi sang chấp nhận công nghệ này. Do vậy, các quy định liên quan tới blockchain dự kiến sẽ được xây dựng rõ ràng hơn. Giới quan sát kỳ vọng trong 5 năm tới, việc sử dụng blockchain có thể sẽ dễ dàng như việc tạo tài khoản với một ngân hàng truyền thống.

Mạng 5G

Thế giới đã nghe về những lợi ích của mạng 5G trong nhiều năm nay. Nhưng phải đến khi làm việc từ xa, hội nghị trực tuyến và hợp tác trên các nền tảng kỹ thuật số trở thành những yếu tố cốt lõi trong cuộc sống năm 2020, nhu cầu về một kết nối đáng tin cậy và băng thông rộng mới trở thành một lợi ích mà nhiều người thực sự cảm nhận được.

Sự phụ thuộc của con người vào điện thoại thông minh, máy tính bảng và các thiết bị khác càng làm nổi bật nhu cầu về đường truyền viễn thông nhiều lần mà các nhà khai thác mạng luôn nhắc tới. Ngày nay, các doanh nghiệp không thể bị ngắt kết nối và việc triển khai mạng 5G đã trở thành một phần quan trọng của giải pháp.

Khi thế giới cùng nhau tiếp tục làm việc và học tập từ xa, giá trị của mạng 5G sẽ ngày càng trở nên rõ nét vào năm 2021.

Mặc dù trong giai đoạn đầu, đại dịch Covid-19 đã làm gián đoạn việc triển khai mạng 5G mới. Song những nỗ lực này vẫn được tiếp tục và các thị trường lớn như Trung Quốc đã đạt mục tiêu đạt triển khai 5G vào năm 2020. Hiện, các công ty viễn thông như Verizon, Tmobile, Apple, Nokia Corp, Qualcomm, đang tạo ra các ứng dụng 5G và dự kiến sẽ ra mắt trên toàn thế giới vào năm 2021 với hơn 50 nhà khai thác cung cấp dịch vụ tại khoảng 30 quốc gia vào cuối năm nay.

Năm 2020 và đại dịch Covid-19 đã để lại những "vết sẹo" khó lành cho thế giới, đồng thời buộc con người phải dựa nhiều hơn vào công nghệ để có thể duy trì kết nối, làm việc, giải trí và giữ gìn sức khỏe. Sự phát triển của lĩnh vực công nghệ trong năm 2021 sẽ phần nào tiếp nối đà của năm 2020. Nhưng ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 vẫn có thể mang tới nhiều biến động và xu hướng mới trong năm nay, buộc các doanh nghiệp và người dân sẽ phải thay đổi thói quen trong một thế giới còn tồn tại nhiều bất ổn khó giải quyết.

Trúc Linh (tổng hợp)

Nền tảng thanh toán "mua trước, trả sau" THẮNG LỚN TRONG MÙA DỊCH

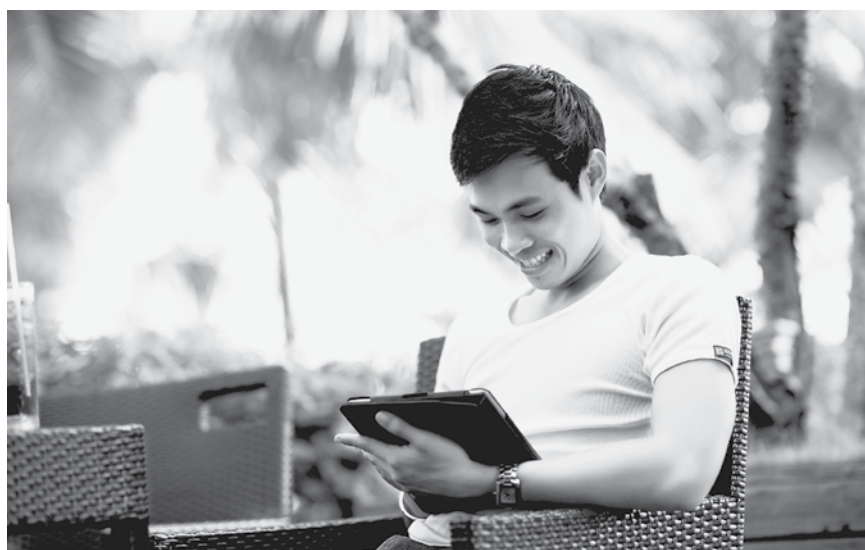
Quang Vinh (tổng hợp)

Năm 2020, trước sự tàn quét của đại dịch Covid-19, nhiều quốc gia trên thế giới phải thực hiện giãn cách xã hội, khiến cho nhiều ngành kinh tế, doanh nghiệp lâm vào tình cảnh nguy khốn, hàng triệu người thất nghiệp. Trong bối cảnh đó, mô hình "mua trước, trả sau" đã tạo sức hút của nhiều người dân khi họ đang thay đổi thói quen tiêu dùng, đặc biệt là giới trẻ.

Mô hình "mua trước, trả tiền sau" có mặt trên thế giới cách đây khoảng gần 20 năm về trước. Đây là hình thức tiêu dùng tín dụng được cung cấp bởi một số công ty tài chính như Klarna, PayPal Credit hay Afterpay... đang rất thịnh hành tại Mỹ và châu Âu, đặc biệt ở những người trẻ tuổi. Hầu hết các nhà cung cấp hàng đầu của dịch vụ "mua trước, trả sau" đều có các tùy chọn thanh toán được nhúng trên trang web của nhà bán lẻ, giúp khách hàng dễ dàng chọn tùy chọn "trả chậm" hơn khi họ mua sắm.

Tuy không phải là mô hình mới song chưa bao giờ loại dịch vụ này lại được người tiêu dùng lựa chọn nhiều như hiện nay. Theo số liệu của Compare Market, có 23% những người ở độ tuổi từ 18-24 chuyển sang hình thức mua sắm mua trước trả sau để hỗ trợ việc chi tiêu, đặc biệt là từ sau khi lệnh giãn cách được áp dụng tại nhiều nơi trên thế giới.

Trong số những tên tuổi trên thì Afterpay được người tiêu dùng nhắc đến nhiều nhất trong năm vừa qua. Afterpay là một startup non trẻ của Australia được thành lập năm 2014. Đây là một nền tảng thanh toán "mua trước, trả sau", cho phép người dùng giảm bớt



chi phí mua hàng của họ qua các hình thức trả góp thông thường, không lãi suất. Điều gây sức hút đối với người tiêu dùng ở Afterpay chính là không tính lãi đối với các khoản trả chậm, nếu khách hàng thực hiện tất cả các khoản thanh toán đúng hạn, họ sẽ không phải trả thêm bất kỳ một khoản chi phí phát sinh nào ngoài giá mua hàng ban đầu. Ngoài ra, AfterPay không tính phí trễ hạn lũy kế đối với các khoản thanh toán chậm, khoản phí này nếu có được giới hạn ở ngưỡng dưới 25% của giá mua hàng ban đầu. Ưu điểm này giúp người tiêu dùng không phải chịu gánh nặng nợ lũy kế theo thời gian. Ngược lại AfterPay tính phí cho người bán,

ở mức 5% dựa trên giá bán sản phẩm. Dù mức phí này cao hơn so với các mức chiết khấu của một số nền tảng thanh toán khác như thẻ tín dụng và thẻ ghi nợ, song AfterPay lại giúp người bán có thể bán sản phẩm dễ dàng hơn, với số lượng nhiều hơn và do đó tạo ra doanh số lớn hơn đủ để người bán chịu được mức phí trên. Mặt hàng mà các đối tác bán lẻ cung cấp qua AfterPay khá phong phú đa dạng, đáp ứng sự lựa chọn của người tiêu dùng, bao gồm thời trang, mỹ phẩm, đồ trang trí nhà cửa, dụng cụ tập thể dục tại nhà... Bên cạnh đó, việc đăng ký sử dụng vô cùng dễ dàng và hoàn toàn trực tuyến.

Sau khi ra mắt, hoạt động kinh doanh của Afterpay phát triển nhanh chóng. Chỉ sau 2 năm, Afterpay đã huy động được gần 18 triệu USD qua phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng IPO trên sàn chứng khoán Australia. Năm 2018, Afterpay quyết định mở rộng hoạt động tại thị trường Mỹ thông qua các thỏa thuận hợp tác với các nhà bán lẻ thời trang như Anthropologie và Free People. Cái bắt tay này đã giúp nền tảng Afterpay "cất cánh" trên thị trường quốc tế.

Năm 2020, đại dịch Covid-19 đã giáng một đòn mạnh vào thị trường lao động của các nước trên toàn thế giới. Theo Báo cáo Triển Vọng Việc làm và Xã hội châu Á - Thái Bình Dương 2020, ước tính đại dịch Covid-19 đã gây ra mức tổn thất khoảng 81 triệu việc làm trong năm vừa qua. Trước con số đó, giới phân tích dự báo các nhà cung cấp dịch vụ mua trước, trả sau sẽ chật vật trong cơn suy thoái kinh tế do nợ xấu gia tăng và người dân thắt chặt chi tiêu khi việc làm mất mát và thu nhập giảm xuống.

Tuy nhiên, tình hình dường như đang diễn biến trái ngược với dự báo trên. Trong bối cảnh hàng loạt doanh nghiệp phải lao đao, người dân bị thất nghiệp, cắt giảm thu nhập thì lượng người tiêu dùng thay đổi thói quen tiêu dùng, từ mua sắm truyền thống sang "online" có xu hướng tăng lên đáng kể. Ví dụ như tại Mỹ, doanh số ngành thương mại điện tử của Mỹ đã tăng hơn 30% trong khoảng thời gian từ quý I đến II/2020. Trong những tháng tiếp theo, nhu cầu mua sắm trực tuyến vẫn tiếp tục tăng cao từ người tiêu dùng ngay cả khi nhiều doanh nghiệp đã mở cửa trở lại. Điều này đã thúc đẩy nhiều chi tiêu trực tuyến hơn. Trong quý II/2020, người tiêu dùng nước này đã chi tới

211,5 tỷ USD cho trực tuyến, tăng 31,8% so quý trước đó.

Trong xu hướng đó, chiến lược của Afterpay lại tỏ ra khá phù hợp và trở thành một hiện tượng thành công của ngành dịch vụ tài chính thế giới. Minh chứng là lượng người dùng nền tảng Afterpay đã tăng lên một cách nhanh chóng. Theo thống kê, lượng người dùng thường xuyên của Afterpay trên toàn cầu vào cuối tháng 6/2020 đạt 9,9 triệu người, tăng 116% so với cách đây một năm. Quý II/2020, Afterpay trải qua quý kinh doanh tốt nhất nhờ việc người mua sắm trên toàn cầu đổ xô chuyển sang sử dụng các dịch vụ mua trước, trả sau trong thời kỳ phong tỏa kiểm soát dịch bệnh. Trong quý này, trung bình mỗi ngày Afterpay đón nhận thêm 20,5 nghìn người dùng mới, giúp tổng giá trị giao dịch hàng hóa và dịch vụ (GMV) ở nền tảng Afterpay tính đến thời điểm cuối tháng 6/2020 đạt mức kỷ lục 3,8 tỉ đô la Úc (2,64 tỉ đô la Mỹ), tăng 127% so với cùng kỳ năm ngoái. Phần lớn GMV của Afterpay đến các khách hàng Úc và Mỹ.

Afterpay đã dễ dàng tiếp cận hơn với người tiêu dùng trẻ và bắt kịp với sự chuyển dịch nhanh chóng sang mua sắm trực tuyến trong đại dịch Covid-19. Tính cả năm 2020, Afterpay có lượng người dùng hoạt động tăng lên đến 11,2 triệu người khi đại dịch thay đổi thói quen chi tiêu. Tại thị trường Mỹ, Afterpay có 5,6 triệu người dùng thường xuyên tính đến ngày 30-6, chiếm hơn 50% lượng người dùng toàn cầu. Bên cạnh đó, con số các thương hiệu, nhà kinh doanh hợp tác tích cực với AfterPay tăng lên 55.400 đối tác (72%).

Vào thời kỳ đầu của đại dịch, khách hàng sử dụng nền tảng Afterpay chủ yếu mua các mặt hàng liên quan đến sức khỏe, giải trí

và trang trí nhà cửa. Đến tháng 4, nhu cầu người tiêu dùng mua trang thiết bị và dụng cụ văn phòng tại nhà nhiều hơn sang tháng 5, họ chuyển sự chú ý sang các sản phẩm thời trang và nữ trang.

Hiệu quả kinh doanh trên đã khiến cho giá cổ phiếu Afterpay bứt phá ngoạn mục với mức tăng hơn chín lần vào tháng 7/2020 tính từ thời điểm khi thị trường chứng khoán Úc chạm đáy vào tháng 3/2020, và đưa startup này trở thành công ty công nghệ có vốn hóa lớn nhất tại Úc, khoảng 13,5 tỉ đô la Mỹ.

Vào tháng 5/2020, startup non trẻ này đã lọt vào tầm ngắm của nhiều nhà đầu tư lớn, trong đó có gã khổng lồ công nghệ Trung Quốc Tencent (một trong hai công ty đang thống lĩnh thị trường thanh toán số hóa) đã trả hơn 200 triệu USD cho 5% cổ phần của công ty. Điều đó đã khiến Afterpay trở thành một trong những cổ phiếu 'nóng' nhất ở đất nước quê hương Australia. Không chỉ Tencent, Afterpay cũng còn gây sức hút với nhiều nhà đầu tư khác trên thế giới. Tính đến đầu tháng 11, Afterpay đã huy động thành công 452 triệu đô la Mỹ từ các nhà đầu tư tổ chức để chuẩn bị thâm nhập vào các nước khác.

Bên cạnh Afterpay Afterpay cũng còn nhiều các đối thủ cung cấp dịch vụ mua trước, trả sau khác gây sự chú ý với người tiêu dùng như Zip Co., Splitit Payments Ltd. và Sezzle Inc. Tất cả họ đang nhắm đến ngành công nghiệp thanh toán toàn cầu có giá trị 1.900 tỉ đô la Mỹ mỗi năm.

Thành công của dịch vụ "mua trước trả sau" rõ ràng đã chứng minh trong khó khăn luôn mở ra những thời cơ mới. Các nhà kinh doanh cần sáng tạo, nhanh chóng nắm bắt được xu hướng để thành công trên thương trường./.



**CUNG CẤP THÔNG TIN ĐẦY ĐỦ, KỊP THỜI, CHÍNH XÁC
LÀ QUYỀN LỢI VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA MỖI ĐƠN VỊ ĐIỀU TRA**